VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

THƠ VĂN CÁC CÂY BÚT NỮ

SỐ 33, THÁNG 10 NĂM 1988

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

THƠ VĂN CÁC CÂY BÚT NỮ

Tranh bìa : *Tranh dân gian đầu thế kỷ 20*
Nguyễn thị Hoàng Bắc : *Máu se tàn lạnh, truyện trang 1*
Trần Sa : *Thơ, trang 11*
Phạm thị Ngọc : *Mưa đêm, truyện trang 15*
Vũ Thùy Hạnh : *Thơ, trang 40*
Trần thị Kim Lan : *Hoàng tử và Kẻ khờ, truyện trang 41*
Như Chi : *Mây, thơ trang 54*
Nguyễn thị Thanh Bình: *Người khách lạ, truyện trang 69*
Thụy Khuê : *Đọc Bèo Giạt của N.M.G., trang 85*

Tạ Chí Đại Trường : *Tiền đúc Đàng Trong (kỳ 3) trang 55*
Võ Đình : *Ý nghĩa một lời giới thiệu, trang 78*
Nguyễn Tấn Hưng : *Còn đâu thi vị, trang 91*
Bùi Ngọc Đường : *Nhật Tiến : Một khuynh hướng sáng tác mới trong Văn học hải ngoại (tiếp kỳ trước) trang 111*
Văn Học : *Giới thiệu sách mới, trang 127.*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC
Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết
Phụ trách bài vở và điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác
Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết
Đại diện Văn Học ở Âu châu : Mr Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone : 45831912
Đại diện Văn Học ở Úc châu : Nguyễn Khắc Phú
5/25 George Street, Yagoona, N.S.W. 2199 Australia.
Phone : (02) 7711770
Thư từ tiền bạc xin gửi về : **Văn Học**
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA 92643 USA
Phone : **(714) 832.8445**

Nguyễn Thị Hoàng Bắc.

Máu se tàn lạnh.

Máu se tàn lạnh điệu chào
Trên đầu phố lạ vẽ màu quê chung

(Bùi Giáng)

Dù sao thì mọi sự cũng đã vỡ lỡ hết rồi !

Chiều hôm qua sau một tuần dài ê-ẩm chiến tranh lạnh với chồng (ôi cũng như bao nhiêu lần trước khác) khi tan sở ra về ngước nhìn đất trời quạnh hiu sau màn mưa lắc rắc, Nguyệt quyết định đón xe bus đến thẳng sở Viện để chờ chồng cùng về luôn. Cơn mưa dìu-dịu muà hè không thấm đất nhưng cũng làm xua tan đi cái không khí nóng bức ngột thở cả tuần lễ nay. Bầu khí-quyển của trái đất nứt-nẻ này đang bị nóng lên dữ dội vì những cuộc thử-nghiệm nguyên-tử, trái đất chắc sắp nổ tung đến nơi rồi, chậc, những kẻ đang yêu nhau da-diết chắc là đáng tiếc lắm! Nguyệt nhếch môi cười buồn-bã khi thấy từng giọt nước lạnh đang thấm ướt ruột gan mình.

Viện không lạnh-lùng cũng không ngạc-nhiên mừng-rỡ khi thấy Nguyệt bước vào. Vẻ mặt bình thường quen thuộc nguội ngắt của chồng ngước lên làm Nguyệt bỗng thoáng sững-sờ bối-rối và hình như có chút gì hụt-hẫng. Sao chàng không hề thấy thái độ xuống nước để "hiệp thương tiến tới hòa bình" của mình chiều nay có ý nghĩa chút xíu nào sao? Cổ họng khô đắng, Nguyệt nuốt nước miếng.

Hóa ra Viện không hề thấy có gì lạ (chớ nói gì đau đớn) cái gì như mình cảm thấy trong những lần hai vợ chồng có chuyện gay cấn không vui. Chàng xếp giấy tờ vào hộc, đóng ngăn kéo, sửa lại gọng kính, rồi xoa tay vui-vẻ nhìn lại bàn giấy đã gọn-gàng bảo vợ:

— Rồi ! bây giờ mình có thể về !

Kìa Viện, anh không hỏi xem em đã đến đây bằng gì (em đi bus hay taxi, sao không gọi điện trước để anh chờ, lỡ anh không biết đi về trước luột mất thì lại mất công em...) như Nguyệt đã bồi hồi thổn thức đủ điều rối trí lúc ngồi trên xe. Nguyệt còn luống cuống lo ra lỡ khi đến nơi Viện ân-cần rối ra rối-rít quá mức thì liệu Nguyệt còn có thể làm ra vẻ lạnh lùng bất cần mãi được nữa không?

Nguyệt gật đầu chào như cái máy người bạn ngồi bàn kế bên của chồng rồi lủi thủi theo Viện đi ra. Ôi, người đàn bà yếu đuối tên Nguyệt hôm nay lại phải tiếp tục che giấu nỗi thất-vọng lớn-lao của mình bằng sự lạnh nhạt như bao nhiêu lần khác nữa sao?

Hàng mãng-cầu xanh um những lá... Mùi lá mãng cầu hăng-hăng đắng-đắng, mấy đứa nhỏ khác có thể kêu là trèo mãng-cầu chẳng thích mà chỉ nghe nhức đầu lắm vì mùi lá hôi hôi, nhưng con bé Nguyệt thì chẳng thể đồng ý, nó còn thấy khoái nữa là khác, vì ở sở của bố ngoài hàng chục gốc mãng-cầu trồng dài trước cửa văn-phòng ga, còn có thứ cây trái gì khác nữa đâu!

Mấy cụm bông mồng gà đỏ vàng mọc lè tè dưới đất bên cạnh dãy càng-cua màu xanh vẽ thành hàng chữ in "GA KÔNG PHA", Nguyệt tự hỏi ngoài tác dụng trồng để giới thiệu cái tên đó, khi đoàn tàu dài dằng-dặc đã chạy qua, nó đâu còn có ý nghĩa gì đâu.

Hàng cây lá mãng-cầu lao-xao bóng mát, những quả mãng cầu non chưa nứt gai thì xanh um màu ngọc, chín nứt rồi thì hồng trắng nõn-nà. Gió thổi lọt qua kẽ lá, lọt qua tóc Nguyệt, lau khô mát rượi gáy, ngực và cái lưng áo đang ướt đẫm mồ hôi nhớp-nháp vì leo trèo dưới nắng.

— Trái này chín tới để dành cho Ba, mấy trái này còn sống chắc phải "giú" lâu để dành cho Má và em Bé cho tới khi nào... Má dắt Bé về.

Đột nhiên Nguyệt hụt hẫng suýt tí nữa sút tay chóng mặt ngã nhào xuống đất. Rồi thảng thốt nó bỗng kêu lên không thành tiếng một mình:

— Bé ơi! Bé, khi nào em bé mới về ?

Tiếng Viện quay xuống hỏi gióng :

— Em có cần đi chợ chiều nay để anh ghé?

— Thôi anh ạ... chắc đồ ăn dự trử cũng còn...

Hai người ở băng trước lại quay qua tiếp tục câu chuyện nói dở.

Viện đang nhận nghiên-cứu chung một đề-án của hãng với một người bạn gái đồng-nghiệp, Anh-Thư, cô kỹ-sư tốt nghiệp cùng khóa với chàng. Hai người lại có giao tình thân mật lúc ở Sàigòn trước khi di-tản. Có lẽ Viện còn quen biết Anh-Thư trước khi quen với Nguyệt. Mặc dù hiện giờ cả hai đã "yên bề gia thất", nhưng có ăn thua gì, đâu phải chồng Nguyệt chỉ có một mình Anh-Thư là bạn gái đồng nghiệp, tri-âm tri-kỷ bạn trai bạn gái..., ngược lại với tính Nguyệt, Viện vốn giao thiệp rộng rãi xưa nay. Nguyệt ghé mắt nhìn thành phố qua cửa kính sau lờ mờ hơi nước. Một cơn gió mạnh chợt hắt vào theo khe cửa mở hờ, Nguyệt bỗng chợt rùng mình ớn lạnh. Tiếng gọi thất-thanh xé ruột của hai mươi lăm năm trước đột-nhiên vang lên mồn-một bóp nhói chận đứng trái tim trong một nhịp:

— Bé ơi! em Bé... khi nào em mới chịu về?

Nhưng rồi người đàn bà ấy cuối cùng đã đến ở chung với bố. Buổi tối Nguyệt ngồi quay lưng học bài, tình-cờ quay mặt lại thì trông thấy một cảnh kỳ-cục: Dì Thảo mặc quần đen ống rộng nhưng hai ống quần đã xăn cao lên quá gối, chắc là dì đang nóng nực lắm, hai ống chân dài suông đuột trắng muốt đang gác chồng lên đùi của bố. Dì nửa nằm nửa ngồi dáng mỏi mệt nhưng nụ cười lại hé mở, bố thì luôn tay quạt mát và thoa lưng cho dì. Nguyệt nghẹn ngào sợ hãi hồi lâu mà dường như cả bố lẫn dì cũng chẳng ai buồn chú ý. Giận ứ cổ, Nguyệt quay lại cố nhìn vào vở, những hàng chư, long-tong tung lên hất xuống như lũ bắp rang trong lò điện, trên trang sách tập viết nơi tấm bản đồ tô chỗ đỏ chỗ xanh.

Có sự chia-lìa nào mà không đớn đau, có sự chia xa nào mà không đứt ruột? Nguyệt quyết-định mang cả các con đi với mình vì không muốn như mẹ, hai mươi lăm năm trước đã để mặc con bé Nguyệt lại cho bố nó. Cứ mỗi chiều khi đi học về Nguyệt không dám ở chung nhà với người đàn bà ấy vì có lẽ người đàn bà xinh đẹp trắng-trẻo cánh tay nuột-nà mà đôi chân còn trắng hơn, mái tóc mỗi khi dì gội đầu xõa tung dài mượt ấy, dường như không mấy hài lòng vì sự có mặt đều-đặn của Nguyệt trong nhà. Đút cái cặp vào ngăn cuối của kệ sách có những thanh sắt móp cong đã tróc sơn loang lổ đặt trong một góc phòng tối nhất, Nguyệt lò-mò thay áo quần trong bóng tối, gấp lại bộ đồ đi học phẳng phiu để dưới chân giường, Nguyệt len lén lách ra khỏi nhà. Cặp mắt của dì dưới hai hàng lông mày nhổ sắc lúc nào cũng im lặng kiểm-soát, dì ít nói (bố vẫn khen dì kín tiếng, không lắm mồm mè-nheo như mẹ Nguyệt), nhưng tim Nguyệt vẫn thường như hụt hẫng mỗi khi bắt gặp ánh mắt theo dõi của dì. Nó bỗng thấy đặt tay sờ lên bất cứ món đồ ăn hay vật-dụng nào lặt-vặt gì trong ngay chính căn nhà mà trước đây bố mẹ và em bé của nó ở, sao giờ đây, Nguyệt thấy

giống như mình đang làm một tên kẻ cắp. Dì chỉ lặng lẽ nhìn và Nguyệt lại bối-rối khổ-não rồi hoảng hốt rụt tay lại trốn đi. Mỗi ngày trừ bữa cơm chiều ngồi cắm-cúi nhai nuốt trước mặt bố và dì, Nguyệt không biết làm gì hơn là vơ-vẩn phía trước hàng ba hẹp chung quanh dãy nhà cư-xá. Mặt nó dạo này đen sạm lại vì nắng (vì có mấy khi Nguyệt được ở trong nhà hay trong bóng dâm mát đâu). Dì dường như cũng đồng-ý để mặc cho Nguyệt lêu bêu cho đến tối khi bố về theo tiếng còi huýt của chuyến xe lửa chiều. Ăn cơm xong, Nguyệt rót nước cho bố, bố vừa đọc báo vừa uống nước, nói chuyện hay quạt mát cho dì, Nguyệt vẫn ngồi y-nguyên chỗ cũ lật qua lật lại mãi mấy quyển sách hay chăm chú thè lưỡi thấm nước bọt vào cây bút chì cứng tập vẽ tập viết, không có tiếng em bé cười sặc nhún nhẩy bên mẹ sau lưng để Nguyệt lâu lâu quay lại nhìn và tắc lưỡi lắc đầu ghẹo nó, bàn tay mũm-mĩm ửng hồng của em sẽ sờ nhè-nhẹ lên mặt Nguyệt gây cảm giác nhột nhạt dễ chịu. Nguyệt nhớ mẹ nhớ em bé quá đến nỗi đọc mãi bài học thuộc lòng có bốn câu mà chẳng thể thuộc.

Suốt một mùa hè năm đó lại càng tệ. Hình như suốt tuần suốt tháng, Nguyệt chỉ có ăn măng-cầu sống. Măng-cầu chín ăn thì ngọt lịm thế mà khi sống thì thật nhá không vô. Nó vừa hăng vừa đắng, chỉ có ở giữa ruột thì hơi mềm và ngọt-ngọt một chút. Năm khi mười họa, gặp được mấy trái chín mùi chưa kịp sút cùi mà bị chim khoét ăn bỏ dở, thiệt là hơn trúng số, ngọt lịm hơn đường phèn và còn hơn cả những trái được "giú" cẩn thận bốn năm ngày trong thùng gạo hay trong bịch ni-lông gói kín cất trong lu! Suốt ngày không đến trường, Nguyệt lang-thang lùng-sục trong khu vườn um-tùm quanh ga làm việc của bố, chán rồi, Nguyệt men đường đi xa hơn. Có lần, Nguyệt tần-ngần đứng lặng hàng tiếng đồng hồ ngắm-nghía mãi một gốc me ở bìa rừng. Thân cây sù-sì có những mắt tròn đen sâu hoắm, Nguyệt thử áp tai sát vào thân chờ xem có nghe thấy tiếng nói gì từ trong cây phát ra không? Làm sao nó có thể sống, ra bông, ra trái vào mùa hè, rụng lá vào mùa đông, và lại tự đâm lộc non xanh um vào dịp Tết, nó cũng hít thở như mình, lẽ nào lại không biết nói? Có tiếng nói thì-thầm bí-mật giấu kín trong thân cây mà mọi người chưa khám phá ra và liệu Nguyệt sẽ có thể là người đầu tiên trước tất cả mọi người nghe được tiếng nói ấy? Như Nguyệt đã từng nghe được tiếng còi tàu của bố hét tự đằng xa *"Huýt!"* và tiếng xình-xịch của con tàu *"Nguyệt, bố về kìa, Nguyệt, bố về kìa"* mỗi buổi chiều. Nguyệt áp tai sát hơn chút nữa, nghe nhịp tim mình đập mạnh và dường như có một chút hơi ấm nào đó của nhựa cây đang chuyển vào người mình, nó thì thào hỏi nhỏ:

— Mày biết... hiện giờ má và em bé tao đang ở đâu không?

— ... Không biết à? Không có nghe tao nói hả? hay tại mày không

biết nói?

Nguyệt phá lên cười rồi giống như mỗi lần Nguyệt lên trả bài mà không thuộc bị cô giáo cốc vào đầu, nó cốc mạnh vào thân cây một cái, ui dà, đau điếng cái ngón tay. Nguyệt bỏ đi. Nhưng cũng nhờ vậy mà Nguyệt tìm ra con suối và lần đó nó theo mấy người đàn bà đi chợ về xắn quần lội qua suối và vào tận trong buôn. Dần-dà rồi Nguyệt cũng tìm ra được vài đứa bạn. Cả một dãy nhà vãng-lai ba căn của cái ga miền núi hẻo lánh này, Nguyệt tìm không có một đứa nhỏ nào để làm bạn. Vượt qua con suối đi vào buôn, riết rồi Nguyệt cũng đen-đủi tóc cháy vàng xơ chẳng khác gì mấy đứa bạn Sê-tiêng thân-thiết hiện tại của mình. Nhưng nhờ vậy mà Nguyệt không phải ăn mãng-cầu sống nữa!

Sắn lùi, bắp nướng, cơm nguội, trái cây, có bữa lại được ăn cả khoai sáp dẻo luộc chín... Chơi chán, Nguyệt vừa nói tiếng kinh vừa học nói tiếng Sê-tiêng như tụi nó trong buôn, Nguyệt bỏ ra vườn nằm gối đầu lên gốc cây chanh ngủ mát. Mở bừng mắt dậy hồi nào thấy mây trôi lớp lớp qua tàng lá cây dưới trời còn nắng, vậy là có thể yên tâm ngủ tiếp, hoặc thức dậy xay lúa giã gạo, chơi rãi-ranh bằng hột cây bách-diệp, ra suối vớt đất sét nắn nồi nắn chảo rồi phơi khô trên những gộp đá nóng. Hôm nào nước cạn thì lượm sỏi trắng dưới đáy lên để dành chơi ô-làng, hôm nào nước lớn thì kết bè bằng bẹ chuối đua thuyền xem thuyền đứa nào sẽ ra tận thác Đa-nhim (?) Bóng mặt trời đã xế, còi của chuyến tàu chiều của bố sắp huýt lên *"Huýt, Nguyệt, bố về kìa... Nguyệt, bố về kìa"*, Nguyệt trả đứa em lại cho đứa bạn mà nãy giờ Nguyệt đang bế hộ, xắn quần cao lội qua suối về nhà.

Trông như Nguyệt đang thắng lợi đủ mọi bề: ở một nước văn minh như Mỹ quốc, luật-sư đã giúp Nguyệt dành đủ mọi thứ về cho một người đàn bà ly dị: Nguyệt có quyền nuôi giữ hai con, Nguyệt có nhà có xe. Mọi thứ trong nhà, Viện đều phải để lại để ra đi tay không. Ngoài ra mỗi tháng theo phán-quyết của tòa, Viện phải khấu-trừ tiền lương của mình để đóng vào tiền mortgage của căn nhà hiện giờ là tài-sản riêng của mẹ con Nguyệt, cho tới khi nào thằng bé Ti 18 tuổi. Người luật-sư tốt bụng còn hứa sẽ cố đòi cho được việc Viện phải chu tất mọi tốn kém về pháp lý của Nguyệt... Mọi việc rất an tâm trôi chảy thắng lợi và lạnh lùng giòng nước chảy xuôi, lên ghềnh xuống thác rồi tất phải đổ ra biển, có nước nào mà lại nước chảy ngược lên trời? Mọi sự đang xảy ra dễ-dàng giản dị nhiều hơn điều Nguyệt nghĩ-ngợi. Nhưng có phải mọi sự xảy ra chỉ vì người đàn bà tên Anh-Thư đi quá giang một chuyến xe? Có lẽ chưa bao giờ Nguyệt nói thành lời với chồng (mà tại sao mọi chuyện đều phải nói ra lời như thế nhỉ?), Viện không chịu hiểu và không thể cố chấp-nhận được: nếu là chồng, Viện

chỉ nhất định là của một mình riêng của vợ và con của chàng thôi. Tại sao chàng hay chen vào chuyện người khác — nhất là những người đàn bà — chàng có thể đưa rước giùm một người bạn gái hỏng xe đều-đặn chu đáo như đưa rước Nguyệt, có thể chở hộ con một người bạn đi bác-sĩ vì hôm đó bố nó bận đi công việc xa chưa về (mà Viện đâu có phải là bố nó?), có thể bỏ hết ngày giờ những chiều thứ bảy, chủ nhật đáng lẽ dành-cho-vợ-con cho một buổi hội họp cộng đồng nào đó, cho một tờ báo hô hào một công tác "chùa" nào đó... Những điều ấy gom lại có phải là những thông điệp lịch sự gián tiếp Viện gởi tới để nói với mẹ con Nguyệt là Viện đã chán họ lắm rồi? Nỗi ghen tức ngấm ngầm và giận ứ vì không có lý do rõ rệt để giải-thích, Nguyệt tỏ dỗi-hờn lạnh-lẽo thì không thấy Viện dỗ dành. (Vậy mà có người kể lại có lần Viện có thể bỏ ra gần suốt một buổi chiều để đưa đón thuyết phục- sao không nói là cưng chiều quỵ lụy dỗ dành- một cô mầm non văn nghệ để cô ta chịu hợp tác cho một show đại-nhạc-hội gây quỹ cho những ai ai... Chả phải Nguyệt ngu ngốc gì chẳng chịu tham gia, nhưng Viện có bao giờ mở miệng gọi mình, Viện chỉ muốn Nguyệt ngồi nhà với hai đứa bé thôi!)

Ngày ấy mẹ giận bố mà đi (mãi sau này lớn lên Nguyệt có tìm gặp lại mẹ, mẹ là một phụ nữ hết sức yếu đuối, đôi mắt lúc nào cũng thất thần sợ hãi, em bé đã không còn là em bé có đôi tay mũm-mĩm với những ngón tay hồng mềm mại thường bấu chặt vào má vào cổ hay mặt Nguyệt mỗi khi Nguyệt bế em lên. Nó giờ đã là một cô bé xa lạ xinh đẹp nhưng hoàn toàn không giống gì với sự tưởng tượng của Nguyệt ở ngày xưa). Mẹ hờn ghen vì bố lăng nhăng chuyện vãn với người đàn bà đi buôn hàng theo chuyến xe lửa đi về của bố — dì Thảo là một trong những người đàn bà đó sau này đã theo về ở với bố. Dì sinh cho bố một đứa con trai mà sau đó rồi cũng thôi bố để đi lấy chồng khác — So với Nguyệt ngày nay, luật-pháp có phải đã nhân-đạo hơn, xã hội có phải đã văn-minh hơn, Nguyệt có đủ mọi uy quyền và điều luật đang sẵn-sàng che-chở bảo-vệ và binh vực những người đàn bà yếu-đuối khi cần phải phản-kháng lại người chồng sai lầm?

Hàng cây mãng cầu dâm bóng, con suối lội qua và con buôn thượng Sê-tiêng sung-túc rậm-rịt sum-suê vườn cây ăn trái, những cót lúa vàng, cót bắp trắng đầy ắp, tiếng xay lúa kẽo kẹt mơ hồ, tiếng suối chảy rì-rầm không ngớt, so với con bé Nguyệt lang-thang đen-đúa thuở ấy, hai đứa con nàng mũm-mĩm trắng hồng..., chúng sẽ lớn lên trong căn nhà ba phòng sẽ sắp là riêng của mẹ chúng, chúng sẽ ngủ mỗi đứa một phòng riêng tiện nghi ấm áp. Đâu phải vô tình mà Định-mệnh đã đưa đẩy Nguyệt trôi dạt đến cái xứ-sở này, học-hành làm việc rồi gặp Viện để rồi tha-hồ đau-khổ vì bị Viện thờ-ơ mà đành cam

tâm nhẫn-nhịn hoặc lặng lẽ thua cuộc ra đi như cái thuở hoàng hôn nào của những cuộc đời đàn bà đen tối ở một quê hương ẩm thấp tối tăm? Nỗi căm giận bố nỗi căm giận chồng từ nay trở đi sẽ không còn là những đám mây đen có thể che mờ mặt Nguyệt...

*
* *

Viện thật tình không hiểu người vợ mình muốn gì? Cô ta muốn trừng trị chàng cho chừa thói trăng hoa (?), cô ta muốn tự chứng-nhận vai trò uy-nghi của mình trong tim chàng và sau hết muốn tỏ ra mình là một cô đầm trí thức am hiểu luật pháp cư-xử với chồng điệu nghệ như Mỹ văn-minh với Mỹ? Nàng ta lạnh-lùng sắt đá như tảng băng lạnh, như gốc cây khô, như quan tòa mặc áo cổ cồn không cảm giác, chỉ cần chiếu theo điều này luật nọ để thế thiên hành đạo. Phải, Nguyệt đang thay trời hành đạo đó và lưới trời lồng lộng tuy rộng và thưa nhưng Viện đừng hòng trốn thoát.

Chỉ có điều, ở với nhau gần mười năm trời trên đất Mỹ, Viện mới thấy phân vân không biết Nguyệt giống gì về những điều mà Viện "định nghĩa" về đàn bà: Là mùi hoa dìu-dịu, hương của hoa lài hoa bưởi như toát ra từ những tà áo trắng tha thướt của những chiều mưa không ướt đất mà Viện đã đi bộ, đi vê-lô trốn học đuổi theo không biết mệt? là mùi mắm tôm, mắm ruốc, mùi gia-vị cay nồng lẫn với mùi mồ hôi ngai-ngái của những hàng quán thức ăn dọc theo chợ mà những khi vui chơi bạn bè chàng cũng có ghé chân vào? Là mùi thơm nồng ấp áp mỗi khi mùa đông gió mưa sùi sụt Viện đạp xe về thăm bà trong một khu xóm nghèo lao-động sũng nước, ngoại ngồi trên võng bõm-bẽm đu-đưa nhai trầu? hay chính là mùi băng phiến toát ra từ chiếc áo gấm lam thơm ngát của mẹ vừa lấy ra từ tủ hòa với mùi trầm hương trên bàn thờ ngày Tết đầu năm mà đi xa lâu rồi Viện vẫn nhớ vẫn bồi hồi xúc động. Lẫn lộn trong mớ cảm giác về đàn bà chắc là phải có mùi phấn son da thịt, những mùi nước hoa đắt tiền và rẻ tiền, những hiến dâng mời gọi cũng như những đổi chát bán mua.

Những người đàn bà con gái mà suốt đời Viện đuổi theo cút bắt, kể cả những cô đầm, cô Mẽo, cô Nhật, cái gì bắt Viện lại thích cưới một cô đầm Việt Nam như Nguyệt vốn cũng chưa chắc nổi bật hơn những người khác? Dáng Nguyệt gầy cao, đôi vai hình như hơi co rút , nhưng một hôm Viện lờ mờ nhớ ra rằng mình đã khám phá ra được ánh mắt nhìn của Nguyệt sao thu-hút quá, ánh mắt u-ẩn mà man-dại, ý-chí rực sáng trong mắt Nguyệt như thuyết phục Viện phải nên cưới Nguyệt và chỉ nên cưới Nguyệt mà thôi.

Chiều hôm ấy, cũng ánh mắt rực sáng kiên quyết thuyết phục đầy lấn-áp đó đã đem giao cho chàng một gian nhà trống không lạnh ngắt

khi từ sở trở về, một cú điện-thoại bất ngờ của một giọng Mỹ xa lạ báo tin mẹ con Nguyệt hiện đang an toàn ở một Shelter và những tờ án lệnh phất phơ đã liên tiếp dán trước cửa đợi chàng những buổi chiều sau đó. Giờ thì chỉ có một cách dọn tay không ra khỏi nhà và không bao giờ còn được gặp mặt những người mà trước đó là vợ con mình, cho tới khi nào Nguyệt cảm thấy cần cho phép và sẽ nhờ luật pháp thông báo.

Đàn bà: những sinh vật xinh xắn hay lũ phù thủy vuốt sắt hiện hình? Đàn bà: những mưu toan thực tế hay những khối óc mơ mộng vẩn vơ? Và những cô đầm Việt trên đất Mỹ? Kìa, nét môi kẻ son hình trái tim, mái tóc mượt mà đen bóng (dù đen thật hay đen nhuộm), ai biết được ẩn dưới mái tóc lắc-lư ngúng nguẩy kia, những cái đầu khôn ngoan toan-tính và đôi môi kẻ hình tim nọ sắp nói với chàng một thứ bẫy sập nào? Mà mình là hạng đàn ông như thế nào nhỉ? Dù đang cơn giận, Viên ngạc nhiên mà thấy rằng sao mình không hề ghê tởm hay thù hận đàn bà. Những cánh tay trắng muốt có móng dài sơn hồng gọt dũa cẩn thận, có những làn môi nhún trề quay đi thì lập-tức có những ngón tay thon khác bên bờ vực không ngớt thò ra vẫy gọi và bíu lấy tay chàng. Có những nụ cười dáng như ngoan hiền đang chấp chới và ánh mắt nào lóng-lánh làm chàng lóa mắt như nắng trưa hè, đứng bóng soi thẳng xuống đầu chàng ngầy ngật. Quả là chàng có chạy theo họ nhưng rõ ràng là họ cũng không chịu để cho chàng yên mà!

Liệu không có đàn bà thì sẽ định-nghĩa đàn ông ra sao nhỉ?

"Đàn bà đẹp thì nhiều mà cuộc đời thì quá ngắn-ngủi" hay *"Sách vở hay thì lắm mà thời-giờ thì chẳng có bao nhiêu"*, cả hai câu Viện đều ngán ngẩm cho là chí-lý cả, vì tại sao không? Đàn bà dù là đàn bà xấu vẫn cứ đẹp như thường. Viên nhếch môi giễu cợt: tại sao Nguyệt vợ chàng lại không cảm thấy hãnh diện vì chàng đã biệt đãi một cách long-trọng những người đàn bà cùng phái đẹp với nàng? còn tình yêu vợ con, đối với chàng, có những bổn phận và trách nhiệm nhất-định mà chưa có giây phút nào Viện lơ-là. Chua xót Viện nghĩ thầm: chỉ khổ là khổ cho mấy đứa bé con chàng... dù sao thì cũng cố cày mà giữ cho chúng cái nhà...

Những mọi điều dù sao cũng đã vỡ lỡ hết rồi. Nguyệt không phải là loại đàn bà tinh-nghịch và kiêu ngạo về cái "phái" của mình! Nếu có, nàng sẽ dễ tha thứ cho chàng, cho sự yếu đuối đôi khi của những người được gọi là phái... mạnh! Và nếu nàng thật sự yêu mình...

*

Nguyệt suy nghĩ: tìm một hạt giống mãng-cầu không phải là khó trên đất nước này, có chăng là gieo giống cho nó lên cây

rồi liệu có thể vun tưới cho nó quen thủy thổ mà lớn mạnh lên không? Cũng như Nguyệt, nàng có thể vững vàng tự lập vì đã trừng-trị đích đáng được Viện, đánh một trận cho chàng thua xiểng-liểng như hôm nay không?

Chiều hôm qua, đứng trong một khu shopping nhìn ra, Nguyệt chợt nhận ra chiếc Toyota màu trắng bạc quen thuộc Viện vẫn lái đi làm. Viện trên xe bước xuống rồi quay sang phía bên kia mở cửa cho một người đàn bà. Họ đi khuất vào một tiệm ăn, Nguyệt cố nhìn và nhận chắc đó không phải là Anh-Thư.

Té ra họ vẫn ung-dung hít thở và quay cuồng với niềm vui lẽ sống riêng nào đó... Và lại những người đàn bà! Căn nhà rộng lớn quá, hai đứa bé nhát sợ đã không dám ngủ một mình nên căn gác bỏ không, ba mẹ con cùng kê giường ngủ chung ở gian phòng lớn từng dưới. Nguyệt nhìn quanh căn phòng lặng ngắt, hai đứa nhỏ đi học chưa về, và tự hỏi: có phải mình đã ngu ngốc tiếp tay cho Viện để chàng tháo cũi sổ lồng trong khi mình lại đang tự giam hãm trong một vùng hào quang tưởng tượng?.

Mùa đông sắp gần kề, liệu căn nhà có biến thành một hầm nước đá để đông lạnh đời mình không?

Nguyệt cúi gục lên mặt nệm, những giòng nước mắt âm-thầm khô-cạn trong bao lâu nên không thể còn lã-chã, dù Nguyệt nghĩ nếu mình khóc được một chút là sẽ đỡ khổ. Nguyệt ngước lên cái bàn ngủ kê bên đầu giường: chiếc đèn ngủ có cái chụp ren màu hồng bên cạnh bức ảnh của hai vợ chồng ngày cưới vẫn còn lặng-lẽ y-nguyên. Người đàn ông trong ảnh ánh mắt nhìn thông-minh dí-dỏm, chiếc mũi cao quí-phái, có lẽ nào lại chính là người mà Nguyệt đã có lần dọa kêu cảnh-sát còng tay hắn lại như một tên vô-lại nếu hắn dám léo hánh xâm-nhập vào căn nhà này của mẹ con nàng? Viện đã lẳng-lặng thu xếp ra đi không hề kháng cáo, làm êm mọi chuyện trên đời theo đúng ý đòi hỏi của nàng, chàng đã thực-sự gớm ghét mình đến như vậy sao? Nguyệt chới-với nhìn lên chỗ góc bàn để ảnh: tấm ảnh của Viện chụp ngày chàng mới tốt-nghiệp trung-học nét mặt thư-sinh khờ khạo mà trong sáng như một thiên-thần ...tấm ảnh ấy, nét mặt ấy, Viện đã lấy đem theo hết cả với chàng rồi.

Nhưng mà như vậy cũng tốt, Nguyệt sẽ không còn có điều gì phải lo lắng bận tâm về Viện nữa. Chỉ có Viện, Nguyệt mỉm cười đắc thắng, hắn ta sẽ phải tò-vò mà nuôi con nhện mãi cho đến khi những đứa con lớn lên đến mười-tám-tuổi! Nguyệt nhất-định sẽ không nói gì với chúng nó về một người bố, về một ông ngoại, về một quê hương mà mỗi khi nghĩ đến nàng chỉ thấy rùng mình xa lạ, Nguyệt cố cười khẽ lên một tiếng để trấn áp cái hình-ảnh kỳ-quái lâu nay cứ hiển hiện ám-

ảnh mình: Nguyệt bỗng tự biến thành một mũi tên lao đi vun-vút vun vút, có những lúc người như ngộp thở, Nguyệt muốn kêu cứu, muốn xin dừng lại, mà không thể được.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

NHA Y SĨ
DƯ THỊ MỸ LAN
GENERAL DENTISTRY

Chữa bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
(714) 898-6449

Giờ làm việc:
Ngày thường: từ 10Am đến 7PM
Thứ Bảy: từ 9AM đến 6PM
Chủ Nhật: từ 10AM đến 2PM

Thơ Trân Sa

Lời Toà soạn : *Văn Học xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc một loạt thơ của Trân Sa, một cây bút ở Canada lần đầu tiên đóng góp cho Văn Học. Trên các số sau, Văn Học sẽ xin liên tiếp giới thiệu những truyện ngắn mới của Trân Sa, một cây bút có nhiều hứa hẹn của năm 1988.*

THƠ TÌNH PHẠM NHAN

Kiếp trước
tôi là tên sát nhân
Kiếp này sinh ra làm người-bị-giết.
Thượng đế trao quyền cho người hành quyết
bằng tình yêu
như một lưỡi dao.

Chần chờ gì
sao chưa chém cho mau ?
Dao chưa sắc, hãy mài cho thật bén
Giả bộ sầu, trước khi vung tay chém
Vết ngọt ngào
tử tội chết không đau!

Án tử hình
tôi chờ đã bao lâu
Tôi kiệt sức
không còn chờ đợi nổi
Đừng khuyên nhủ
tôi không thèm sám hối
Cả trần gian tội lỗi
có sao đâu ?

Tôi vẫn yêu người
trước cũng như sau
Cho trái tim tôi hôn lưỡi dao đao phủ
Cái chết nào
thì cũng là giấc ngủ
Tôi xin ngủ yên
không một giấc mơ nào!

BẮT CHƯỚC CON CHIM HÓT

Có khi tôi cười
như kẻ điên
Miệng nói nghêu ngao
lòng cứ phiền
Đời trước mặt
lộn nhào chỏng gọng
Hình như
ai cũng chẳng có trái tim!

Đâu cần trái tim
người ta vẫn sống
Gắn trái tim giả vào
trang sức làm duyên
Trái tim tôi
máu me một đống
Đọ với chung quanh
chả giống cái gì !

Chửi bới bâng quơ
đâu ai thèm nghe
Có lẽ
tôi cũng đâu thèm để ý
Con chim hót
những lời nhảm nhí
Tôi hót những lời
đau khổ riêng tư.

CON LẬN ĐẬN

Tôi là con lận đận
bò trong cái khoảng không
Mấy cái chân lẩm cẩm
nên cứ bò lung tung.

Hình dáng ngó kỳ cục
(nhìn lâu tựa giống người)
Sinh ra hiền như đất
Ai cười bắt chước cười

Ai khóc bắt chước khóc
Ai đau cũng thấy đau
Bộ óc bằng hạt đậu
Quả tim bằng cái thau

Tôi là con Lận Đận
bò loanh quanh giữa đời
Tôi từ đâu đến nhỉ ?
Ô hay, quên mất rồi.

BÚT GỐC

Không khí hình như không đủ thở
Hai chân đi đứng không thăng bằng
Môi cười hoài lòng không vui nổi
Cầm bút lên viết lời lăng nhăng
Mở miệng nói những lời vô nghĩa
Khóc mà lệ không ướt khăn.

Soi gương càng ngày càng lạ hoắc
Quá khứ mịt mờ như tro tàn
Hiện tại xoa hai bàn tay trống
Sống để làm gì hết ba mươi năm ?

Hình như đã yêu như trăng rằm
Tình vẫn hàng hàng mang áo tang
Cảm giác theo nhau vào mộ đá
Gõ thử trái tim nghe loang choang.

Hình như đã yêu hết trần gian
Đau với trần gian những trận đòn
Bao giờ người mới thương người nhỉ
Câu hỏi như là của trẻ con.

Hình như tay đã níu từng ngày
Cố lay mình tỉnh giữa đêm say
Cố bám bàn chân trên đất lở
Tử sinh mà như trò đu dây.

Sao cứ bần thần trong trí óc
Nhớ ai mà ngày đêm quắt quay
Phải rồi ! Ta là cây bứt gốc
Ta đem trồng ta xứ lạ này
Rễ khô quằn quại buồn trong đất
Giận trút lên từng chiếc lá bay.

NHỮNG BÀI THƠ TÌNH GẦN CUỐI

ĐẢNG
Tôi yêu người quá nhỉ
Yêu tình hay yêu tôi
Người yêu tôi hay chỉ
cợt đùa cho vui thôi !
YÊU HAY LÀ KHÔNG YÊU
Yêu nghĩa là tự thiêu
trong lửa tình rực rỡ ?
Không yêu là giận dữ
khi tim vừa hoá tro ?
LY TAN
Tình cay từng giọt cuối
cạn nốt cái đêm tàn
Cười sốt môi mê sảng
ôm ghì mảnh ly-tan
LẦN CUỐI
Thôi tôi buồn lần cuối
Thề không còn nhớ thương
Thôi tôi điên lần chót
rồi quên thật tầm thường
TƯỞNG TÔI KHÔNG HIỂU ?
Nụ cười ràn rụa chảy
trên hai môi mất màu
Người tưởng tôi không hiểu ?
Trong người trăm vết đau.
CÁI TÊN
Lá đâu mọc chỉ cho tầm
Nốt ruồi mọc chỉ cho cầm có duyên
Trăng mọc cho mông mênh đêm
Tâm tôi mọc một cái tên để phiền.

Phạm Thị Ngọc

Mưa Đêm.

*T*rương đặt ly xuống mặt bàn, nuốt ngụm cà-phê, nhìn qua tường kính chờ đợi người con gái bên ngoài đang đẩy cửa bước vào. Khi đã vào trong quán, Vân đưa tay vuốt lại mái tóc, và nhìn thấy Trương ngồi kia, nét mặt nàng chợt sáng rỡ khi còn gặp được một người quen trong quán vắng đại học buổi chiều trước ngày lễ lớn. Vân đi len lỏi qua mấy dãy bàn ghế ngang dọc chưa được kê lại, đi về phía Trương đang ngồi.

Trương dập điếu thuốc, thoáng lạ lùng vì thấy mình đang hồi hộp chờ đợi Vân đang tiến tới, đang hy vọng rằng lần này đi một mình có khi Vân sẽ nói với anh nhiều hơn là những câu hỏi thăm qua loa. Trương ngước nhìn, mỉm cười chào Vân khi nàng đến và đặt xách tay trên mặt bàn vuông. Vân cũng có ý ngồi lại.

"Chưa về nhà sao Vân?" Trương hỏi. "Hôm nay ở lại trường trễ vậy?"

Đã hơn sáu giờ chiều. Chiều trước ngày lễ Tạ Ơn, chiều mùa thu nên nắng sớm tắt. Vân ngồi xuống trước mặt Trương, giải thích:

"Trễ hẹn với thằng em lúc trưa nên bây giờ tìm nó đâu cũng không gặp."

"Tùng đi vắng nên Vân không có người để nhờ đưa rước. Thôi, ngồi chờ anh một lát. Nếu anh uống hết ly cà-phê này mà thằng em Vân chưa đến, anh chở Vân về. Ăn gì không?"

Vân lắc đầu, nhìn Trương, nói: "Cũng định tìm anh, rủ anh về nhà chơi tối nay, nếu anh không định đi cái party nào đó ."

Nói rồi Vân đứng lên, đi về phía cái máy nước ngọt kê sau lưng Trương, móc bạc cắc trong túi áo rồi bỏ vào máy, bấm nút. Có tiếng lăn lông lốc của lon nước bên trong cái máy, lăn rồi ngừng lại ở cái lỗ bên dưới. Vân cúi lưng, cầm lên lon nước root beer rồi trở lại bàn.

Trương nhìn Vân mở lon root beer màu bạc. Anh ghét loại nước đó nhất.

"Đêm nay anh có ca làm không ?"

Trương gật đầu trước câu hỏi. "Làm từ nửa đêm cho đến tám giờ sáng."

"Vậy thì sao đây. Về nhà Vân trước khi đi làm nhé.

"Đang định nhân tiện Tùng đi vắng, anh dụ dỗ Vân đi party với anh đây," Trương nói, có ý cho Vân thấy chuyện anh đến nhà Vân là chuyện cũng khó xảy ra như chuyện Vân đi nhảy đầm. Nhưng nói rồi Trương mới hối. Vân cũng là một trong đám bạn ngày xưa, trước khi trở thành bạn gái của Tùng, thuộc quyền sở hữu của Tùng.

Trương nói chữa cho câu nói vừa rồi: "Nếu có Tùng ở đây, tụi anh chắc lại đi đánh bài, hay nhậu nhẹt, hay... đến nhà Vân như mọi khi tụi nó tổ chức party. lần này thì Tùng đi vắng, anh đành đi nhẩy đầm vậy."

Rồi anh cười nhẹ, lén nhìn thoáng qua Vân. Khuôn mặt ấy anh vẫn thấy hầu như hằng ngày, trong dịp gặp Vân nói chuyện, hoặc là chỉ nhìn thấy Vân đi ngang ngoài đường khi Trương ngồi ăn với lũ bạn trong quán này mỗi trưa. Vẫn thấy, vẫn gặp hoài mà mỗi lần nhìn Vân, Trương vẫn tưởng như vừa tìm thêm một nét nào mới trên khuôn mặt đó. Nhưng Trương tiếc rằng anh chỉ nhận thấy cảm giác lạ kỳ đó khi Vân đã thuộc về Tùng, bạn thân của anh. Hôm nay, Vân trông có vẻ an phận hơn mọi ngày, vẻ an phận của một người con gái đã tìm được người để gửi gấm tấm thân.

"Mỹ-Lan nó có gọi về thường không, Vân?". Trương hỏi Vân về một người bạn thân trước đây trong nhóm họ đã đổi đi xa. Mỹ-Lan đi cũng có lẽ là một lý do làm Vân ít nói hơn trước.

"Có, anh Trương. Ngày mai nó về nghỉ lễ Thanksgiving, Mỹ-Lan về, định sẽ rủ Vân đi chùa một bận." Một ý nghĩ vui vui về người bạn thân làm Vân tươi hơn. "Trước đây nó hay nói nó đi chùa mục đích chỉ để ngắm chú tiểu."

"Ngày xưa ở nhà anh đi tu. Kể Vân nghe chưa, nhỉ? Anh để tóc quả đào, ra đường đi xin ăn với sư ông được người ta vái lạy chú tiểu, lạy chú tiểu hoài đó chứ."

Vân bật cười, biết Trương lại đang bịa chuyện vui, một biệt tài

của anh. Nàng hỏi:

"Sao anh bỏ chùa uổng vậy ?"

"Tại năm lên mười sáu, mười bảy gì đó, anh khóc quá mẹ anh mới xin sư ông cho anh về. Anh lỡ mê một cô gái người Tàu. Nhưng đến khi được cô ấy mê lại thì anh lại... trốn."

"Thói đàn ông con trai. Mỹ-Lan muốn đi chùa cũng vì tình duyên trục trặc."

"Sao vậy ?" Trương hỏi bằng một giọng quan tâm.

"Anh biết Mỹ-Lan vừa giỏi vừa đẹp chứ gì. Nó thích một anh chàng rất lưu loát tuyên ngôn. Nhưng, anh ta chỉ dùng Mỹ-Lan để ứng minh tài hoa của mình với một cô nàng có ông bố tên tuổi. Cô ng này cũng lại chỉ nhìn đến một anh khác, con trai của một ông bố tên tuổi hơn." Vân im lặng một lát rồi tiếp. "Tên tuổi với tai tiếng! Khó mà thoát khỏi ảnh hưởng của lớp người đi trước!

Trương không nói gì. Bố Trương chết từ lúc anh còn bé, bé quá không nhớ nổi mặt bố. Anh cũng chưa định lấy vợ, nên cũng không có ý kiến gì về bố mẹ vợ.

"Còn chuyện gia đình Vân thì sao? Bao giờ bố Vân sang được?"

"Mẹ cũng lo giấy tờ hết sức rồi đó. Chuyện bao giờ sang được thì làm sao biết được."

"Tùng đi phỏng vấn kỳ này chắc là xin được việc làm, Vân nhỉ."

"Vâng. Nghe Tùng nói có vẻ chắc chắn lắm."

"Hai người tính chuyện đi là vừa."

"Chắc anh Trương phải cho biết tin vui trước tụi em. Hết khóa này anh cũng ra trường rồi còn gì."

Trương đốt thêm điếu thuốc lá, nhìn những sợi khói anh vừa thở ra. Anh thấy lạnh lạnh.

Trên trần, cái quạt trần vẫn quay, lúc nào cũng quay để làm loãng đi mùi hôi của những gia-vị món ăn bình dân Ý.

"Anh chẳng có dự định nào ổn định cho tương lai, ngoài cái việc ra trường rồi đi làm. Tùng nó biết lo xa hơn anh nhiều. Nó còn ba má và một bầy em còn ở lại. Anh sống buông thả, hưởng thụ quen rồi."

Vân nói, giọng rụt rè, không nhìn Trương:

"Có người cả đời chỉ biết hưởng thụ mà lại sẵn sàng chịu đựng tất cả ,mọi đầy đọa của và với người bạn đời. Còn có người chịu cam go khó nhọc đã quen mà lại không chịu nổi sự chia sẻ chung sống với một người khác, ngay cả với người bạn đời."

Trương mỉm cười, im lặng. Ở quầy hàng, những người đầu bếp và bồi bàn đang tụ lại trước màn ảnh tivi. Đã đến giờ cho một trận đánh bốc. Võ sĩ quèn nhưng là võ sĩ nhà, những tên võ sĩ quèn ngu si ôm ấp tinh thần thượng võ chặt chẽ hơn võ sĩ hạng nặng tên tuổi.

Trương quay qua nói với Vân. Mình đi thôi Vân. Họ đứng lên, rồi cái quán không còn khách. Ra đến ngoài, họ đi về hướng phải. Khung cảnh trường buổi chiều trước ngày lễ trọng trông vắng vẻ như những buổi chiều cuối tuần. Trương và Vân phải đi một quãng đường khá xa mới đến sân đậu xe. Hai bên đường, đèn điện đã lên, bóng ẩn bóng hiện giữa những vòm cây oaks già cỗi. Trương nhìn loạt đèn lưu thông thẳng tắp trước mặt, xanh đỏ đồng loạt, để anh bất giác nhớ về cái ngày mới quen đi cùng đường với đôi bạn Vân — Lan. Vân đã nói rất nghiêm trang về những cột đèn xanh đỏ ấy. "Nếu anh gọi đó là cột đèn đỏ, anh là người bi quan. Nếu anh gọi đó là cột đèn xanh, anh là người lạc quan. Nếu anh gọi đó là cột đèn lưu thông, anh là người khách quan."Câu nói ngớ ngẩn vừa dứt thì Trương và Mỹ-Lan đã đồng thanh hỏi lại, nếu gọi đó là cột đèn vàng thì anh là loại người gì. Mỹ-Lan đã cười phá lên khoái chí. Nhưng có những lúc lâm vào tình trạng tinh thần sa sút, ngồi nhớ và lập lại câu hỏi đó với chính mình, Trương không tài nào trả lời nổi, dù chỉ trả lời với chính mình thôi. Anh là loại người gì?! Trương nhìn những băng ghế đá bên cạnh những thân cây cổ thụ bên đường, không đếm nổi đã có bao nhiêu tối khuya anh ngồi một mình trên những băng ghế đó. Những ý nghĩ trong lúc không muốn nghĩ gì hết đó Trương vẫn giữ riêng anh, nhưng bây giờ có Vân, chẳng hiểu tại sao anh lại muốn nói, nói được bao nhiêu thì nói mà chẳng cần đầu đuôi cho câu chuyện. Trương trỏ một băng ghế đá, rồi bắt đầu nói với Vân.

"Có tối anh ngồi một mình ở băng ghế đó, gặp thằng Bình lò dò đi ngang. Bình ngồi lại nói chuyện với anh. Nó hỏi thăm anh bao giờ ra trường, ra trường đi làm rồi làm gì nữa. Anh hiểu ngay câu chuyện của Bình, nhưng cũng để cho nó nói. Đi làm rồi làm gì? Đi làm rồi đi chơi. Đi chơi rồi làm gì? Đi chơi rồi lấy vợ. Lấy vợ rồi làm gì? Chuỗi câu hỏi rồi làm gì của nó cho anh thấy mình chẳng có gì đáng nói. Trông Bình có vẻ yên chí lớn vì đã tìm được chuyện lớn để làm. Đến khi anh hỏi nó có bao giờ nó nhìn kỹ lại, suy nghĩ kỹ lại về chuyện đang làm, dù có cao thượng hay lý tưởng cách mấy, suy nghĩ để rồi giật mình mà tự hỏi mình đang làm chuyện gì lạ vậy chưa. Bình nói chưa. Anh cười rồi thôi câu chuyện đó. Anh vẫn quý thằng Bình. Thằng Bình với chí lớn của nó.

"Cũng có tối anh ngồi đó, nhớ đến lời Vân đã nói rằng niềm tin sắt son là điểm tựa vững chắc nhất. Những khi mà anh nhớ đó là những khi niềm tin của anh bị lung lạc ghê lắm, Vân. Anh có cảm tưởng như mình chỉ là một con lúc lắc trên cái dĩa đời khổng lồ, đảo lộn, lục hay oỏng còn tùy theo cái lắc thật mạnh của bàn tay khổng lồ đang lắc cái dĩa khổng lồ ấy. Anh nhìn lên trời, thấy cái gì trên đó cũng

đẹp quá, đẹp để anh quên nổi cả cái xấu của anh. Anh tưởng rằng anh có thể yêu những ngôi sao trên trời đó, yêu đủ để đừng thấy rằng khoảng cách giữa anh và những ngôi sao đó là một khoảng cách quá xa xôi!"

Trương thôi nói, nhưng Vân không thêm vào lời nào. Trương không trông chờ ở Vân một lời nói, cảm thấy đầy đủ hơn chỉ với sự hiện diện của Vân bên anh bây giờ. Họ vẫn đi đều bước ở bên này đường, song song với hàng sồi già, ghế đá bên kia. Họ đi thong thả, nhưng Trương vẫn thấy như Vân hơi vội vã. Tại một vài building, lác đác có những ô cửa sổ còn ánh đèn muộn cũng đang dần dà tắt đèn, nghỉ việc. Ở building Anh-văn, vài ba sinh viên chăm chỉ giờ này mới bỏ lớp, lật đật vừa đi vừa khoác áo lạnh, đánh rơi cả sách, những quyển sách dày cộm của văn của triết mà lâu rồi Trương không đọc vì đã thấy sợ.

Ngày sắp qua, và đoạn đường đi với Vân chiều nay sẽ lại trở thành một trong muôn mảnh kỷ niệm vụn vặt, không đáng kể của Trương ở đây. Lúc quen Vân nếu Trương biết nghĩ rằng anh cần có một tương lai ổn định thì có lẽ sự liên hệ giữa hai người đã thân thiết hơn.

Nhưng, nếu Trương có thể sống lại dĩ vãng, anh cho rằng anh chẳng thể nào sống khác đi được nhiều, và bao nhiêu lầm lỡ chắc lại sẽ tái diễn. Trương cũng chẳng muốn sống lại dĩ vãng chỉ để sửa chữa lầm lỡ. Cái hay nào từ sự lầm lỡ mà ra sẽ chẳng còn ý nghĩa gì cả. Mai kia, mai kia, chứ bây giờ thì chưa, Trương sẽ rút tỉa được điều hay từ sự lỡ làng hôm nay.

Sau một thoáng, Vân mới nói: "Anh Trương phải đi làm tối nay mà còn đi party làm gì. Đến giờ anh đi làm thì cũng là lúc cuộc vui đang vui nhất. Với lại, nghỉ lễ Tạ Ơn xong, vào học là thi cuối khóa ngay. Để thì giờ mà học bài trước.

Trương rút tay ra khỏi túi quần, gãi đầu, cười mà không trả lời vội. Con gái, anh nghĩ, tính toán như thế làm sao lỡ làng chuyện gì được. Tính toán từng phút từng giờ, từng chữ từng câu.

"Phải chờ đến tối trước hôm thi anh mới học được. Học trước hôm thi nhiều quá nó không chịu vào đầu."

Có tiếng Vân phê bình nhẹ nhàng vài câu nhưng Trương không để ý. Anh vẫn gọi đó là những lời la rầy mỗi lần Vân chép miệng phê bình như vậy. Trương nghĩ về những buổi sáng thi cử đến sau những buổi trắng đêm. Có nhiều sáng thi cử đó, Trương đã ngồi gục đầu trên cái bàn thư viện, đầu óc còn quay mòng mòng vì những men vui đêm trước. Men rượu. Men những người con gái, đàn bà từ một đêm dạ vũ thường xuyên anh đã dìu trong tay, trên sàn nhảy. Những cô gái eo

thon. Những người đàn bà nửa chừng xuân không chịu chấp nhận rằng đời ta đã dứt khi đời những đứa con thơ bắt đầu, những đứa trẻ dưới mười tuổi đứng ngơ ngác trong ánh đèn vũ trường, lóng nhóng chờ bố mẹ nhẩy xong đến hai ba giờ sáng. Len lỏi đâu đó trong đầu óc quay cuồng, giữa những hình ảnh trở về của những kẻ lạ mặt, Trương thấy có hình ảnh mẹ già. Mẹ không tái giá khi bố chết, ở vậy nuôi con, rồi nhắm mắt qua đời ngày con vượt biên.

Vào phòng thi, Trương không vứt bỏ được những hình ảnh ấy ngoài phòng thi. Trương nhắm mắt thi, mà rồi cũng thi qua, không tệ nhưng không khá.

Đến cái ngã tư có trạm xe bus công cộng, họ ngừng lại ở góc đường, chờ những chiếc xe chạy ngang rồi bước sang đường. Giờ này, công nhân làm đẹp thành phố đã nghỉ làm nên ở trạm xe công cộng lá phong vàng rơi phủ lối. Vân hỏi Trương:

"Anh đứng bán tiệm đêm khuya có bao giờ gặp chuyện... cướp bóc?

"Có, Vân. Nhưng chắc chưa tới số nên anh vẫn còn."

Vân thở dài nhẹ, "Anh Trương biết ngày xưa Vân có người anh cũng đứng bán tiệm như anh bây giờ?"

Trương nói nhỏ : "Anh biết."

"Anh ra trường rồi định đi tìm việc chỗ nào?"

"Anh chưa định gì hết. Chắc có lẽ qua bên Mỹ-Lan một thời gian."

"Đi hết rồi, chỉ còn có một mình Vân ở lại đây."

"Mai Mỹ-Lan về đây, Tùng cũng về đây, phải không? Anh đề nghị tụi mình đi chơi, họp mặt một lần. Sẽ còn lâu lắm mình mới lại gặp mặt đầy đủ. Vân nghĩ sao?"

Hai người đã đến chỗ đậu xe. Trương đứng tựa xe nhìn Vân, chờ đợi câu trả lời. Khuôn mặt Vân nở nụ cười thật tươi, đồng ý.

Trương đưa Vân về nhà nàng rồi trở lại Union Hall, nơi tổ chức buổi dạ vũ tối nay. Trước khi xuống xe, Vân hỏi Trương một lần nữa:

"Anh nhất định không ở lại?"

"Anh nhất định không ở lại," Trương trả lời, nghĩ đến Tùng, thằng bạn thân.

Vân xuống xe, ngẫm nghĩ, rồi ngập ngừng nói: "Tối nay, lễ lạy sắp tới, thiên hạ hay ăn mừng quá độ. Anh Trương lái xe cẩn thận, đi làm cẩn thận."

Trương mỉm cười chào Vân, lùi xe ra khỏi sân nhà nàng, không nhìn lại. Bánh xe nghiến nát những xác lá khô trên sân. Rồi như chợt nhớ ra điều gì, Trương ngừng xe giữa đường, lớn tiếng nói qua kính xe để mở, nói át tiếng máy xe cành cạch om sòm. "Cho anh chào Bác!"

Vân chừng như chưa nghe thấy, vẫn đứng yên trong sân nhà. Trời tối, Vân đứng yên khoanh tay nhìn theo Trương, trông như pho tượng đen dưới ánh đèn hiên nhà mờ mờ.

Trương lặp lại, lớn tiếng hơn. "Cho anh chào Bác!". Vân nghe ra, cử động bằng cách vẫy tay ra dấu nàng đã nghe, ra dấu chào tạm biệt. Trương cũng vẫy tay chào. Rồi sang số xe, Trương lái xe xa dần khu phố nhà Vân.

Có một điều Trương muốn nói với Vân mà chưa bao giờ dám nói. Chẳng lẽ Vân không thấy rằng cái nhìn của Tùng về Vân là cái nhìn không đúng sao. Trương thở ra, rút điếu thuốc từ túi áo. Có khi điều Trương muốn nói với Vân đó không còn hợp thời. Trương bật quẹt mồi thuốc. Một lần nữa, chỉ còn lại Trương và điếu thuốc đốt lập loe trong bóng tối. Quãng đường đi một mình tối hôm nay bỗng dài như vô tận.

⁂

Đứa con gái ngồi đối diện anh nó trong thế ngồi yên như bằng của một tội nhân. Mắt nó nhìn đâm xuống đất, và khi thỉnh thoảng liếc lên nhìn mặt anh nó, nó lại nhìn lảng đi ngay để tránh cái lườm dai của anh. Mặt anh quay ra cửa sổ sau lưng nó, cho nên khi nắng chiếu lên khuôn mặt ấy, nắng đã soi tỏ tường hơn cái nét nghiêm khắc đáng sợ kia. Anh nó có đôi chân mày thật đậm. Mỗi lần giận nó, anh nhíu mày thật dữ dằn làm đôi chân mày uốn cong lại như hai cái dấu ngã đậm nét bên trên đôi mắt quắc trắng. Ít khi nào anh nhìn nó như thế. Phải giận lắm anh mới nhìn nó như thế. Đứa con gái ngồi chịu trận trước đôi mắt đằng đằng cơn phẫn nộ ấy, thầm nghĩ bộ anh không thấy chói mắt sao trước ánh nắng đang rọi vào mắt anh kia. (Nó ngồi chịu trận ở đấy mà có tài nào ngờ được rằng mai kia khi nó đã lớn lên rồi, mỗi lần anh trở về trong giấc mơ của nó, mặt anh dường như vẫn mang ánh sáng, nhưng là một thứ ánh sáng kỳ lạ khó tả; mắt anh vẫn sắc bén nhưng không nhìn thẳng vào mắt nó nữa, không nhìn nó một lần nào nữa). Nó đã tái phạm một cái tội mà anh trai khó tha thứ cho em gái. Nó đã tò mò, đọc lén thư từ của anh nó. Không những đã đọc mà còn đi kể lại cho mẹ nó biết những chuyện anh nó coi là riêng tư. Không những đã kể mà còn kể bằng một giọng rất bực bội. "Anh Linh sắp lấy cô Thu Sương rồi kìa!" Nó đã nói cho mẹ nó biết lúc bà đang ngồi cặm cụi đan áo tối hôm qua, khi anh nó chưa đi làm về. Cái giọng đường đột của nó làm mẹ nó ngừng đan, ngửng đầu nhìn nó qua cặp kiến viễn. "Con nói gì thế, sao con biết thế?". Mẹ nói hỏi dịu dàng, ôn tồn. Và thế là tối hôm qua nó đã nói cho nẹ nó biết làm sao nó biết, để rồi sáng nay, sau lúc bị mẹ gặng hỏi về chuyện cô Thu Sương, anh nó

đã biết làm sao mẹ nó biết.

"Cái thói tò mò tọc mạch vẫn chưa bỏ hả?!"

"Tao đã nói mày phải bỏ thói xấu con gái đó đi!!!"

"Tao nói mày bao nhiêu lần rồi?! Sao mày lì lợm quá vậy?!"

"Đừng có tò mò! Đừng lẻo mép! Đừng ngây thơ cụ!"

"Đã định cho mày đi chợ đây mà mày làm tao cụt hứng!"

Chuỗi lời dạy dỗ của anh nó tạm ngưng khi mẹ nó từ ở bếp đi lên. Nó nhướng mắt nhìn mẹ, nhưng không mong chờ một sự can thiệp.

Anh nó đã giận lên rồi thì đến mẹ cũng không cứu nó nổi. Bà chép miệng. Bà chỉ có thể chép miệng thôi. Thôi mà, nó có làm gì đâu! Bà nói.

Nhưng anh nó đã vì thế mà càng thêm giận dữ

"Cái con này này, phải dạy cho nó biết..."

Anh dạy cái gì? nó thầm cãi. Anh không phải dạy gì cả nếu có Bố ở đây.

"Nó phải bỏ thói xấu con gái của nó đi! Tò mò! Ngây thơ cụ!"

Không phải chỉ có con gái mới tò mò đâu ạ.

"Con ghét con gái ngây thơ cụ. Nó là em con, con không thể để nó ngây thơ cụ được!"

Chưa ngây thơ cụ bằng cô Thu Sương!!! Sao mà...ông ẹo!

Ý nghĩ đen tối đó về cô Thu Sương làm nó chột dạ. Nó lấm lét nhìn anh. Anh Linh gờm gờm nhìn nó lần chót rồi đứng dậy, tách người khỏi ghế, khỏi cái vệt nắng chói chang. Nó thấy nhẹ nhõm hơn, những vẫn không dằn nổi cái niềm bất mãn ngầm. Giá mà có Bố ở đây!

Khi anh Linh đã đi vào nhà trong, và mẹ đã trở xuống bếp, nó với tay lấy cái áo len màu mơ vắt lên thành ghế mặc lên người, rồi mở cửa lẻn ra ngoài. Nó lựa góc sân trước nhà, ngồi xuống cái góc đó, nhìn ra con lộ nhỏ trước nhà. Mùa đông, gió bấc thổi lạnh ngắt, nhưng ở chỗ nó ngồi đã có tường nhà cản gió, và chính nó cũng không thấy lạnh. Anh Linh, với số lương lao động đầu tiên nơi đây, đã định cho nó đi chợ mua một cái áo lạnh bằng nỉ để thay cho cái áo bông ny-lông cứu trợ. Mấy hôm trước, nó đã năn nỉ mẹ mua cho nó cái áo nỉ, hay áo lạnh loại gì cũng được. "Cả trường chỉ có mình con là mặc cái áo như vậy!" Nó đã than về cái áo ny-lông, để rồi lại bị nghe anh Linh nạt nộ. "Thế mày có biết chỉ có cái nhà này là không có bố thôi không?"

Nó nhìn anh nó, không dám trả lời. Nó biết, nhưng lũ con nít ở trường nó không biết. Chúng nó chỉ biết một điều là nó có một cái áo lạ đời. Mẹ nó dỗ dành. "Con mặc áo đó trông xinh lắm, con." Để rồi nó lại tiu nghỉu, không dám đòi dai. Nó cũng biết là nó trông xinh lắm trong cái áo đó, xinh như một con Eskimo. Nhưng mà cả trường

không có đứa nào trông xinh như nó trông xinh, và nó chỉ muốn giống mọi người chứ không muốn xinh. Ở trường mới, tụi nó đi giày ba-ta chứ không đi xăng-đan trắng. Tụi nó mặc quần chứ không mặc áo đầm, nên không có đứa nào đi vớ trắng kéo lên đến đầu gối. Tụi nó đội mũ len tròn, chứ không đội mũ vuông rồi cột nơ ở cổ như cái mũ mẹ nó đã đan. Vả, tụi nó mặc áo nỉ ngắn đến mông, chứ không mặc áo ny-lông dài đến đầu gối như cái áo cứu trợ của nó. Cái áo ny-lông mặc lên người kêu loạt xoạt là có đứa sẽ quay nhìn nó, mà nó không muốn đứa nào nhìn nó hết. Một lần trong nhà ăn trường, khi nó đã ăn trưa xong và toan mặc áo để đi, cái tiếng loạt xoạt ấy đã gây sự chú ý của một đám con nít cùng bàn.

"È, mày nói sheet cake đi."

"Shit cake."

Lũ con nít Mỹ thi nhau cười lên khanh khách. Con nhỏ không hiểu tại sao chúng nó cười, và khi thằng tóc đỏ bảo nó lập lại một lần nữa, nó cũng nói lại một lần nữa. Shit cake. Bọn con nít lại cười ùa theo nhau. Nó nhìn vào từng khuôn mặt đen, trắng. Hầu hết những khuôn mặt ấy đã cười thích thú trò đùa này. Cũng có vài khuôn mặt lộ vẻ cảm mến, cười vì thích nét ngộ nghĩnh của đứa con gái da vàng, tóc đen. Nhưng nói chung là chúng nó đã cười, và không cần biết chúng nó cười như thế nào, đứa con gái tuyệt đối không thích những tiếng cười ấy. Nó nhìn những khuôn mặt kia và nhớ đến lời anh nó bảo, Khi bị trêu ghẹo, cách hay nhất là im lặng rồi bỏ đi chỗ khác. Nó ngồi ở bàn cơm im lặng, nhưng không thể bỏ đi. Khi không thể bỏ đi mà cũng không cự lại nổi, cách hay nhất là dùng chiêu lỳ. Đây là chính sách của nó. Và thế là nó ngồi nhìn thằng Mỹ tóc đỏ, chỉ nhìn thôi.

"Mày tên gì?" Thằng Mỹ hỏi nó.

"Vân", nó nói rõ là Vân chứ không nói là ven hay van.

"Mày ở đâu tới ?"

"Nam," một đứa tóc nâu trả lời thế cho nó". Bố tao đã ở đấy,"

"Mày có thấy nhiều người die không?" Thằng tóc đỏ lại hỏi Vân. Nhưng Vân không hiểu câu hỏi, để cho thằng Mỹ lại phải trình bày một màn cho nó hiểu. "Pheeew!" Thằng tóc đỏ làm một màn phóng trọng pháo bằng một cái thìa trong tay. Và khi cái thìa được hạ xuống thật mạnh thì "BOOM!". Cái đĩa rau xà-lách trước mặt thằng Mỹ bắn lên tung tóe. Rồi nó bật người ra đằng sau, giữa những tiếng cười inh tai của bạn bè. Nó trợn trắng tròng mắt, lè mưỡi thật dài. rồi nó ngồi lên ngay ngắn, sửa lại bộ mặt cho nghiêm trang trong khi bạn bè vẫn tiếp tục cười, và hỏi lại Vân. Die. Dead. Dying. Chết hiểu chưa. Mày có thấy nhiều người chết không?

Vân nhìn nó lắc đầu. Không. Không thấy đến một người chết.

Đứa con gái Mỹ tóc nâu nhìn nó, nghi ngờ như muốn hỏi mày có thật là người Việt Nam không. Cảm thấy đã đến lúc để đi chỗ khác, Vân đứng dậy, làm rơi cái mũ len vuông mẹ đan. "Cái gì kia," thằng Mỹ tóc đỏ lại hỏi đến cái mũ. Một đứa bên cạnh nói nhỏ vào tai Vân. "Nói: mẹ mày chứ cái gì. Nói đi." Và rồi, dù biết nói ra sẽ bị cười, dù biết chính cái đứa xúi nó nói cũng sẽ cười nó, Vân cũng nói rất mạnh dạn. "Mẹ mày chứ cái gì,"...

"Vân ngồi đó làm gì vậy?"

Vân giật mình, nhìn về phía cửa nhà.

Anh nó đang gọi nó ở đó. Giọng anh dịu dàng hơn.

"Đi vô nhà sửa soạn. Anh Khoa sắp đem xe đến cho anh mượn. Mình đi chợ mua áo."

*
* *

Nó đã cố cưỡng lại hết sức, mà cuối cùng cũng rơi vào cơn mê mê tỉnh tỉnh. Trong cảm giác lâng lâng nhẹ hẫng đó, nó vẫn tưởng như mình có thể nghe được những gì đang diễn ra chung quanh, và đồng thời cảm thấy được sự nặng nề của tứ chi cơ thể nó, nặng đến nỗi nó không thể làm được một cử động nhỏ như mở toang đôi mắt. Tay chân nó nặng nề, rã rời.

Nó cảm thấy được trọng lượng của quyển sách học đè nặng trên bụng khi đôi tay nó đã thả lỏng, buông rơi. Có một luồng gió mát thoáng qua nhẹ nhàng, man mát làm nó thở ra dễ chịu hơn. Nó nghe rõ được từng hơi thở đều đặn của nó, nghe rõ cái âm thanh ken két của cái quạt trần. Ở nửa kia của gian phòng, anh chị nó đang làm việc riêng của mỗi người, nó biết vậy.

Nó nghe được hơi thở của mỗi người, và còn chừng như hơn thế nữa, nó biết được qua từng tiếng thở ấy người nào ngồi ở đâu, làm gì. Chỗ này có tiếng sách vở được đóng được mở được lật được xếp một cách cẩn thận. Chỗ kia có tiếng đàm thoại của các nhân vật trong một vở kịch Vũ Đức Duy trên cái ti-vi âm thanh vặn nhỏ. Bên trong đôi mắt nhắm của nó, mọi sự toàn là một màu sáng trưng, cái ánh sáng chiếu vào mặt nó từ cái bóng đèn sáng chói trên trần nhà. Nó thức, nó đang thức đây mà. Vậy mà nó vẫn không phát ra được một cử động nhỏ, cho đến khi nó nghe thấy một hơi thở khác, rất rõ, rất gần, gần sát mặt nó, nó vẫn không mở được đôi mắt để nhìn. Rồi nó chợt thấy ngứa ở mũi, cái ngứa quệt qua quệt lại dưới lỗ mũi nó, và cái hơi thở ngắn ngắn phì phò kia vẫn gần sát mặt nó. Thằng em nó đang phá nó đây, đang lấy tóc quệt mũi nó đây. Đồ cái thằng đầu trâu đầu bò. Nhưng dù có nhiếc em nó cách mấy, nó vẫn không thể nào vùng dậy

được, không thể nào vùng khỏi cơn mơ mơ tỉnh tỉnh này được.

Có tiếng chân quen thuộc bước vào gian phòng. Cái ngứa ở mũi nó cũng ngưng lập tức. Nào, các anh chị, đến giờ đọc kinh thôi. Tiếng bố nó giục. Sau tiếng giục đó, các tiếng hoạt động của anh chị nó tạm ngưng vài giây, và trong vài giây này, anh chị nó đang nhìn nhau ngầm phản đối. Sau vài giây đó, những tiếng động của sự dọn dẹp khua gian phòng. Nó nghe tiếng chân bố nó bước lại gần, và hình dung ra ông đứng bên nhìn xuống nó đang nằm thẳng chân thẳng tay trên ghế. Con bé này lại ngủ nữa rồi, ông lại nói câu đó tối nay như nhiều tối trước. Nó muốn mở mắt, nhưng chỉ lay động được mí mắt. Nó nghe hơi thở bố nó gần sát mặt nó khi ông cúi xuống, luồn tay dưới vai, dưới chân nó, nhấc bổng nó lên. Đôi cánh tay bố nó xương xẩu. Áo bố nó nồng mùi thuốc lá, thuốc lào. Tim bố nó đập trong lòng ngực. Ông bồng nó đến cái chỗ nào của gian nhà nó cũng không rõ. Rồi nó được chuyển qua tay mẹ nó. Vòng tay bà êm ái, giọng nói bà sẽ sàng. Thôi, để nó ngủ. Bà đặt nó xuống giường để nó thấy muốn mê ngay đi giữa mùi gối mùi màn. Tiếng đọc kinh đều đều bắt đầu trong gia đình. Xướng. Đáp.

Nó nghe tiếng xướng thong thả của bố, nghe rõ từng chỗ nhấn. "Lạy. Cha chúng con ở trên trời... dưới đất cũng như trên trời".

Nó nghe tiếng đáp của mẹ và cả nhà, nhỏ nhỏ, vội vã hơn.

"Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày... bèn cứu chúng con khỏi mọi sự dữ. Amen."

Rồi lại tiếng xướng.

"Kính. Mừng Maria đầy ơn phúc...

Rồi lại tiếng đáp.

"Thánh Maria Đức mẹ Chúa Trời.... khi nay và trong giờ lâm tử. Amen."

Xướng rồi đáp. Rồi xướng rồi đáp. Rồi bao nhiêu tiếng xướng đáp bắt đầu loạn lên trong nó.

"Bèn cứu chúng con khỏi mọi sự dữ... khi nay và trong giờ lâm tử... Amen... Amen."

Thôi. Để nó ngủ.

Băng đi một lúc lâu, nó mới chợt nhận ra có sự tối tăm, bao trùm, sự tối tăm như một tấm chăn dầy bao phủ, ngột ngạt. Giữa bóng tối đen, dầy đặc, mở mắt cũng không khác gì nhắm mắt, nhưng nếu mở mắt nó biết là nó đang mở mắt, để cho cái bóng tối lồng lộng đầy đe dọa kia làm nó sợ đến độ không bật lên được một lời gọi khẽ, và chỉ khi chăn gối màn chiếu đã ướt sũng nó mới can đảm gọi lên một vài tiếng xem có ai ở đó không, và rồi chỉ đến lúc đó anh nó mới từ ở một

chỗ nào đó rọi vào mặt nó vòng ánh sáng của một cái đèn pin xuyên thủng bóng đêm . Cái gì nữa đây? Anh nó hỏi.

Bố đâu, mẹ đâu? Nó hỏi lại. Mày có ngủ đi không, bố mẹ ngủ rồi, cả nhà ngủ rồi. Em thấy con mèo về. Về cái gì, mày không thấy tao chôn nó rồi hả. Nó chưa có chết, mở cửa ra cho nớ về. Nó chết rồi, bị xe cán rồi, mày không thấy hả? Em muốn con mèo! Thôi được rồi, được rồi nhé, ngủ đi, mai anh bắt cho con mèo khác, ngủ đi.

Anh nó tắt đèn pin. Tất cả lại trở vào tăm tối, thinh lặng, câm nín, ngột ngạt. Nhưng nó còn muốn nói. Nó dẫy dụa, cựa quậy, để cố nói. Cái ánh đèn pin chói chang đó không bật lên nữa, vì tiếng gọi trong đêm tối của nó không thoát ra ngoài cổ họng. Nó cứ nằm đó, khóc thầm, loay hoay với sự tắt nghẽn ở cổ. Đến khi nó lấy được đủ sức để bật ra một tiếng la nhỏ, thì nó bừng tỉnh...

Vân đã mở được mắt. Nó nằm yên, nhìn khung cảnh ngoài giấc mộng. Ở cửa phòng khép hờ, có vệt sáng vàng vàng của đèn bếp hắt vào gian phòng tối. Trong khoảnh khắc, Vân đã nhận rõ được vị trí, nơi chốn, và không gian. Nó mở mắt nhưng nằm yên, không buồn tung những tấm chăn dầy và nặng mẹ nó đã đắp lên người nó lúc nó ngủ mê không biết.

Khung cảnh ngoài giấc mộng bây giờ nhắc nhở sự vắng mặt của bố. Dưới bếp, lịch kịch có tiếng bếp núc và tiếng nói chuyện thì thầm của mẹ và anh nó khi anh đi làm về nửa đêm. Thoang thoảng trong không khí có hương thơm của nồi cháo mẹ nó đang hâm nóng.

"Lấy vợ gì lúc này. Anh chưa học xong và bố anh chưa sang." Tiếng của mẹ nói nhỏ.

Anh nó cười khẽ. "Bạn bè con đùa vậy thôi. Tụi nó bảo đường sống trên bàn tay con ngắn lắm. Lấy vợ nhanh để nếu chết sớm còn có con nối dõi. Con nói nếu vậy con lấy Thu Sương."

"Anh nói lạ. Sợ chết sớm còn lo lấy vợ. Chết rồi vợ con để cho ai?"

Nằm trong giường lắng nghe những tiếng đối thoại đó, Vân mường tượng ra anh nó đang ngồi ở đầu bàn hình chữ nhật, mẹ nó đang đứng cạnh cái bếp ga. Bà múc cháo nóng ra bát trong khi con trai lớn ngồi ở bàn, vuốt mặt chờ đợi bát cháo trước khi đi ngủ.

"Làm cái việc rửa bát này mệt quá, Mẹ. Vừa mệt lại vừa đụng chạm. Con đang định đổi việc đây. Thằng Khoa hứa xin cho con việc làm đêm ở cái tiệm tạp hóa nó đang làm. Nếu làm ở đó, làm đêm một mình, vắng khách, con đem sách vào đó học cũng được."

Có tiếng mẹ thở dài, "Mẹ nghe nói bán tiệm nguy hiểm...

"Làm việc gì tới số cũng chết. Mà Mẹ đừng có tin rồi sợ. Bạn bè con đùa vậy thôi."

Anh nó lặp lại câu đùa. Những tiếng nói sau đó khẽ hơn nữa, để nó hết nghe được. Tất cả những tiếng động khác của hai người trong bếp đều rất sẽ sàng, cẩn thận để đừng phá giấc của những ai đang ngủ trong giường ấm. Một lúc sau, khi đã ăn xong, anh nó rời bếp vào phòng tắm. Nước chảy xối xả rồi im bặt. Anh Linh ra nhà ngoài, và khi có tiếng cọt kẹt cọt kẹt của lò xo cái ghế cũ vang lên, nó biết anh nó đã nằm xuống đó. Dưới bếp, mẹ nó cũng xong việc cất dọn. Bà tắt đèn bếp, vệt đèn vàng ở ngưỡng cửa phòng ngủ biến mất. Nó nằm yên, nghe mẹ đẩy cửa phòng ngủ bước vào. Trong bóng tối, có tiếng xột xoạt của áo chạm vào người khi mẹ nó mặc thêm áo, đội thêm chiếc khăn vuông len. Trên tay bà, những hạt bạc của chuỗi tràng hạt chạm vào nhau lách cách. Rồi có tiếng bà thở dài não nề từ cái giường kê cạnh giường nó. Nó muốn hỏi mẹ rằng anh Linh đắp chăn nào, nhưng dù tỉnh đây mà nó cũng không lên tiếng được. Nó cảm thấy khó thở hơn. Bất giác, nó ứa nước mắt. Giọt nước mắt lăn dài, thật dài.

—3—

Cửa không khóa, Vân đẩy cửa vào nhà rồi đóng lại nhẹ nhàng. Trong nhà thật ấm, và mặc dù không có ai ở phòng ngoài, tivi cũng để mở, âm thanh hãm nhỏ, nhỏ hơn cả tiếng nước sôi reo dưới bếp. Vân vứt giỏ xuống cái ghế gần đó rồi đi thẳng xuống bếp. Mẹ nàng cũng không có ở đó; nhưng những món ăn của bữa cơm tối đã được nấu xong đâu đấy. Vân tắt bếp nước rồi đổ nước sôi vào cái choé trà để cạnh, và dù không phải là lần đầu tiên đổ nước pha trà, nàng theo thói quen lẩm bẩm trong đầu rằng mẹ uống trà buổi tối đêm sẽ khó ngủ. "Cho anh chào Bác," tiếng nói của Trương vẫn còn vang vang trong Vân, và giữa hơi ấm của bếp nước vây quanh, Vân nghe như có niềm sung sướng nhẹ nhàng len lỏi làm Vân dưởng như đang mỉm cười. Cái cửa kính rộng dẫn ra vườn sau chợt kéo mở. Vân đổi nét mặt để chào mẹ nàng đang từ ngoài bước vào.

"Vân mới về à, con" bà Phúc nói. "Đổ hộ mẹ siêu nước vào choé chưa?"

"Con đổ rồi. Lạnh vậy mà mẹ ra vườn?"

"Mẹ thăm mấy luống dưa," bà Phúc vừa nói vừa cởi áo len. Vân mở tủ lạnh, nhìn vào đó, rồi đóng lại khi chẳng thấy muốn lấy ra thứ gì trong đó.

"Trưa nay mẹ tưởng con về rồi không thấy về. Con làm gì ngoài trường cho đến giờ? Đã ăn uống gì chưa?"

"Con định về, nhưng gặp mấy người bạn nên ngồi lại nói

chuyện."

"Đứa nào vừa đi khỏi đó?" Bà Phúc hỏi rồi đi vào nhà trong cất áo.

"Trương. Mẹ muốn ăn cơm bây giờ không, hay chờ mọi người về đây?"

Ở trong, bà Phúc nói vọng ra: "Ăn luôn đi chứ. Chờ chúng nó biết bao giờ. Mẹ định đi lễ chiều nay để mai khỏi đi mà chờ chúng mày hết cả lễ."

"Lễ Tạ Ơn không buộc mà, Mẹ." Vân nói, lật xem qua xấp thư từ trên bàn, nhớ đến bài hát trẻ em của đứa cháu học ở trường. Bài hát có đến mười câu "tạ ơn Chúa." Con vẫn tạ ơn Chúa mỗi ngày, Vân nghĩ. Tạ ơn Chúa đã giúp con trong nhiều năm nay, mỗi đêm đi ngủ đã tạm thời biết bớt sợ. Sợ gì? Sợ tối đi ngủ mà không đọc được nhiều kinh tạ ơn ngày mai Chúa phạt. Sợ đêm không ngủ đến sáng ngày hôm sau phải đối diện với một sự thay đổi đau lòng đã đến trong đêm quá thình lình, quá đột ngột, tưởng chừng như quá sức chịu đựng. Bây giờ sự sợ hãi đó đã giảm bớt khi Vân biết quen tin tưởng ở những gì đáng sợ nhất có thể xảy ra.

Vân mở tủ, lấy bát đĩa bầy mâm cơm. Bà Phúc trở ra, ngồi vào bàn. Sau khi Vân cũng đã ngồi xuống, bà đọc lời nguyện ngắn trước bữa cơm. Bà nhìn sang con gái và luôn lấy làm lạ những đứa con bà càng bé càng ít lời. Ngày mai vợ chồng con cái chúng nó mới về được, bà nói về những đứa con ở xa và cầm đũa lên bắt đầu bữa cơm hai mẹ con. May thật, Vân cười, chiều mai con đi chơi, trốn được cái trận tổng xâm lăng. Mai con đi chơi đâu? Mai Tùng về, có Mỹ-Lan cũng về, anh Trương muốn rủ cả bọn đi chơi.

Tùng nó xin được việc không, con? Nghe nói rất có hy vọng, Mẹ. Tùng nó ra trường rồi, con cũng sắp xong rồi... Bà Phúc bỏ lửng câu nói, nhưng Vân hiểu. Dù thế, Vân cũng không muốn cho mẹ biết là Tùng đã ngỏ lời, đã cầu hôn. Con chưa biết nên đi tìm việc ở đâu đây, Vân nói. Câu nói của Vân làm bà Phúc thấy ngạc nhiên nhưng bà không hỏi thêm khi con gái chưa muốn nói. Mỹ-Lan hồi này ra sao rồi, bà Phúc hỏi về đứa bạn của con và nghĩ rằng qua câu chuyện của con về bạn nó bà sẽ biết được con.

Ồ, nó cũng lận đận, Vân trả lời. Ngừng một lúc ngẫm nghĩ, Vân nói thêm. Về Mỹ-Lan và bạn trai nó, không biết ai ban bố tình yêu cho ai, ai là diễm phúc của ai. Còn thằng Trương thì sao, giọng bà Phúc khi hỏi về Trương vẫn như thường. Trương cũng sắp học xong, nhưng buồn vì không có bố mẹ. Mẹ thấy Mỹ-Lan và Trương cũng xứng đôi lắm. Vân nhìn mẹ nàng, chợt nhớ là bậc mẹ cha hay có chiều hướng thấy đứa này là gán ghép ngay với đứa kia. Nàng mỉm cười.

Nếu được vậy cũng mừng, Vân nói, anh Trương là người tốt. Rồi nàng nói thêm, con không nghĩ là Mỹ-Lan nó cần ai cả. Câu nói này làm bà Phúc trở nên nghiêm nghị. Bây giờ không cần, đến lúc cần thì sợ muộn mất, con ạ. Vân bật cười, hỏi sang chuyện khác. Hôm nay ở nhà có gì lạ không, Mẹ. Câu hỏi này nàng vẫn hỏi mẹ hằng ngày dù đã biết trước câu trả lời. Nhưng nếu không hỏi Vân sẽ thấy có cái gì còn thiếu.

Khi bữa cơm đã xong, Vân lo việc cất dọn. Bà Phúc đến lúc này là đã coi như xong công việc, kéo màn cửa sổ đứng ngắm sân trước. Vân rửa bát và nghĩ đến bầu trời tối nay thật trong. Nếu mẹ nàng nhìn lên từ cái khung cửa sổ bà đang đứng đó bà sẽ thấy cả góc trời này chỉ có một ngôi sao thôi, một ngôi sao thật to, thật sáng. Vân đã thấy ngôi sao đó cái đêm đầu tiên ngủ ở căn nhà này, cái đêm đầu tiên khó ngủ ở căn nhà mới. Đêm ấy, Vân nhớ về căn nhà cũ và bao nhiêu chuyện buồn bã ở đó, rồi thấy ngôi sao ở trên trời Vân đã gọi đó là ngôi sao ước. Nàng đã ước một điều đêm nào cũng ước, nhưng chưa được, là sự đoàn tụ của gia đình. Ngoài cái chuyện khó khăn đó ra, mọi ước nguyện nhỏ bé của Vân từ đó đến giờ đều đã trở thành sự thật. Hôm Tùng đi, Vân đã ước cho Tùng xin được việc, thì hôm qua Tùng gọi về bảo là sẽ được việc. "Làm vợ anh đi, Vân." Câu nói của Tùng trước hôm đi làm Vân như đứng không vững. "Trời tối nay trong quá, con ạ." Có tiếng mẹ nói giữa tiếng nước chảy ào ào của vòi nước rửa bát, và tiếng ti-vi bà đã vặn lớn hơn. Vân thưa lại: "trà của Mẹ đây, Mẹ muốn con đem ra không?" Không có tiếng mẹ nàng trả lời. Làm vợ Tùng? Vân liên tưởng đến nếp sống êm đềm trong vai trò làm vợ, nhiều hứa hẹn nhưng cũng đầy bổn phận. Làm vợ Tùng, Vân nghĩ, nàng sẽ làm vợ một người chồng biết sinh tồn nhiều hơn là người chồng khoa bảng. "Anh là kẻ sống còn," Tùng đã chẳng nói như vậy sao. Khi Tùng nói vậy, Vân đã đọc được một chút hãnh diện trong giọng nói của một người thường ngày rất tế nhị. Làm mẹ. Vân nghĩ đến vai trò làm mẹ. Tùng muốn con cái lớn lên thành gì đây? Tiến sĩ vật lý? Nhà toán học? Một người miệng lưỡi duyên dáng được muôn người mến yêu? Còn Vân, có lẽ mộng ước, nguyện vọng đầu tiên và cuối cùng mà Vân có cho đứa trẻ là đừng bao giờ có ngày con trách mẹ đã đem con vào đời, "Làm vợ anh đi, Vân." Đáp lời Tùng, hôm ấy Vân đã nói với Tùng một câu thường tình. Em còn phải về thưa lại với Mẹ. Vân cũng chẳng rõ tại sao mình đã chẳng nói được nhiều hơn.

Khi đã rửa xong cái bát cuối cùng và để vào rổ cho ráo nước, Vân về phòng. Một lát sau, trong áo quần mặc ở nhà thật thoải mái, Vân thấy đầu óc cũng bớt nặng nề. Vân nhìn đồng hồ đầu giường. Buổi đại nhạc hội chắc cũng mới bắt đầu. Anh nhất định không ở lại, Trương

đã nói. Vân thu những áo quần chưa giặt, vứt vào một góc tủ, rồi đóng cửa tủ. Vân nhặt những chiếc giày rồi cúi xuống xếp chúng lại thành đôi dưới gầm giường. Trương sẽ ăn gì tối nay, nàng nghĩ và lại nhớ một lần hồi mới quen nàng đã hỏi Trương câu đó. Tùng với anh cả tuần lễ nay ăn mì gói ngày ba bữa, Trương buột miệng nói mà không có ý làm Vân phải thương hại. Giữa những thời lên lên xuống xuống ấy, Tùng cũng xoay sở được một cái thẻ tín dụng, một báu vật giữa đám bạn nghèo, và lâu lâu cũng khao bạn bè bằng tấm thẻ ấy. Tùng tốt lắm, Vân. Trương hay nói về Tùng như vậy để Vân nhiều lúc thấy khó chịu sao Trương cứ nói hộ Tùng hoài làm gì.

Vân trở ra nhà ngoài. Bà Phúc đang ngồi đan áo ở cái ghế của bà kê gần bên cái đèn treo. Vân đến ngồi xuống bên mẹ.

"Mẹ biết cách đan cái mẫu bện thừng mới kia chưa?"

"Được rồi đây, con," bà Phúc ngừng đan rồi đưa Vân xem mảnh len mẫu màu xanh lam. Những mũi đan lắt léo tạo thành một mẫu bện thừng hình chữ Y lồng vào nhau thật khéo. "Cầu kỳ lắm, Vân, mà chỉ hợp với áo đàn ông. Đàn bà mặc mẫu này trông thô."

Vân ngắm mẫu đan rồi trả lại cho mẹ. Bà đã dạy Vân đan từ hồi Vân còn bé, và dù đôi tay non của Vân có vụng về đến thế nào đi nữa bà cũng không đan phụ với con gái những chiếc áo nó sẽ mặc. Hai tay đan không giống nhau sẽ bị xấu áo.

"Mẫu bện này con thấy hợp với kiểu áo len chui, cổ lọ."

"Ừ, mẹ cũng nghĩ vậy. Len phải là cỡ len to."

"Lâu lắm rồi con chẳng đan móc gì cả."

"Mẹ thấy con không chịu để ý đến công việc khâu vá tí nào. Các chị con ai cũng khéo tay. Sao thằng Trương không vào chơi?"

"Trương có cái party phải đi. Con có mời nhưng anh ấy không vào. Tối nay Trương còn phải đi làm đêm."

"Nó làm gì ?"

"Làm giống anh Linh hồi trước, Mẹ. Đứng bán đêm ở cái tiệm tạp hóa." Vân trả lời mẹ rồi hình dung ra Trương. Trương cũng có nhiều nét hao hao giống anh Linh. "Mẹ tìm mẫu đẹp, mai mốt Bố sang, đan cho Bố. Con nghĩ Bố mặc sẽ thích hơn mặc áo mua." Vân đứng lên, với tay qua cái bàn kia. Từ trong một quyển sách, có lá thư của Tùng rơi ra.

Bà Phúc nhặt lá thư đưa cho Vân. Con gái bà cầm thư, ngồi xuống mỉm cười.

"Tùng nói khi nào đi làm có tiền sẽ mua biếu mẹ cái áo lạnh. Mẹ biết kiểu áo lạnh nhung đen, cổ đứng của mấy bà cao niên. Mẹ thích mà tụi con tìm đâu cũng không thấy."

"Đừng bày vẽ, Vân ạ."

Vân không nói, không nhìn mẹ. Vân cũng không muốn nói là Tùng kính trọng bà rất nhiều vì bà có nhiều nét giống mẹ Tùng ở nhà. Sự kính trọng đó là món quà quý giá nhất Vân chưa đòi mà Tùng đã cho.

"Vân, chuyện của con và Tùng, mẹ chấp thuận."

Câu nói của bà Phúc làm Vân ngạc nhiên. Đây là lần đầu tiên bà đề cập đến chuyện lứa đôi của con gái với một cái tên rõ rệt. Vân cau mặt mà cũng chẳng hiểu tại sao mình cau mặt.

"Con chưa học xong. Bố chưa sang. Với lại, tụi con chưa đi đến chỗ đó."

Vân nói dù biết không phải tại chưa học xong, không phải tại bố chưa sang, và chuyện đã đi đến lúc đòi hỏi gắn bó. Vân chỉ chưa có được một câu trả lời chắc chắn.

"Con không thể sống như vậy mãi được." Bà Phúc nói.

"Con không thể chưa chồng mà ở vậy mãi được, hở Mẹ?"

Nói rồi Vân cười. Mẹ nàng ít khi dùng đến chữ đời để dạy con, dù bà có đủ thẩm quyền. Chữ đời to tát kia, mỗi lần một người nào đó đem nó ra căng to trước mặt Vân lại không biết nói gì hơn, không dám nói gì hơn, đành ngồi đó mà hấp thụ bài học đời quý báu. Có những buổi sáng thức dậy, gian phòng tràn ngập ánh nắng, Vân thường có cảm giác rằng "linh hồn và xác, mọi việc làm, lời nói, ý tưởng, và mọi sự trót cả đời" Vân đều là vô nghĩa và hoang phí. Vô nghĩa. Hoang phí. Hoài công. Vân nhìn mẹ. Bà là ý nghĩa rõ ràng nhất, cụ thể nhất vẫn còn để Vân đừng rơi vào cái bẫy tất nghẽn.

Bên ngoài, tiếng gió nghe như hơi thở của bóng tối trở về, cận kề. Hai mẹ con bà Phúc vẫn tiếp tục những câu chuyện chỉ có ý nghĩa với họ. Mai con phụ bếp với mẹ rồi chiều hẳn đi chơi. Lâu lâu không gặp con Khanh chắc giờ nó phải cao lắm rồi, Mẹ nhỉ. Sợ sang năm nó sẽ cao hơn cô nó. Cao hơn, nhưng không khôn bằng cô Vân lúc ở tuổi đó. Nó có cái khôn của nó, cô ạ. Con cái của các anh chị, nhiều đồ chơi quá làm tụi nó thiếu óc tưởng tượng. Câu chuyện tiếp nối đều đều. Vân nghĩ đến cảnh gia đình quây quần ngày mai, những khuôn mặt thân thuộc sẽ có ở đây và những khuôn mặt thân thuộc thiếu vắng, những khuôn mặt mới vào gia đình và những khuôn mặt trong gia đình đã ra đi. Vân yêu tất cả

Ngồi một lúc lâu nữa, bà Phúc không chờ đợi lâu hơn những đứa con mê chơi chưa chịu về nhà, bỏ len bỏ que đan nhắc Vân. Đi đọc kinh thôi, Vân. Rồi khi mỗi người đã ngồi vào chỗ của mình, buổi kinh tối lại bắt đầu như một truyền thống gia đình không thể bỏ, dù số người còn lại chỉ có hai. Mẹ xướng, con đáp. Những lời xướng đáp không thể bỏ quên, Kinh Chúa Thánh Thần. Ba kinh Tin, Cậy, Mến.

Mười kinh Lạy Cha. Năm chục kinh Kính Mừng. Mùa Vọng, ngắm Năm Sự Vui, và khi ngắm phải suy gẫm cuộc đời Đức Mẹ Đồng Trinh, phải kết hợp đời ta với đời Mẹ. Nhưng suốt buổi kinh tối nay cũng như suốt hầu hết mọi buổi kinh tối trước, trong lòng Vân không có Thánh Thần, không có Tin Cậy Mến, không có Đức Mẹ Đồng Trinh. Cho đến lúc đọc những lời kinh gần cuối, Vân mới chú ý trở lại. "lạy Chúa Giêsu, con xin dâng cho Trái Tim Chúa linh hồn và xác con, mọi việc con làm, lời nói, ý tưởng, và mọi sự khó nhọc trót cả đời con..." Càng đọc lời kinh ấy, Vân càng thấm thía cái sự vô nghĩa, hoang phí, và hoài công của "trót đời con", thấm sâu vào từng cõi tâm tư. Dâng lên cái vô nghĩa, hoài công, và hoang phí ấy? Nhưng cùng một lúc, Vân thấy nhẹ nhàng tựa như cái gánh nặng của vô nghĩa, của hoài công của hoang phí vừa được nhấc khỏi. Thì ra cũng có nơi để trút bỏ được cái gánh nặng thấp hèn nhất trong mọi gánh nặng! Vân nghe như có tiếng mời an nghỉ. Hãy an nghỉ đi vì trong Chốn An Nghỉ này có Ân Sủng mà không tính đếm công lao, và cái nghĩa duy nhất chỉ nằm trong sự Kết Hợp toàn vẹn của người với người nhờ Ân Sủng đó!. Và rồi, dù chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi, dù biết rồi ra nàng sẽ lại đánh mất niềm an ủi ngọt ngào ấy, Vân muốn thật sự tin ở lời hứa "hãy tìm thì sẽ gặp, hãy gõ thì sẽ mở cho."

Gần nửa giờ đọc kinh đã xong. Vân thu dọn đồ đạc của mình ngoài phòng khách rồi đem vào trong. Trong phòng ngủ, Vân không bật đèn, ngả lưng xuống giường nhưng chưa định ngủ. Vân nhớ đến hình bóng Tùng hôm tiễn đưa. Tùng trông khác hẳn ngày thường trong chiếc áo trắng cổ thắt cravate lụa màu tím Vân đã lựa. "Lam vợ anh đi, Vân," Tùng đã nói. "anh cần một người vợ đảm đang để mang lại sự thành công cho anh. Anh không ham muốn một sự thành công nào to lớn hơn sự thành công ở chỗ anh làm tròn được bổn phận với cha mẹ và đàn em của anh chưa sang được..." Vân đã ngắt lời Tùng, "như vậy có nghĩa là em không có tương lai làm bà nghị như anh đã hứa?" Tùng trả lời, "như vậy có nghĩa là anh cũng sẽ ở đúng bổn phận với vợ anh. Quảng đời mộng mơ qua rồi, Vân ơi. Mình phải lo chuyện trước mắt."

Vân nhắm mắt. Làm vợ Tùng. Đó chẳng phải là điều Vân hằng mơ ước đó sao. Làm vợ Tùng, làm vợ một người chồng tốt. Đó chẳng phải là điều mọi đứa con gái nên mơ ước sao? "Anh cần câu trả lời của em khi anh về," Tùng đã dặn.

Có tiếng gõ cửa liên hồi ở ngoài nhà. Có tiếng chân mẹ Vân ra mở cửa. Có tiếng bà nói với những người mới về, sao các con về khuya quá vậy. Vân vẫn nằm yên, nhắm mắt. Buổi đại nhạc hội đã đến lúc nào rồi? Anh nhất định không ở lại. Tại sao Vân không nói với

Trương rằng anh không phải làm bất cứ chuyện gì anh không thích. Để chợt có tiếng nói lạ vang lên từ cõi đen trong Vân. Mày phải tạ lỗi với ai đây vì những việc mày đã làm theo ý thích? Vân nhắm mắt. Mở mắt như vậy đủ rồi cho ngày hôm nay.

—4—

Thời gian lại bình minh một lần nữa, rực rỡ trong áo vàng thêu nắng lóng lánh. Ở phía mặt trời đang mọc lên cao, chuyến xe lửa đầu ngày vừa mới băng ngang, chuyến xe lửa hai mươi toa vừa kéo qua chật vội vàng, ngắn ngủi. Khi hai cột chắn trước đường rầy được kéo lên thì dãy xe dài từ bên kia đường rầy cũng bắt đầu lăn bánh, những chiếc xe hối hả đưa người từ ngoại ô trở vào thành phố. Những kẻ đi làm bắt đầu công việc sớm mai thật sớm, nuốt cà-phê bánh ngọt trên xe. Cuối dãy phố, chiếc xe bus học đường màu vàng bật đèn đỏ chớp nháy, đậu lại bên đường đón bầy trẻ đang đứng chờ trước bảng stop màu đỏ. Lũ trẻ ồ ạt bước lên xe, không theo thứ tự tuổi cỡ. Khi chiếc xe bus vàng đã đi, trên lề đường những người bộ hành tóc bạc lúc nảy đứng lại nhìn lũ trẻ lại tiếp tục buổi tản bộ ban sáng thật chậm rãi, ung dung. Họ lắc đầu, chỉ trỏ những hộp sữa bằng giấy bọn trẻ đã uống cạn rồi vứt bừa ở góc đường. Họ hỏi nhau đứa nào là cháu nội cháu ngoại của ông của bà trong bọn chúng nó. Trong những người tóc bạc lưng còng ấy, một người đi đến rồi nhìn thấy đứa con gái ngồi trơ trọi trước sân nhà. Ông lão nở nụ cười dưới bộ râu mép trắng, nụ cười làm nhếch cao gò má phúng phính ửng hồng trong nắng vàng.

Good morning, little girl. Don't you have school today.

Nó lắc đầu nhẹ, vẫy tay chào. Không, hôm nay không đi học. Hôm nay đáng lẽ phải đi nha sĩ nhổ răng mà cũng sẽ không đi. Nhổ răng còn lại lỗ chân răng đỏ đỏ đen đen sâu hoắm. Hôm nay đáng lẽ anh nó phải đưa nó đi nhổ răng. Nhưng hôm nay nó biết nó sẽ phải đi thăm anh nó trước khi người ta hạ anh nó xuống nơi an nghỉ cuối cùng. Lỗ sâu chân răng, lỗ sâu dưới lòng đất, và lỗ sâu trong lòng nó bây giờ, làm sao thoát được?

Nó đã ngồi ở góc sân nhà khi trời chưa sáng. Từ lúc đó đã có nhiều người đến ngồi cạnh nó. Người đến người đi. Người an ủi nó, dỗ dành nó, xoa đầu nó, ôm nó, rơi nước mắt trên lưng áo nó. Còn nó, nó không nói được một lời, không khóc được một bận. Giờ này, nếu như mọi ngày, anh nó đáng lẽ đã đi làm đêm trở về, gọi nó dậy bằng một thanh kẹo anh áp trên má nó, thanh kẹo anh đã mua ở tiệm anh làm, mua chứ không lấy. Rồi anh đáng lẽ phải đứng cười vì nó đã

cười, đáng lẽ phải nói thôi đi học đi cho anh đi ngủ.

Hiện tại không chỉ vướng vất những dĩ vãng, những tương lai mà thôi, nhưng còn cả những đáng lẽ, những phải chi.

Đêm qua, anh nó đã đi ngủ sớm. Quá sớm.

Ở sân trước có xe anh Khoa đến. Anh Khoa có dáng dấp tựa như anh nó, cũng cao cao. Nhưng anh Khoa trắng hơn, gầy hơn, và tóc anh Khoa nâu nâu chứ không đen mướt như tóc anh Linh. Đêm hôm qua, anh Khoa gọi về, báo tin anh nó đã bị bắn chết trong tiệm.

Anh Khoa đến, không vào nhà mà lại ngồi với nó ở góc sân.

Vân nhìn người đã vuốt mắt anh nó. Anh Linh đã làm thay cho anh Khoa đêm hôm qua. Thôi, cũng tại số mệnh cả. Vân nhìn khuôn mặt bạn thân của anh nó. Mũi anh Khoa nhỏ nhắn chứ không to như mũi lân anh Linh. Giọng anh Khoa thanh chứ không trầm như giọng anh Linh. Mắt anh Khoa xếch chứ không tròn như mắt anh Linh. Ai có thể thay thế anh nó được đây?

Anh Khoa gượng cười, nói với nó trong lúc mắt anh rưng rưng: "Linh nó hay nói với anh là Vân dễ thương nhất nhà mà cũng dữ nhất nhà, phải không?"

Nó cúi đầu, không nói. Nó ước gì anh Khoa đừng khóc. Chỉ có người ngoài mới khóc, anh Khoa.

"Hễ chừng nào Vân muốn đi đâu, cần gì, thì cho anh biết ngay, nghe chưa?"

"Anh mà túm được cái thằng đen đó!"

Vân vẫn lặng thinh. Trong lòng nó lúc này không có cơn phẫn nộ. Phẫn nộ để làm gì nữa đây? Có một điều nó muốn, nhưng không thể nói, là nó muốn đừng ai để ý đến nó trong lúc này, ngay cả anh Khoa. Nó không muốn nhìn thấy người ta phải lắc đầu, phải chép miệng than: con bé tội nghiệp!

Từ trong nhà, có người mở cửa bước ra. Anh Khoa đứng dậy, đi đến rồi ôm chầm lấy anh Bảo, anh thứ của nó. Hai người đàn ông đứng ôm nhau khóc trước cửa nhà. Anh Bảo cũng khóc kia mà. Tại sao nó không khóc? Nó muốn đi tìm một chỗ để nó có thể ngồi một mình, không cần đến cả một đấng thiêng liêng nào, để nó có thể nuốt xuống cái sự thật là anh nó đã chết. Chết. Died. Dead. nó cần để cái chết mới mẻ, đau đớn, oan nghiệt kia ngấm sâu vào tận cùng xương tủy nó đã rồi may ra nó mới khóc được.

Anh Khoa và anh Bảo. Người trao người khóc than. Người trao người an ủi.

"Vân," anh Bảo thấm mắt, quay qua nói với nó, "em ở nhà. Ai có hỏi bảo anh đi lo việc nhà quàn. Anh phải đem vào cho anh Linh bộ vest rồi đi xuống nhà Dì lấy khăn tang... Em cũng cần vào nhà lỡ Mẹ

có cần gì. Đi thay áo trắng đi để lát nữa thăm anh Linh... À, quên nữa, anh phải đi đánh điện tín về cho Bố.. Nói như thế nào đây,nhỉ?!"

"Anh Bảo, em không có áo trắng..." Vân nói khi đã đứng dậy từ chỗ ngồi góc sân.

"Trời, không sao. Chẳng cần áo trắng. Anh đi đây. À này, nhớ là ở nhà có đừng cãi nhau với thằng em mày , nghe chưa."

Anh Bảo bắt tay anh Khoa rồi đi. Nó mở cửa vào nhà, biết rằng sẽ thấy mẹ nó ngồi ngay đó. Mẹ nó là người cuối cùng nó muốn thấy trong lúc này, Cơn "khóc lóc và nghiến răng" của bà quá lớn lao trong khi nó không đủ sức để ngước nhìn. Nó vào nhà, anh Khoa theo sau. Mẹ nó ngồi ở cái ghế nhỏ, đối diện với vị linh mục đến từ sớm đang ngồi ở cái ghế dài. Bà đã thôi khóc, nhưng mái tóc hai màu chưa được chải, những sợi tóc dài, lòa xòa trên khuôn mặt bà, khuôn mặt đỏ như bị dị ứng. Mắt bà không còn chút sinh lực, như đã mất hết tinh khôn. Bà ngồi thẳng, thu người trong cái ghế; đôi tay bà đan vào nhau, xiết chặt tựa như bao nhiêu sức lực để chống gượng đang đổ dồn vào đôi tay đó.

"Thưa Bác, thưa Cha," anh Khoa lên tiếng chào.

"Anh Khoa," mẹ nó cố giữ cho giọng nói khỏi rời rạc, "mẹ con bác sẽ cần anh rất nhiều trong lúc tang tóc này."

Khoa đứng tựa lưng ở cánh cửa đã đóng. Anh cúi đầu và tay anh cũng đan vào nhau.

"Vân, lạy Cha đi con."

"Con lạy Cha," Vân nói lí nhí theo lời mẹ nó bảo.

Vị linh mục mỉm cười. Trên chiếc ghế dài cha đang ngồi kia, Vân hình dung ra anh nó vẫn nằm ngủ ở đó mỗi buổi sáng đi làm về. Anh nó nằm sấp trên ghế, mặt quay vào trong, cánh tay phải thả lỏng xuống đất. Dù nóng hay lạnh, anh nó luôn luôn ngủ cởi trần. Và mỗi buổi sáng trước khi đi học nó luôn luôn len lén nhìn đến thân thể dài thẳng đó của anh Linh và tưởng chừng như trong con người đó chứa đựng cả một sự đùm bọc dũng mãnh đủ để nó cảm thấy yên tâm cho mẹ nó, cho nó, trong thời gian vắng bố. Vân nhìn chỗ vị linh mục đang ngồi. Nếu cha ngồi xích về phía thành tay trái một chút nữa, cha sẽ ngồi phải chỗ anh nó hay để đầu. Trên mặt bàn kê sát đầu ghế, gói thuốc lá Malboro anh nó hút dở vẫn còn đó. Sách vỡ bút giấy bề bộn của anh vẫn còn đó. Nhưng còn anh nó thì đã đi rồi, và lúc ra đi vội vã anh có kịp nghĩ gì đến gia đình anh không.

"Bà Phúc, tôi sẽ gọi ông chủ-tịch cộng-đồng lo nghi thức lễ an táng."

"Vâng, con nhờ cha mọi sự."

"Anh ấy quàn tại nhà quàn nào?"

"Delhomme, thưa cha," anh Khoa trả lời.

"Bà có nơi chôn cất chưa ?"

Câu hỏi của vị linh mục làm mẹ nó lúng túng.

"Thưa cha, chắc con phải gửi nó ở phần mộ tổ tiên gia-đình bà bảo trợ... Con... phải chờ cho ổn định đã rồi sau này mới đem nó ra riêng được, ạ"

Vị linh mục lúc đầu hơi thấy kỳ lạ, nhưng rồi ông cũng hiểu. Tai nạn. Ai biết trước được mà lo phần mộ.

"Thằng Linh nó chết không biết có kịp ăn năn tội không."

"Bà đừng lo. Anh ấy đã sống gương mẫu đạo đức lắm. Nếu có Chúa Giêsu ở đây, Ngài sẽ làm cho con bà sống lại như đã cho con trai bà góa thành Naim sống lại vậy."

Nó đứng đó, nghe chuyện. Nếu có Chúa Giêsu ở đây, anh nó sẽ được sống lại. Vâng. Nếu có Chúa ở đây. Điều đó nghe sung sướng làm sao. Nếu có Chúa ở đây.

Mẹ nó mím chặt môi, đan chặt tay. Vị linh mục không biết nói gì hơn, đứng lên.

"Tôi ra nhà quàn bây giờ. Mạnh mẽ lên bà Phúc. Chén đắng Chúa đã chọn gia đình bà phải uống, hãy vui lòng mà uống. Tôi sẽ cầu nguyện nhiều cho gia đình ông bà."

"Anh Khoa đưa cha ra ngoài Delhomme hộ bác, Khoa nhé."

Sau khi hai người đó đã đi khỏi, mẹ Vân đứng lên nhìn đến nó, nhìn trân trân, và nó tưởng như trong ánh mắt đó nói lên sự thừa thãi của nó, nói lên sự chán nản của bà, chán nản đứa con trẻ dại trời đã để lại cho bà mà không bắt nó đi thay cho đứa lớn.

"Mẹ biết ăn nói với Bố làm sao đây?! Đem nó đi để giết nó chết. Bố con đã gửi đủ tiền để nó không cần phải đi làm mà con!"

Nước mắt nó bây giờ mới bắt đầu thoát, lăn xuống má.

Mẹ nó rời ghế. Bà đi từng bước lảo đảo vào trong. Vân theo mẹ vào đến phòng ngủ. Ở đó, dưới bức ảnh Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp mẹ nó vẫn ngước trông về mỗi đêm đọc kinh, ở đó, bên cạnh khung cửa sổ có nắng ấm đổ vào lênh láng, mẹ nó ngã quỵ. Ở đó, mẹ nó bắt đầu để cơn nghiến răng, ai oán thống thiết tuôn trào.

"Chúa ơi, con đã giết con con!"

"Chúa ơi, còn gánh nào nặng hơn cái gánh con đã giết con con!"

Nó đi đến bên mẹ, và ở đó, nó quỳ xuống ôm lấy mẹ. Nó khóc. Tim nó đau. Quang cảnh chung quanh và lý trí trong nó đều nhoè mờ.

"Linh ơi, mẹ phải chết trước con mà, Linh!"

Không, Mẹ ơi, con mới là đứa đáng chết. Con chưa đứng trước một tương lai rực rỡ như anh. Con chưa đem lại cho mẹ một bóng mát như anh. Con chỉ là đứa ăn chơi rồi ngủ. Con mới là đứa nên chết.

Còn gánh nặng nào hơn gánh nặng này? Không còn gánh nặng nào hơn, và trong lúc này, ngay cả cái gánh Thiên Chúa mặc phận làm người rồi chịu chết đóng đinh cũng không thể nặng hơn gánh này!.

*
* *

Mẹ thường nói anh có diện mạo và tính tình giống hệt cậu Duy. Trong một buổi trưa, xưa thật là xưa, mẹ dạy hai chị em nó tập viết, nó đã hỏi "Cậu Duy ở đâu, hở mẹ."

Câu hỏi vô tình làm mặt mẹ nó chợt đỏ lên, như bị dị ứng, và làm nước mắt mẹ nó lưng tròng. Lần đầu tiên thấy mẹ nó khóc, hai chị em nó đã sợ. Nó nhìn em nó. Thằng em trai tròn trịa trừng mắt nói thậm thụt. Ưa hỏi lắm hả, làm mẹ khóc hả, về mách người lớn cho coi." Nó không nhịn, lén đạp em một cái đạp đau điếng dưới gầm bàn. Em nó ức, ấn mạnh ngòi bút trên giấy làm gẫy ngòi. Nhưng mẹ nó không để ý vì bà còn bận lau nước mắt. Tưởng mẹ nó bỏ qua câu hỏi, nhưng không, bà trả lời cho nó biết.

Cậu con chết rồi.

Làm sao chết, hở mẹ. Nó vẫn không nén được cơn tò mò, dù em nó đang nhìn nó dữ tợn hơn.

Đầu tố, con.

Nó định hỏi thêm đầu tố là gì, nhưng em nó lại đạp nó một cái đau hơn. Thế là chị em đánh nhau, thế là quên câu hỏi...

Mẹ nó vẫn dặn rằng còn có biết bao nhiêu cảnh tan nát hơn cảnh nhà, cho nên không được than.

Đó là một trong những lời dặn của mẹ mà nó hay quên nhất.

Khi nhìn thấy anh nó nằm yên, lạnh lẽo trong cái quan tài, nó đã quên tất cả.

Anh nó nằm yên, yên thật vững vàng, không có gì phá nổi sự yên lặng đó nữa. Tóc anh được chải ngược lại như để khoe một vừng trán rộng, cao. Mắt anh nhắm hờ như đang ngủ, để nó tưởng rằng qua kẻ hở đôi mắt ấy vẫn còn hình dáng nó nhẩy múa trong mắt anh. Gò má anh nhô cao hơn trước, hai bên má hóp hơn trước, và rồi nó chợt hiểu rằng những thớ thịt chết chẩy xệ xuống làm khuôn mặt anh trông xương xương khác thường. Đôi môi dầy của anh đã được tô một lớp son hồng hồng, nhưng nhìn kỹ nó thấy dọc theo cửa miệng có vệt máu khô.

Nó vẫn thường lấy làm lạ lùng rằng tại sao trên đời này đã có một cái nó, một nó biết nhìn, biết nghe, biết cảm, biết sờ. Để làm gì? Tại sao lại có nó. Tại sao lại là nó. Nó?

Nó nghe tiếng anh Bảo thì thầm bên cạnh.

"Để tay lên mặt anh Linh đi, Vân. Đặt tay lên tay anh Linh đi,

Vân.

Nó làm theo lời anh Bảo, để rồi nó đã biết thế nào là nguội lạnh, thế nào là đông cứng của xác chết. Nó nắm tay anh Linh. Hơi ấm của tay nó không làm ấm được cái lạnh tay anh. Bàn tay nó xiết nhẹ không gọi được tay anh xiết trả. Tay trong tay đây nhưng nó biết sự cách xa, cách biệt này là xa biệt tuyệt đối, tuyệt vọng. Nó lật lòng bàn tay anh Linh, nhìn đường sống ngắn ngủi dứt điểm ngang ngón tay cái, rồi lại tiếp tục chạy dài xuống cổ tay. Nó muốn cởi cúc áo anh để nhìn vùng ngực gầy gò có bốn lỗ đạn định mệnh, bốn lỗ đạn đen, to bằng bốn đồng bạc cắc. "Anh Linh chết thật rồi, Vân ơi." Anh Bảo nói.

Anh Linh nằm yên, không có một cái giá nào có thể đem anh ra khỏi sự yên nghỉ đó.

Không mẹ. Không em.

Không nhớ thương dĩ vãng. Không tiếc rẻ tương lai.

Không bận lòng bởi trong những kẻ tiễn đưa, có kẻ đã đến và mừng rằng tai ương này đã chẳng xảy đến cho mình.

Không uất ức vì những kẻ bên ngoài đứng bên ngoài và bảo rằng anh đã có thể tránh được cái chết này nếu anh biết khôn hơn.

Không chất vấn tại sao anh phải chết.

Không thắc mắc tại sao anh phải chết ở Mỹ.

Nó đang khóc than nhưng anh nó đã qua phận khóc than. Anh nó đã vào chốn an nghỉ. Muôn đời an nghỉ. Và trong cơn đau điên dại này, nó bỗng bằng lòng chấp nhận trọn vẹn cơn đau vì anh nó đã hoàn toàn thảnh thơi an nghỉ. Thôi, để anh nghỉ.

"Lạy Chúa tôi, tôi ở dưới vực sâu kêu lên Chúa tôi. Xin Chúa hãy thương nhận lời tôi kêu van. Hãy lắng nghe tiếng tôi cầu xin. Nếu Chúa tôi chấp tội, nào ai rỗi được. Nếu Chúa tôi chấp tội, nào ai đứng vững thảnh thơi..."

Lạy Chúa , anh con phạm tội gì?!

—5—

"Rrring ! Rrring !"

Chuông điện thoại giữa đêm khuya làm Vân bừng tỉnh, hốt hoảng. Vân nhìn đồng hồ chỉ hơn ba giờ sáng, và trước khi bắt điện thoại nàng còn kịp đếm trong đầu từng người trong nhà. Đã về đủ cả. Mọi người đã về nhà đông đủ. Vân thấy yên tâm hơn, nhưng tiếng chuông điện thoại khuya khoắt vẫn làm Vân hoảng sợ vì tiếng chuông điện thoại báo tử mười mấy năm qua vẫn chưa im trong trí nhớ.

"Rrring !"

Vân nhấc ống nghe ở tiếng chuông thứ ba.

"Hello," nàng nói nhỏ. Giọng đàn ông đầu dây bên kia nghe quen, nhưng trong giây phút tối tăm Vân chưa nhận rõ được là ai.

"Vân, anh đây." Tiếng nói làm Vân suýt buột miệng hỏi lại "Trương", nhưng Vân cũng đủ tỉnh để kịp thời ngăn lại.

"Tùng, có chuyện gì vậy... Em cũng nhớ anh... Đang ngủ chứ làm gì... Mơ thấy anh Linh... Anh Linh về, vẫn nói câu anh ấy thường nói. Mỹ mà, chuyện gì mà không thể xảy ra... Chiều mai anh về mấy giờ?... Anh Trương, Mỹ-Lan, và em sẽ ra đón anh ở phi trường... Anh Trương đề nghị cả bọn đi chơi... Anh không thích?... Thôi, chiều em nghe anh, em cũng muốn nhóm mình gặp nhau đầy đủ... Mình còn thiếu gì lúc để nói chuyện riêng với nhau... Chuyện chúng mình? Anh về đây rồi em nói. Nói qua điện thoại em không thích... Thôi nghe anh, chiều nay cả bọn sẽ chờ đón anh đó... Được rồi, em sẽ nhớ... Vâng, em yêu anh..."

Vân gác điện thoại, nghe như đâu đó có tiếng mẹ đang rầy rà. Hễ mẹ có hỏi, Vân sẽ trả lời là người ta gọi lầm số. Nhưng không có câu hỏi đó nên không có câu trả lời đó. Biết giấc ngủ khó trở lại, Vân muốn nghĩ đến Tùng, đến những gì Tùng thường nói trước đây, thật kỹ. Thời mộng mơ qua rồi, Tùng đã nói. Vâng, có một cái gì đó đã qua rồi, không hẳn là mộng mơ. Hãy luôn nhìn vào đời bằng một cái nhìn tương đối thôi, Tùng đã nói. Vâng, nhưng nhiều khi Vân thấy trong sự tương đối đó cũng có cái gì không vững. Vân sẽ phải nói với Tùng rằng nàng thấy dường như chẳng có sự gì là vững chắc. Anh là kẻ sống còn. Còn em, em đang cố để sống còn, nhưng em đang vật lộn với cái gì, em không biết. Vân đã muốn Tùng gọi đến chỗ Trương làm. Nếu Vân gọi, Trương sẽ thắc mắc, và chính Vân cũng sẽ không trả lời được những thắc mắc đó với chính mình, tại sao Vân gọi và ngày mai có gọi nữa không. Vân đã muốn hỏi người nọ người kia như thế, dù biết rằng câu trả lời có hoặc không cũng chẳng ăn thua gì cả. Nhưng những lúc nhớ đến Trương, nghĩ về Trương, Vân hiểu rằng yêu thương là động lực làm nên sự sống mạnh mẽ hơn là được yêu thương. Hiện giờ, trong đêm, bỗng có tiếng sấm vang vang ngoài trời. Biết đâu mưa sẽ rơi trước khi trời sáng. Vân nhớ ngày bé, có đêm mưa Vân đã khóc trong giấc ngủ. Tiếng khóc của đứa con gái nhỏ trong đêm mưa, trong giấc ngủ, là tiếng đòi tuyệt vọng trong mơ sự gì của mình đã mất. Lớn lên, Vân thèm được khóc một cách tỉ tê ngon lành như thế. Lớn lên, có lần nghe một đứa bé gái cũng khóc trong mơ như vậy, Vân cho đó là tiếng khóc làm người lớn thấy bó tay. Ở đời có nhiều cái lạ, nhưng cái lạ thường làm Vân chùng lòng là sự biến mất trong ngày hôm nay của cái gì vẫn có đó ngày hôm qua. Biến mất hoàn

toàn, không có gì là "của mình".

Vân biết rằng Tùng sẽ tìm được người vợ đảm đang hơn Vân.

PHẠM THỊ NGỌC

Vũ Thùy Hạnh

Trời, Trăng, Cuội và Người

Tôi yêu chú Cuội trên Trời
Yêu Trăng dưới nước yêu Người trong tranh
Và tôi gọi Cuội bằng Anh
Gọi Trăng bằng Chị
Gọi Tranh là Người.
Một hôm lên hỏi ông Trời
Cả cười ông bảo
rõ người dương gian!

Miếu và Ma

Qua đền hỏi khẽ cây đa
Rằng ông còn đó mà Ma đâu rồi
Cây rằng đã biệt phương trời
Chỉ còn miếu lạnh mơ hồi khói nhang

Ba thương

Một thương sông chảy lạc giòng
Hai thương suối cạn khơi lòng khát khao
Ba thương sỏi đá lao đao
Biết xuôi giòng đục hay vào giòng trong.

Tuổi tôi

Ở đây đêm hết lại ngày
Đêm sâu mong đợi ngày dài chờ trông
Ở đây thăm thẳm mùa Đông
Mênh mông mùa Hạ trùng trùng mùa Thu
Đất trời sao chẳng thay mùa
Thời gian thay nhịp cho vừa tuổi tôi.

Trần Thị Kim Lan

Hoàng tử và kẻ khờ

*K*ẻ khờ tên thật là Tiêu thị Khá. Con bé ra đời sau một ngôi nhà đồ sộ của cha mẹ nó bị bom lần lượt dội tan tành. Cái tên Khá có sứ mạng mang đến niềm hy vọng cho gia đình họ Tiêu. Vậy mà không biết vì vận mệnh đất nước hay vì mồ mả ông bà của nó đặt sai chỗ mà thêm hai căn nhà lá bị cháy rụi. Cha con bé ngồi gật gù bên ngọn đèn dầu chao đi chao lại trong căn nhà mới cất còn vương mùi lá. Con bé Khá đứng trong bóng tối nhìn cha ái ngại. Nghe tiếng con ho rũ rượi ông nhướng hai con mắt lờ đờ đục rượu hấp háy tìm bóng dáng èo uột của nó. Ông chợt mỉm cười chua chát nói:

— Đã đau yếu lại còn khờ khạo. Phải đổi tên con lại là Khờ con ạ. Tội nghiệp con tôi, con bé lọ lem của Ba. Ba muốn cho các con trở thành công nương công tử hết, nhưng mà...

Nói đến đây ông lại xuống một câu vọng cổ:

— ...thời thế đã không tạo được anh...hùng. Là cũng bởi tại vì cái giòng họ Tiêu nó làm tiêu tan sự nghiệp ...ơ...ơ...ơ...

Ông lại đổi sang nói lối:

— Tại chữ Tiêu nó làm tiêu đi chữ Khá. Ha! ha! ha! Không khá nổi nữa con à. Con gái ba khờ quá. Ai làm con khờ? Không phải Ba đâu nghe con! Tại chiến tranh nó làm con khờ. Ba cứ chạy nó hoài làm sao dạy dỗ con thơ. Con bây giờ là Tiêu thị Khờ. May ra chữ Tiêu nó triệt chữ Khờ thì con gái Ba sẽ khôn ra.

Ông đắc ý cười sằng sặc, tợp một hớp rượu, khà một tiếng, gục gặc

đầu, im lặng một lúc lâu rồi bỗng rung người khóc sụt sùi.

Từ đó cái tên Khờ trở nên gần gũi với người con gái. Nó nghe mẹ nói với dì:

— Cháu nó khờ lắm dì Năm ạ. Tôi gởi cháu cho dì răn dạy. Hoàn cảnh tôi khổ quá. Bà nó thì bịnh hoạn, anh nó điên khùng, còn ba nó cứ say sưa hoài.

Vài năm sau Khờ nghe dì nói với mẹ:

— Tôi trả nó lại cho chị. Nuôi nó như nuôi ong tay áo. Thuở đời nó viết thơ giùm cho con ở của tôi để lại từ giã bỏ trốn theo trai. Con kia dốt đặc, biết chữ đực chữ cái nào mà thơ với từ. Không biết nó ăn nói giống gì mà ngu quá. Tôi đánh bầm thây cũng không bỏ cái tật cà rà theo nói chuyện với đầy tớ.

Khờ lại nghe mẹ năn nỉ Bác Hai:

— Anh chị cho tôi gửi cháu, cho nó học được chữ nào hay chữ nấy. Nó đen đúa xấu xí sợ khó gả cho ai được. Cháu nó ốm yếu lại khờ khạo xin anh chị thương giùm.

Bác trai thương mỗi lần thắng bạc lén dúi tiền vào tay Khờ cho nó ăn bánh. Bác gái để ý, không bằng lòng. Con của Bác biết được, ganh tị. Khờ bị cô lập, được phút nào rỗi rảnh, nó tìm chỗ vắng vùi đầu vào tiểu thuyết. Khờ nghe Bác gái nói với Bác trai:

— Ngữ đó sớm muộn gì rồi cũng hư. Cứ đọc ba cái dâm thư suốt ngày. Sao ông không rầy nó. Đồ ngỗng đực, lúc nào cũng sừng sựng như ốc mượn hồn. Không làm gì nên thân hết. Biểu quạt hầu cho khách đánh bài cứ làm rớt quạt, biểu mua một tô mì cọng lớn, bưng về mì cọng nhỏ. Bà Phán Tiên giận không ăn, tôi phải năn nỉ bả mới chịu chờ mua tô khác. Nó khờ quá nuôi uổng cơm. Kêu tới là không thấy mặt. Thơ thẩn một mình ngoài vườn me làm gì?

Khờ trả lời thầm với Bác gái:

— Thưa Bác con muốn tìm lá gì ăn cho chết. Con nghĩ tới chuyện leo lên tuốt lên ngọn me cao rồi nhảy xuống cho chết, nhưng mà con không biết leo. Con là ngỗng đực tại vì con nghĩ hoài, nghĩ hoài phải làm sao cho vừa bụng người lớn. Con thật không biết phải làm sao. Con khờ, con xấu, con hư, con muốn chết.

Đến năm mười sáu tuổi Khờ vẫn chưa chết. Được gửi lên Saigon, Khờ giữ em cho người mợ dâu, đan thuê quần áo trẻ con cho bà hàng xóm có sạp bán đồ len ở chợ. Khờ học lớp đêm. Rớt trung học ba năm, rớt tú tài hai lượt, Khờ học đánh máy. Đi làm. Ở sở làm Khờ được gọi bằng cô Khá. Khờ nghe là lạ không biết có phải người ta gọi mình, ngơ ngác mãi mới chịu quen với tên mới. Khờ bắt đầu hiểu được ngoài khả năng tự tạo, tùy hoàn cảnh sống và cách đối xử của mỗi người mà nàng là Khá hay Khờ.

Trong khoảng thời gian đó có một người đàn ông ngỏ ý thương nàng. Biết nàng thích thơ, chàng gởi cho nàng những bài thơ tình làm cho tâm hồn khờ khạo của nàng biết rung động xao xuyến như một người đã từng trải qua kinh nghiệm khôn ngoan. Nhân một dịp tình cờ nàng biết được chàng chép lại thơ của các thi sĩ nổi danh và ký tên mình. Cái dáng điệu hiền lành cặp kính trắng, và những lời nói cực kỳ lễ độ, kèm theo những món quà không đắt giá nhưng vừa ý cho từng lứa tuổi đã giúp chàng được lòng nhiều người. Riêng nàng lòng còn chơn chất chưa biết yêu điều gian dối nên từ chối tình chàng. Mẹ nàng thì nghĩ con gái mình gặp được chàng như chuột sa hũ nếp. Nửa đêm bà giựt con thức dậy khuyên bảo:

— Má thấy thằng này được. Ưng đi con. Rủi má chết con ở với ai. Nó biết làm ăn, có tiền có của, lại chi xài tằn tiện. Con về ở với nó cho nó dạy con. Con thì tiền bạc hời hợt, tính tình bông thùa, má rầu con lắm Khờ ạ.

Nàng không đáp lời mẹ, xây mặt vào vách mùng thương nhớ người yêu. Người nàng yêu là một thanh niên con nhà khá giả có đôi mắt tình tứ và nụ cười hiền hòa rạng rỡ. Bóng dáng cao cao thanh nhã của chàng vẫn còn xuất hiện về đêm trong giấc mơ. Mẹ nàng thấy con gái làm thinh, đổi giọng đay nghiến:

— Bộ mày tưởng mày là tiên sa phụng lộn gì sao? Không lấy nó biết còn có thằng nào nó hỏi cưới. Cái thứ khó dạy như mày thì có chết đi mười mạng tao cũng không tiếc.

Nàng im lặng thầm đáp lời mẹ:

— Giá mà con khó dạy, biết cãi lời mẹ thì đã không mất người yêu. Chàng đang ở cái tuổi cần có người bạn gái bên cạnh mà con thì chỉ có biết làm thơ gửi chàng. Đi chơi với chàng có một lần mà mẹ đã mắng con gái hẹn hò với trai là thứ voi dày ngựa xé. Voi không thấy dày, ngựa không thấy xé mà trái tim con sao đau đớn từng ngày đã hơn mười mấy năm qua rồi mẹ ạ.

Đợi mãi không thấy con gái nói, năng gì mẹ nàng tức giận bỏ xuống bếp thắp đèn ăn trầu. Nàng nghe mẹ vừa nhai trầu tóp tép vừa than:

— Cái thây bay lớn vẫn còn khờ. Để vuột mối này thì có nước ở giá mang nhục với bà con họ hàng. Tao đến chết cũng còn khổ vì mày.

Nàng muốn ra đi, đi đến một phương trời xa nào đó để mẹ không còn phải khổ vì nàng. Nhưng nàng không muốn theo đoàn người di tản sang nước khác. Nước nhà độc lập, Nam Bắc một nhà nàng mừng lắm. Những bài học về lịch sử của xứ sở nàng đã nung nấu trong lòng nàng tình yêu thương tổ quốc từ ngày nàng còn bé. Nó dạy cho nàng biết phải tương trợ đồng bào và cương quyết chống ngoại xâm. Nàng nghe người Cộng sản và người Quốc gia chửi qua chửi lại nhưng nàng

không hiểu ai phải ai quấy, ai hay ai dở, chỉ biết đất nước không còn bóng ngoại nhân, hòa bình lập lại, bổn phận người dân là dâng cả trái tim mình vá víu lại quê hương. Nàng thấy lòng mình phấn khởi như tiếng hát lên đường của đoàn thanh niên đi xây dựng những công trình cho xứ sở. Nghe nàng ngỏ ý định tình nguyện đi công tác vùng kinh tế mới, một chị bạn người Bắc di cư giải thích:

— Em ơi, khổ lắm. Em là người Nam, em không biết gì về Cộng sản cả. Bố chị bị chúng nó giết, chị căm thù chúng nó suốt đời. Bọn chúng độc quyền yêu nước, không có tới em đâu. Em có hăm hở lắm thì cũng chỉ để bị lợi dụng. Em cũng dễ tin như chồng chị vậy. Lúc đi học tập cải tạo còn giắt theo bên mình ống sáo, bảo anh đi thổi sáo mười hôm trở về. Nhưng bây giờ anh ấy bắt chị phải hứa theo gia đình đi Mỹ. Anh không còn hy vọng ngày trở về em ạ. Em đi với chị đi, qua đó có chị có em cũng đỡ. Nói dại rủi có bị bắt thì mình tự tử, đừng để chúng nó đụng tới mình. Ở đây rồi cũng chết. Sức em không chịu nổi rừng thiêng nước độc đâu. Đừng lý tưởng trên trời nữa em ạ.

Vài tháng sau, nàng nghe tin chị bạn bỏ viên thuốc độc vô mồm ngay khi bị bắt. Nàng xốn xang nhớ lại hình ảnh người bạn hiền lành bắt con kiến đang cắn chân mình thả xuống đất nhìn nó bò đi...

Nàng nấn ná ở lại làm việc cho một cơ quan văn hóa. Dần dần cái ý tưởng phục vụ quê hương bị phá vỡ. Công việc của nàng hàng ngày là chui vào nhà kho ẩm mốc xua gián, đuổi chuột để moi ra sách, báo, và dĩa hát đủ loại đã bị tịch thu mang về đổ đống. Nàng kiên nhẫn kỳ cọ, rửa bìa sách, dán lại những chỗ bị rách, nâng niu từng tác phẩm kim, cổ, Đông Tây, lau nhẹ từng chút bụi trên dĩa nhạc cổ điển. Nàng cẩn thận phân loại, dán số, xếp thứ tự từng hàng trên kệ. Nàng ngầm nghĩa hài lòng và tự hào đã làm được một chút gì đó cho quê hương. Nhưng nàng ngạc nhiên thấy sách và dĩa nhạc mất dần, truyện kiếm hiệp và truyện tình cảm của Quỳnh Dao đi trước, các tác phẩm có giá trị theo sau. Nàng hỏi một anh cán bộ người miền Nam tập kết, anh ấy đáp bằng giọng Nam lai Bắc:

— Cô em ơi, cô em khờ khạo lắm. Cấp lãnh đạo người ta mang về nhà riêng "ngâm cứu" đấy. Để ở đây các em đọc nó đồi trụy đời các em.

Nàng đáp:

— Nhưng tụi em đã đọc nhiều rồi mà.

— Đấy! Chính vì thế! Người ta xem các em đồi trụy nó ra nàm thao ý mà. Này nghe anh bảo, đừng có hỏi han lôi thôi gì cả. Ba năm rồi chưa được vào biên chế phải lo phấn đấu để mà lãnh nhu yếu phẩm với người ta. Nghe lời anh. Hơn hai mươi năm kinh nghiệm miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa, thằng Cao Chí Thiện này vẫn sống như một người

cao cả lương thiện thứ thiệt là nhờ áp dụng chánh sách "trăm không": không thấy, không nghe, không nói, vân vân. Em tự tìm hiểu mà thêm vào.

Nàng nghe lời anh cán bộ, âm thầm công tác, nhưng trong lòng đã manh nha niềm thất vọng. Nó lớn dần qua những điều mắt thấy, tai nghe và miệng im không nói. Nó bộc phát mạnh mẽ một hôm sau khi nàng báo cáo với bác tổ trưởng đã hoàn thành công tác chùi cầu tiêu của cơ quan. Nàng nghe bác cười hài lòng trong điện thoại và khen nàng:

—Mày làm như thế là ý thức được quyền làm chủ tập thể đấy!

Bị cấp trên gọi bằng "mày" nàng không mấy bận tâm vì nàng biết Bác xuất thân từ giai cấp nông dân, chữ "mày" Bác dùng biểu lộ sự thân thiện hơn là mang ý nghĩa trịch thượng nào. Điều làm cho nàng dao động, đứng tần ngần ngắm nghía máy điện thoại như một vật lạ trên tay là đoạn cuối trong câu nói. Nàng không hiểu vì sao chùi cầu tiêu là ý thức được quyền làm chủ tập thể. Nàng tưởng cái ý thức về quyền làm chủ bản thân hay tập thể phải là cái gì khác hơn việc chùi cầu! Nàng thương cho cuộc đời của bác tổ trưởng già, một người ít học, chết đi sống lại trên các chiến trường đánh Mỹ, vợ con đã biến thành tro than trong lửa đạn, Bác còn lại một mình gian khổ vượt Trường Sơn về miền Nam với niềm tin đã góp phần mang lại hòa bình no ấm cho dân tộc. Nàng đã nhiều lần bỏ qua những sai lầm về chữ nghĩa, về kiến thức hạn hẹp của bác. Nhưng lần này nàng cảm thấy bị xúc phạm. Nàng mang máng biết câu nói có một ý nghĩa sâu xa về sự san bằng giai cấp, mọi người đều phải chia nhau cả những công việc bẩn thỉu nhất. Nhưng riêng nàng, nàng chưa làm gì để phải bị trừng phạt như thế. Vả lại đây không phải là lần thứ nhất nàng làm công việc đó. Cả quãng đời thơ ấu đi hầu hạ để kiếm cơm từ nhà này sang nhà khác bỗng trở về trong tâm trí nàng như một cuốn phim quay ngược. Nàng thấy những ngón tay nhỏ xíu của nàng rướn ra nắm chặt bàn chải, cố sức chà xuống nền xi măng sần sùi hôi hám trong nhà cầu, nước mắt tuông dài theo những lời chửi rủa lúc nào cũng văng vẳng bên tai. Nàng thấy mình bị đạp đến chết ngất, bị dồn vào giữa chỗ hở của hai tủ đứng, quỳnh quáng giơhai tay bụm mặt, xoa đùi, ôm đầu khuyu xuống hứng lấy những ngọn roi vun vút từ bên ngoài bay tới tấp vào thân thể ốm yếu của nàng. Nàng thấy chị giúp việc tốt bụng vạch áo nàng, xon dầu trên những lằn ngang, lằn dọc khắp người nàng. Chị thở dài thương xót cho nàng khi thấy một mảng da đen nám bên hông nàng, dấu vết của nhiều năm bồng con cho những gia đình nàng đến ở. Nàng lắc đầu mạnh xóa nhòa hình ảnh cũ, nghe bừng dậy bên trong một sự phản kháng mạnh mẽ. Không! cái ý thức

về quyền làm chủ không thể dừng lại hay bắt đầu ở đó: ở sự đày đọa con người. Nàng đã trải qua đoạn đường gian khổ của một con khở sống như một kẻ tôi đòi. Nàng không muốn bắt đầu lại cuộc đời tăm tối đó. Nó chỉ đưa con người vào cái ý hướng muốn chối bỏ cuộc sống. Nàng nghĩ xa hơn, đến những thân nhân và bạn bè đang bị hủy hoại sức lực và tài năng trong lao tù ở các trại học tập cải tạo và nàng thấy rõ một cơn giông đang ùa tới cuốn hút cả ước mơ và lý tưởng cao đẹp của những người dân mang chí hướng như nàng. Nàng lửng thửng bước quanh trong phòng làm việc, ngẩn ngơ nhìn kệ sách đìu hiu. Vói tay sửa lại một quyển sách nhỏ đang nghiêng ngã phơi mình dưới tia nắng rọi qua cửa sổ, nàng lẩm nhẩm đọc: "Animal Farm" by George Orwell. Có lẽ sách viết bằng tiếng Anh và nhiều người tưởng lầm đó chỉ là chuyện thú vật không có gì đáng đọc nên nó còn bỏ lại. Nàng thấy thân phận những người nặng tình với tổ quốc rồi chẳng khác gì những con vật trong truyện kia: Đem công trình đổi lấy niềm chua xót. Từ giây phút đó nàng bắt đầu có ý định trốn ra khỏi xứ như bao nhiêu người khác.

Sau nhiều phen lận đận, bị bắt, bị tù về tội phản quốc bỏ xứ ra đi để liếm gót giày đế quốc, cuối cùng nàng đến nước Mỹ.

*
* *

Thế là người con gái xuất thân từ miền đất tận cùng nước Việt, nơi mà người ta nói có muỗi to bằng con gà mái, đĩa lền như bánh canh, đã rụt rè đặt bàn chân thấm nước phèn lên ngưỡng cửa trường đại học của Mỹ quốc. Ở nơi đây, trong môi trường sống của những bộ óc tìm tòi và sáng tạo, lòng nhân đạo được luận bằng nhiệt tình sôi nổi và những con người tàn tật được nuôi dưỡng bằng lòng tự tin. Nàng đang ngồi trong lớp học. Người bạn mù bên cạnh giương mắt nhìn vào khoảng không tăm tối. Mỗi khi nhìn bạn nàng dừng lại ở nụ cười như sáng rọi từ nơi tận cùng của miền tâm thức. Trước mắt nàng vị giáo sư già ngồi trên xe lăn đang xuống giọng trầm buồn kết luận bài vừa mới giảng: ".....Và như thế những đứa trẻ bị thương sẽ trở thành những người lớn tàn tật." Nàng bỗng thấy hiểu mình hơn bao giờ cả, nhận ra rằng nàng làm một người lớn tàn tật trong tâm hồn. Nàng vốn là kẻ bi quan, chỉ thấy sự khổ đau và gian ác của con người. Nàng nhát sợ cuộc đời, thích tìm yên lành trong những lúc thu mình với những suy nghĩ riêng tư.

Nhưng chính nơi đây, sách vở, bạn và thầy đã nâng nàng dậy, dạy nàng săn sóc vết thương của thời thơ ấu, chỉ cho nàng cái khả năng tiềm ẩn và những giới hạn của một kẻ tật nguyền. Nàng bỏ dần gánh

nặng tự ti mặc cảm mà gia đình và xã hội nàng đã vô ý thức bắt nàng phải nhận chịu suốt nửa đời người. Nàng biết ơn bạn, biết ơn thầy, những người đã gieo rắt mầm lạc quan vào cuộc đời còn lại của nàng. Ý nghĩ tự hủy hoại thân mình đã không còn đeo đẳng bên nàng nữa. Có đôi lúc nàng mơ ước được sống thật lâu để tìm hiểu những điều chưa hiểu, để làm những điều có thể làm. Trong niềm hân hoan được lột xác, nàng vẫn hay mỉm cười với hình ảnh cô bé lọ lem mà cha nàng đã gọi nàng hồi còn bé.

*
* *

Cuộc đời giống như một chuyện thần thoại. Con bé lọ lem ngày nào bỗng một hôm gặp được Hoàng tử. Hôm đó nàng đang đi dạo trong một vườn Thượng uyển thời đại của một thành phố văn hóa nước Mỹ. Khu vườn này thuộc trường Đại học Harvard, có tên là "Arnold Arboritum", một vùng đất rộng hơn hai trăm mẫu được trồng hàng ngàn cây lạ. Trăm hoa nở rộ vào mùa hè. Nàng đang dừng chân trên một đồi thấp nhìn xuống thảm cỏ xanh đơm những nụ hoa vàng rực rỡ lác đác đó đây. Nàng hít khí trời trong lành, đưa mắt lướt nhẹ một vòng qua những hàng cây đang đong đưa theo gió làm rung rinh những bông hoa tươi thắm mang sắc màu tuyệt diệu. Xa xa dưới kia mặt hồ lăn tăn sóng nước soi hàng liễu rũ. Nàng thầm bảo: "Quả là một thiên đàng dưới thế!"

— Thiên nhiên thật nhiệm mầu, cô nhỉ?

Nàng giật mình quay lại. Người đàn ông mỉm cười. Nụ cười sáng rực dưới hàng ria đen tỉa rất khéo. Và đôi mắt. Đôi mắt có ánh nhìn rất lạ, vừa tỏa ra tia sáng kiêu hùng, vừa dịu dàng như ánh trăng. Nàng bàng hoàng vội hỏi:

— Hình như tôi có gặp ông ở đâu.

— Có một dạo chúng ta cùng đi một chuyến xe hằng ngày. Tôi muốn làm quen với cô nhưng xe lúc nào cũng đông, rồi tôi không thấy cô nữa.

— À! tôi nhớ ra rồi. Tôi có thoáng thấy ông vài lần. Tôi đổi chỗ ở.

— Tôi nhận ra cô ngay. Cô giống một người tôi quen đã lâu ở Việt Nam.

— Vậy sao? Tôi cũng là người Việt Nam.

— A! người Việt Nam! Người Việt Nam! Dân tộc cô hay lắm. Tôi yêu mến người Việt Nam. Cô đến nước này lâu chưa?

— Dạ cũng chưa lâu lắm.

— Cô thích nước Mỹ không?

— Cũng có nhiều cái hay.

— Tôi thì không. Nếu có một nơi nào đó cho tôi đến sống yên lành

thì tôi sẽ rời bỏ nước Mỹ. Có lẽ cô sẽ hỏi tôi vì sao tôi không về Phi Châu? Tôi ở đây từ ngày mở mắt chào đời. Tôi không còn thuộc về cội nguồn của tôi nữa. Mặc dù thế, tôi luôn luôn nghĩ tổ tiên tôi là vua chúa ở đó và tôi nhất định phải là một vị Hoàng Tử mang lại yên lành và hạnh phúc cho dân tộc tôi, có đâu chỉ là một công nhân quèn của xứ này.

Nàng đưa mắt kín đáo quan sát người đàn ông kỹ hơn. Tầm vóc ông vừa phải, dáng điệu hiên ngang, da màu đồng đen mịn màng gợi cảm. Trong khung cảnh này ông giống như một ông Hoàng lạc bước vào khuôn viên của một vương quốc lạ, mất cả ngựa và đoàn tùy tùng. Nàng buộc miệng nói:

— Ông quả thật là có phong thái của một ông Hoàng...Hoàng tử ạ.

— Ha! Cô gọi tôi là Hoàng tử. Tốt thôi. Ít nhất phải có một người nhận ra điều đó. Vâng, tôi là một Hoàng tử lưu vong đã nhiều năm nên thấu hiểu rằng đất nước này xây dựng trên xương máu của người nô lệ.

— Tôi có biết một chút về chuyện đó. Nhưng thưa Hoàng tử tôi thấy người da trắng đã nhận thức được sai lầm của họ và họ sửa đổi rất nhiều. Tôi rất...

Nàng muốn nói tôi rất biết ơn họ, nhưng kịp thấy thái độ bất bình của Hoàng tử nên dừng lại ngay. Quả nhiên Hoàng tử trợn mắt, múa tay, đổi giọng giận dữ:

— Cô lầm. Cô đã bị chúng nó gạt. Phải nhìn thấu qua làn da trắng của nó mới thấy cả sự xấu xa. Bọn nó đi đến đâu gieo rắc đau thương, để lại bệnh tật ở đó. Tôi thử hỏi cô: Người như cô hay như tôi có lòng dạ nào mang bom nguyên tử thả xuống thành phố Hiroshima không? Chắc chắn là không. Truy ra tận gốc, từ cái ngày mà thằng Columbus mang một đoàn tùy tùng thuộc thành phần cặn bã của xã hội nó, những thằng lính tráng say sưa giết người đến đây cướp giật đất đai của dân da đỏ rồi lấy rượu mà đầu độc người ta là nước Mỹ này trở thành một nước bẩn thỉu. Và cứ thế mà nó tiếp tục gây tội ác. Nó qua Phi Châu hãm hiếp đàn bà, bắt dân da đen về làm nô lệ. Nó qua Việt Nam, trẻ con người già chết la liệt. Cô biết rõ quá mà. Tôi chứng kiến cảnh đó. Đêm qua tôi đã khóc khi nhìn thấy cảnh nghèo đói của Việt Nam trên truyền hình. Từ ngày tôi ở Việt Nam về đây đã bao nhiêu năm trời trôi qua mà nước mắt tôi còn chảy khi nhớ tới đồng bào bên đó. Tôi phản đối việc Mỹ tham lam sờ mó vào các dân tộc khác dưới chiêu bài giúp đỡ và truyền bá "văn minh". À, cái văn minh của nó chỉ là cái văn minh tô màu. Nó không có màu da thật như mình nên mới phải sơn phết để lừa thiên hạ. Tôi thấy hết, thấy hết cái tâm địa xấu xa của nó. Còn một tuần nữa là sinh nhật thứ bốn mươi của tôi. Như vậy

là bốn mươi năm đau khổ vì cái màu da trên người tôi, cô có biết không?

— Tôi hiểu.

Hoàng tử lắc đầu:

— Cô không làm sao hiểu thấu được về nỗi thống khổ của người nô lệ.

— Chắc chắn là không thể nào hiểu thấu được tất cả, nhưng tôi nghĩ tôi cũng hiểu được phần nào. Tôi hiểu người nô lệ qua hoàn cảnh đất nước tôi. Những cuộc vượt biển hiện nay của dân tộc tôi có khác gì người nô lệ da đen đi tìm tự do thuở trước. Lịch sử chẳng những không ngừng lặp lại mà còn di chuyển khắp mọi nơi. Ngoài ra có lẽ tôi còn hiểu bằng kinh nghiệm bản thân tôi. Tôi tuy không bị vạch mắt, xem răng và bị người mua trả giá như người nô lệ, nhưng tôi có trải qua cảnh tôi đòi. Tôi bị đánh đập, bị chà đạp nhân phẩm...chuyện dài lắm, chắc không cần thiết phải nói ra. Nhắc đến tôi đau lòng. Tôi phải nói như thế nào để Hoàng Tử hiểu nhỉ? À, như thế này. Ở xứ tôi, tôi là người da đen. Không biết ai bắt đầu chuyện đó, nhưng người có da trắng ở hai đất nước của chúng ta được đối xử đặc biệt hơn. Màu đen là màu tượng trưng cho sự tối tăm, xấu xa và tội lỗi. Đời đời kiếp kiếp người ta tin như thế, biết làm sao?

Hoàng tử phản ứng mạnh, vừa đáp vừa xoa lên da tay mình:

— Cô đen? Như thế này mới gọi là đen. Nhưng dù cho đen hay nâu cô phải hãnh diện về màu da của mình. Bởi vì giòng giống của chúng ta xuất hiện trên trái đất từ ngày tạo thiên lập địa.

Nàng tròn mắt hỏi:

— Sao Hoàng tử biết?

— Lịch sử và tôn giáo chứng minh. Thượng Đế đã lấy đất mà tạo ra con người qua hình ảnh của Ngài Tôi hỏi cô đất màu gì nếu không phải là màu đen? Nói đúng hơn Thượng Đế là người da màu. Có thể cô gọi Ngài là Buddha, còn tôi gọi Ngài là Allah. Nhưng chỉ có một Thượng Đế. Bọn trắng xuất hiện sau chúng ta. Nó sống trong hang. Nó bò như chó. Nó chung chạ với chó. Không thấy đàn bà da trắng thường ôm chó đi phố sao?

— Hoàng tử! Hoàng tử! Hoàng tử đã xúc phạm con người!

Nàng buộc mồm nói lớn. Hoàng tử hạ giọng phân bày:

— Chúng nó độc ác quá có phải là con người hay không? Cô là người đến sau tôi trên đất nước này, cần phải biết nhiều hơn nữa. Đừng cho phép mình khờ khạo để chúng nó lừa. Bà tôi bị chúng hãm hiếp. Ông tôi chết mang theo niềm uất hận của kiếp người nô lệ. Tôi biết hết, biết hết, nhưng tôi chỉ là một hạt nước giữa biển mênh mông.

— Rồi Hoàng Tử chọn thái độ đối phó ra sao?

— Tôi chẳng cần biết tới chúng. Tôi cũng là người như nó, đem sức lao động đổi lấy miếng ăn. Thằng nào khôn hồn thì đừng đụng đến ta. Đất nước này đâu phải của riêng gì nó. Nhưng cô chớ hiểu lầm tôi. Tôn giáo của tôi, đạo Islam dạy tôi phải thương mọi người trong tình huynh đệ. Nhưng chỉ những kẻ nào đối xử với tôi như một con người thì tôi mới coi họ như anh em. Bằng ngược lại...

Hoàng tử ngập ngừng, xăn tay áo, đưa cánh tay trần rắn như sắt lên ngắm nghía:

— ...cánh tay này đã từng tung lên, quật ngã những thằng chà đạp lên nhân phẩm ta.

Tự nhiên nàng thấy hơi lo. Hoàng tử đang tức giận mà chỗ nàng đứng khá vắng vẻ. Nàng ra dấu tỏ ý muốn đi nơi khác, bước về hướng cổng vườn nơi có đông khách đang vào thưởng cảnh. Hoàng tử dường như đoán được ý nàng, tự động bước theo sau và nói:

— Cô sợ tôi? Không nên. Tôi không hại người lành. Hơn nữa cô là...cô là người Việt Nam. Tôi mang ơn một cậu bé Việt Nam. Chúng tôi sống với nhau khá lâu, thương yêu nhau như tình ruột thịt. Nó cưu mang tôi nhiều lần, chỉ cho tôi những hầm chông, bẫy mìn. Cô thận trọng thế là tốt. Thực ra tôi định khuyên cô không nên đến đây một mình, nhất là những hôm vắng người. Nhưng ở đời phải biết tin một người nào đó. Cô phải tin tôi. Tôi ít khi....hay nói đúng hơn là chưa bao giờ nói chuyện với một người đàn bà nào như nói với cô hôm nay. Có lẽ tôi thấy cô hiểu những điều tôi nói.

Nàng vừa cám ơn vừa đánh trống lảng:

— Kìa! Hoàng tử xem, Hoa đẹp quá! Màu sắc thật hòa hợp. Có lẽ người trồng hoa đã sắp xếp như thế. Và bầu trời hôm nay xanh xanh, không khí thật trong lành. Đúng là một cảnh thần tiên!

— Và tôi là một Hoàng tử

Nàng cười nhẹ:

— Còn tôi chỉ là một kẻ khờ.

Nàng ngạc nhiên cho chính điều mình nói. Có lẽ từ trong tiềm thức ý nghĩ đó chỉ chờ có dịp bộc phát. Hoàng tử phản đối ngay:

— Cô nói gì lạ vậy? Cô cay đắng cuộc đời hay ngạo đời? Cả hai thái độ đều không có lợi gì cho cô cả. À tôi hiểu rồi! Người đàn bà Việt Nam rất khiêm nhường, nhưng cô nên nhớ chớ có hạ mình trước người da trắng. Đối với họ, cô khôn một phải tỏ ra khôn mười. Phải luôn hãnh diện về màu da của mình. Tôi không mong điều này xảy ra cho cô, nhưng rồi sẽ có ngày cô gặp cảnh kỳ thị. Số phận của lớp người tị nạn như cô hiện nay giống như dân da đen chúng tôi thuở trước, có nghĩa là chưa được xã hội này nhìn nhận.

— Thưa Hoàng tử tôi muốn biết đồng bào của Hoàng tử đối phó

như thế nào trước cảnh kỳ thị?

— Bằng bạo lực và bằng kiến thức. Kẻ kiên nhẫn thì học hành đỗ đạt để đấu trí với tụi trắng. Người thiếu kiên nhẫn thì đập vào đầu chúng nó. Cái gia sản bạo lực của người da đen ngày nay là do thừa kế của bọn trắng. Con cháu dân da đen sinh đẻ trên xứ này nhìn chủ nhân da trắng sát nhân, mà bắt chước. Chắc chắn là bạo lực không phải từ Phi châu mà ra.

— Hoàng tử thấy tương lai của người da đen sẽ ra sao?

Hoàng tử muốn đáp lời quá nhanh nên líu lưỡi một lúc mới bật thành tiếng nói:

— Cô nên nhớ không có sự áp bức, bất công nào tồn tại mãi mãi. Tôi không thể sống cho đến khi nhìn thấy ngày vinh quang của dân tôi, nhưng đã có vài tia sáng đang lóe ra ở cuối đường hầm. Cô có bao giờ thấy một người da đen ra tranh cử Tổng thống ở xứ này chưa? Vậy mà bây giờ có. Ừ thì cứ cho là Jackson không đắc cử nổi đi. Nhưng ông ấy là người tiên phong cho những kẻ đến sau.

— Xin Hoàng tử cho tôi hỏi thêm một vài điều.

— Cô cứ hỏi đi. Tôi sẵn sàng giải đáp những gì vướng mắc trong cái đầu dễ thương của cô. Cô biết không, khi cô ngẩng mặt nhìn như thế cô quá giống người bạn gái của tôi một thuở nào.

Giọng Hoàng tử tự nhiên trở nên thật dịu dàng và tia sáng màu trăng trong đôi mắt tỏa nhẹ trên người nàng. Nàng thoáng nghe một chút êm ả len vào lòng, nhưng không cho phép mình dừng lại ở giây phút đó lâu hơn. Nàng vội vàng hỏi:

— Theo ý Hoàng tử thì nước Mỹ có điều gì hay?

Hoàng tử không vội trả lời, cười cười đưa tay mò trong túi áo lôi ra một đồng đô la co quắp, cứng đờ, đưa lên ngắm nhìn chăm chú, quơ quơ trước mặt nàng dằn giọng:

— Cái này. Chỉ có cái này là hay nhất: đô la. Đừng phung phí nó, đừng đua đòi vật chất. Nước Mỹ cho mình làm ra tiền thật dễ và nó lừa mình lấy lại còn dễ hơn. Phải chịu khó tìm cái này. Bọn trắng nể mình nhờ nó. Nhưng cô nên nhớ đồng tiền không mang lại hạnh phúc. Cần có một gia đình yên ấm để bình tâm đối phó với xã hội vật chất nầy.

Hoàng tử ngưng nói, thở dài. Nàng đưa mắt khuyến khích. Hoàng tử ngập ngừng thổ lộ:

— Tôi...tôi không có hạnh phúc. Tôi ở với người đàn bà ấy là vì đứa con. Đây, cô xem, ảnh con gái tôi. Tôi thương nó lắm. Vợ tôi...hay đúng hơn người đàn bà mà tôi đang chung sống mắc phải bệnh ghiền ma túy đã mấy năm nay. Tôi không nỡ bỏ. Tôi ở trong cái thế không thể gắn bó sâu đậm, cũng không thể xa lìa.

Trong cảm xúc lẫn lộn vừa thông cảm tình cảnh của Hoàng tử, vừa ngạc nhiên trước những lời tâm sự quá đột ngột, nàng thấy lúng túng không biết phải nói gì. Hoàng tử nhếch môi cười nói tiếp:

— Cô ngạc nhiên phải không? Những thằng anh hùng như tôi thường bị vướng vì một chuyện nhỏ.

— Cứu giúp một người đàn bà yếu đuối đã là mẹ của con mình sao Hoàng tử cho là một việc nhỏ?

— Cám ơn cô bạn của tôi, cám ơn cô nhiều lắm. Tôi cần một lời khuyến khích. Sáng nay tôi đưa cô nàng vào bệnh viện. Chích quá liều. Đã cai mấy lần nhưng vẫn trở lại bệnh cũ. Tôi bỏ thế giới điên loạn ngoài kia vào khu vườn này tìm một chút an lành thì gặp cô.

Hai người im lặng dừng lại nơi cổng vườn. Nàng nhỏ giọng nói:

— Tôi mong mọi sự sẽ tốt đẹp hơn cho Hoàng tử.

Hoàng tử cười buồn, liếc nhìn đồng hồ, đưa mắt đảo quanh và hỏi nàng:

— Tôi còn gặp lại cô không?

— Cũng có thể. Vào một dịp tình cờ như hôm nay.

— Cô không muốn cùng tôi định trước sự tình cờ?

— Chắc không nên Hoàng tử ạ. Hoàng tử còn bận lo vợ con và tôi thì chưa sẵn sàng cho một cuộc hò hẹn phiêu lưu nào. Tôi cám ơn sự chiếu cố của Hoàng tử và những điều Hoàng tử chỉ bảo tôi.

— Không có chi, Cô đang thắp nến đợi ai ở quê nhà?

— Không...Tôi đợi nến tàn.

— Có cần thiết không?

— Tôi chưa bao giờ hỏi mình điều đó.

— Hỏi đi kẻo muộn. Hay là cô sợ làm bạn với một người da đen miệng thế chê cười?

Nàng lật đật đính chính ngay:

— Ồ không, không phải vậy. Hoàng tử hiểu lầm tôi.

Nàng nói dối. Từ lúc đứng nói chuyện với Hoàng tử nàng đã để ý thấy bao nhiêu cái nhìn tò mò đầy nghi vấn ném về phía hai người, và trong trí nàng lướt qua lời nói của bà bạn thân người Mỹ: "Con không tìm được một người đồng hương với con thì hãy lấy Nhật, Đại Hàn gì cũng được, đừng đem về nhà này một thằng da đen. Tưởng tượng phải hôn nó thật là ớn". Nàng nghe Hoàng tử tằng hắng nói:

— Thôi tùy cô vậy. Ước gì tôi được biết Khổng tử của cô dạy phải nói gì trong trường hợp này.

Hai người cùng cười. Hoàng Tử nói tiếp:

— Cô cần gì hãy xuống phố, góc đường Y, tôi hay ăn trưa ở đó. Tôi nói thật đấy. Tôi sẽ làm những gì có thể giúp được cô. Đừng ngại. Chúng ta là người da màu, phải đoàn kết lại, phải thương nhau như

tình huynh đệ. Cũng xin cô nên nhớ điều này: Tôi để lại hai người thân ở Việt Nam. Một người đàn bà yêu tôi bằng cả chân tình và một cậu bé cứu mạng sống của tôi.

Nàng định nói những lời từ giã thật ân cần thì bỗng thấy một người đàn ông áo quần lếch thếch từ xa đi tới, ra dấu gọi Hoàng tử. Hoàng tử vừa bước về phía người đàn ông vừa ngoái đầu vẫy tay chào nàng và nói lớn:

— Xin từ giã cô bạn thân mến. Hãy bảo trọng nhé! Nhớ luôn luôn hãnh diện về nòi giống của mình. Chúc cô may mắn!

Nàng gật đầu vẫy tay đáp lại, ngơ ngác về sự hấp tấp của Hoàng tử. Người đàn ông đã đến gần. Râu tóc ông ta bù xù bám đầy bụi bẩn che lấp cả mặt, chỉ còn thấy được hai con mắt ám xì ke nhướn lên khi ông ta nhừa nhựa nói điều gì với Hoàng Tử mà nàng nghe không rõ. Một cơn gió nhẹ đi qua đưa mùi hôi từ người ông ta đến tận mũi nàng. Nàng bước đi vài bước, tò mò liếc nhanh về phía gốc cây chỗ hai người đang đứng. Người đàn ông rút ra trong áo một chiếc hộp da nhỏ nhẵn bóng. Bàn tay sắt của Hoàng Tử bỗng trở nên vô cùng mềm mại, nhanh nhẹn đón lấy chiếc hộp nâng lên, bật nắp quan sát. Nàng thấy một chiếc đồng hồ vàng có b lẽ nạm kim cương nên lấp lánh dưới ánh sáng, và thoáng nghe mấy lời dìm giá tài tình của Hoàng tử, đòi bù lại cả những món hàng đã bị lỗi trong những lần trước.

Nàng bỗng thấy như mình đang chới với. Tim nàng co thắt lại, niềm thất vọng ngập tràn, nàng bước nhanh như trốn chạy cảnh tượng mà nàng từ chối không muốn nhìn. Còn giấc mơ làm Hoàng tử cứu dân lành? Còn những lời chất chứa nỗi căm hờn trước bao sự bất công? Hoàng tử cần đô la để bảo vệ màu da? Để chu cấp cho người vợ hờ nghiện ngập? Cái thế của kẻ yếu là phải làm điều mờ ám? Nàng muốn bào chữa cho Hoàng tử, muốn thấu hiểu mọi điều. Nhưng cũng như bao lần khác, khi một niềm tin đã mất, tâm hồn nàng quị xuống, bước chân nàng lạc lõng rã rời. Nàng đứng chơ vơ giữa đường phố chói chang nắng gắt, buồn rầu nhận chịu sự bất lực trước cuộc đời. Lẫn trong tiếng còi xe thúc giục và tiếng hét vọng bên tai nàng: "You want to die, baby?", nàng nghe rõ hơn cả, tiếng nói của chính mình từ bên trong: "Ngày nào còn những điều gian trá, ngày đó ta vẫn còn là một kẻ khờ."

TRẦN THỊ KIM LAN

Như Chi

Mây

Sáng thức giấc giữa cuộc đời hạnh phúc
Có tiếng bình minh ríu rít đâu đây
Mỗi ngày đợi vầng thái dương nao nức
Phủ lên ta vô lượng ơn đời.

Nghe lá thầm thì trong làn gió thổi
Hương ngàn hoa ngát nỗi cô đơn
Trời đất rộng trải lòng thân hữu
Cõi lòng ta man mác mười phương.

Vẫn hạnh phúc dẫu muôn trùng tan hợp
Vẫn niềm vui dù trong cuộc đổi thay
Đường sẽ tới có chi đâu mà vội
Những hạt mưa chín rụng một đời này.

NHỮNG BÀI SẼ ĐĂNG TRÊN SỐ SAU

Vì số trang báo có hạn nên Toà soạn Văn Học đã phải gác lại một số bài vở đáng lý đăng trên số này. Xin thông báo để quí văn hữu đã có lòng ưu ái gửi bài cho Văn Học khỏi mất công chờ. Những bài sau đây đã được xếp trang cho Văn Học số 34 tháng 11.1988 :

* Người con gái tập hát, truyện của Nguyễn Kỳ Phong
* Dọn sang nhà bên cạnh & Ở một nơi toàn là đàn ông, truyện của Nguyễn Hiền Thảo
* Nghĩ về Thơ : Tính chất trữ tình trong Thơ, Chất thơ trong Thơ , của Nguyễn Hưng Quốc
* Tiếng núi, truyện của Ngô Nguyên Dũng
* Thế giới âm thanh Việt Nam : Thiên nhiên và Con người qua sáng tạo thẩm mỹ, của Nguyễn Thuyết Phong
* Người Mỹ đầu tiên đến VN , của Nguyễn Đông Thái
* Diện mạo bộ Y Tông Tâm Lĩnh của Trần văn Tích
* Đen hơn bóng tối : Đọc truyện Thế Giang , của Quỳnh Giao.

Tạ Chí Đại Trường

Tiền đúc Đàng Trong: Phương diện loại hình và Tương quan lịch sử

(Tiếp theo bài kỳ 2 đăng trên Văn Học số 32. Vì lý do kỹ thuật, chúng tôi sẽ đăng hình các tiền cổ được nhắc tới trong phần cuối bài khảo cứu công phu này, trên Văn Học số sau)

3.TIỀN THUẬN HOÁ

a/ Những biến đổi trong việc sử dụng tiền trong bối cảnh kinh tế Đàng Trong.

Tên tiền Thái bình của Thuận hoá cũng là do Lê Quí Đôn nhắc đến đầu tiên. Nhưng ông lại cho rằng việc đúc này là do kiểu Hà Tiên, điều này mâu thuẫn với xác nhận rằng mỗi lúc "quốc sơ" mỗi chúa lên ngôi đều đúc tiền nhỏ. Nhưng không phải tiền Thái bình này chỉ có loại nhỏ. Tiền Thái bình và những loại khác đúc ở Thuận Hóa cũng khá phức tạp vì có lẽ cũng phải có lịch sử đến 80 năm dài.

Vào tiền bán thế kỷ thứ XVI, nghĩa là trước khi Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hóa, Dương Văn An cho biết ở vùng thuộc Bình Trị Thiên bây giờ "nhà dẫu nhiều thóc gạo, trong túi không có một mảnh tiền đồng" đến nỗi "hỏi cưới phải dùng tiền mắt ngỗng" (37). Mắt ngỗng là danh hiệu chung mà người Trung Quốc gọi các tiền ngũ thù nhỏ, xấu, ngang với loại nhị thù thời Cảnh Hoà (465) thuộc triều đại Lưu Tống. Ở đây, chắc Dương Văn An không nói chuyện ngũ thù mà

chỉ còn giữ lại ý tiền nhỏ xấu thôi. Vậy lúc bấy giờ ở Thuận Quảng người ta thiếu tiền để trao đổi hàng hóa và phải sử dụng tiền xấu nhỏ ngay cả trong những dịp lễ tiết quan trọng.

Nhưng, chứng liệu của A. De Rhodes đã dẫn lại cho ta biết rằng vào nửa đầu thế kỷ XVII, Đàng Trong lại không tiêu tiền nhỏ. Lý do có thể vì sự hiện diện của chính quyền họ Nguyễn đã khiến cho vùng này theo tình hình giao thương chung, phát triển lên một bước mới, tiền tốt đổ vào khiến người ta chê không dùng tiền nhỏ xấu nữa. Ta không biết hình loại của thứ tiền này như thế nào, nhưng chắc chúng vì dễ bể, hư nát nên mất lần, số ít lẫn lộn vào lớp sau này không phân biệt được.

Họ Nguyễn mở việc kinh dinh Thuận Quảng không phải chỉ làm công việc chuyển thuế về Đông đô mà còn phải tổ chức mọi mặt, nhất là việc xây dựng -- tuy sơ sài mà cũng phải có một phủ thự trong một vùng đô -- *dinh*, nghĩa là tiêu phí phải gấp bội, và lại không thể bằng lòng với thóc gạo, vải lụa mà phải là *tiền*.

Ta thấy những dấu vết giao thương dàn trải nhiều trong sử sách của một lớp nho sĩ vốn quen ức thương mà vẫn phải ghi lại -- dù là dưới những mục đích minh chứng khác. Nguyễn Phúc Nguyên đã từng đánh "giặc Tây dương" cướp ven biển Cửa Việt (1585) từ lúc còn là thế tử. Rồi lúc lên ngôi xong, thấy việc mua bán hồ tiêu, kỳ nam, tổ yến có lợi to, chúa Sài muốn dành độc quyền cho nhà nước nhưng bị công thần Đào Duy Từ lấy sĩ diện Khổng nho ra can (1632). Chiến thắng năm 1643 của thế tử Nguyễn Phúc Tần đối với Hà Lan là để "bảo vệ khách buôn" ngoài biển (38).

Về tổ chức mở mang thương cảng thì ta thấy thất bại ở Hồ Xá (1668), nhưng lại thành công ở Mai Xá (1681) (39). Công việc quan trọng vì thấy có ghi tên người dân đưa mẫu mở cảng -- tên một người dân lưu trong sử sách một dòng họ chỉ có bà con mới làm được chức lớn, các quan khác họ có khi chỉ còn nhớ được cái tên! Có lẽ sự phồn thịnh của cảng Mai Xá này và những cảng khác quanh vùng đã để lại dấu vết những nơi buôn bán mà LM Cadière nhận ra qua tên Phường Hàng còn lại chẳng hạn (40).

Chủng loại tiền Trung Quốc sử dụng nhiều nhất là của Đường, Tống, và sau này là tiền Khang Hi của Thanh như Lê Quí Đôn cho biết. Tất nhiên là thương nhân Trung Quốc mang tiền của xứ mình đến và chở hàng đi. Nhưng đặc biệt là có việc *buôn tiền* đến Đàng Trong do người Trung Quốc, người Hà Lan và người Nhật chủ trương (Hình 12).

Công ty VOC trong chuyến giao tiếp đầu tiên với Đàng Trong vào tháng 7-1633 đã thấy có thể dùng việc buôn tiền đồng để đổi tơ

bán cho Nhật. "Buôn" tiền chứ không phải lấy tiền mua hàng. Trong mùa gió bấc 1633-1634, VOC không cạnh tranh mua bán nổi với người Trung Quốc, người Nhật ở đây ngoài việc bán tiền đồng: 15000 đồng tiền giá 14 hay 14 lạng 1/2 bạc, giá mà họ cho là "rẻ mạt". Ngày 1-6-1636, đoàn tàu Grol, Daman có chiếc Huisduinen dành riêng cho việc mậu dịch Nhật - Đàng Trong, rời Batavia với trưởng đoàn Nicolas Coukebacker có nhiệm vụ nghiên cứu lại việc buôn tiền. Sau đó, ta thấy chiếc Petten đến Tourane ngày 25-1-1637 mang 13 500 000 đồng *zène* và 763 tạ đồng. Chiếc Grol ghé vào cù lao Chàm ngày 5-3-1637 bỏ xuống 3015 000 đồng tiền và 300 tạ chì (41)

Chuyện người Hòa Lan cạnh tranh không lại với người Nhật chứng tỏ người Nhật -- qua thương buôn, thủy thủ Trung Quốc từ lệnh cấm ra nước ngoài năm 1634 – đã có buôn bán tiền với Đàng Trong và cả Đàng Ngoài trước thời gian nhà nước Nhật đúc tiền bán. Tiền đúc - lại xảy ra, theo các học giả Nhật, vì biến cố ở Đài Loan. Người trung thần của nhà Minh, Trịnh Thành Công, chiếm Hạ Môn năm 1647, đuổi VOC, chiếm Đài Loan (1661) làm ngăn trở việc giao thương với lục địa, nên tiền không ra khỏi Trung Quốc được. Dân Trung Quốc, Hoà Lan mua đồng của Nhật đúc tiền bán làm cho Nhật khan đồng. Nhật hỏi dò biết nên nhảy vào mối lợi này. Năm Vạn Trị 2 (1659), dân buôn Nhật xin "đúc tiền hán" bán cho thuyền biển thì chính quyền đồng ý. Thực ra nhà nước chỉ nhằm chia mối lợi có sẵn chứ không tốn công nhiều lắm vì rốt lại năm 1660, chính người Hoà Lan được phép mở tiền-cục ở Kỳ Dương (Kiyò). Mối lợi rõ rệt tăng gia nên năm 1668, người ta cấm xuất cảng đồng mà không cấm xuất cảng tiền. Loại tiền này xuất phát từ Trường Kỳ nên gọi là tiền mậu dịch Trường Kỳ. Và vì bán cho thuyền biển nên có tên khác là "thủy hộ tiền". Nghề đúc tiền để bán của người Nhật kéo dài đến 25 năm và chấm dứt vào năm 1685 vì 2 lý do: Thanh chiếm Đài Loan trong tay Trịnh Khắc Sảng (con Trịnh Thành Công) (1683) và Thanh mở cửa thông thương lại với bên ngoài (1685) (42).

Tiền phủ Trường Kỳ này còn lộn trong tiền thông dụng mà người Nhật phân biệt ra thứ "thư pháp vụng, sắc không xưa", nhận xét đó thật đúng, dễ thấy trong các lô tiền từ trong đất ra bây giờ (Hình 19, 20 22).

Nhưng, trong khi tiền các niên hiệu Đường, Tống có thật nhiều mà các mẫu đúc ngày nay lại không thấy đầy đủ. Chúng tôi chỉ thấy các mẫu đưa trình bày nơi đây. ĐPB có thêm mẫu Thái bình chữ "văn" sau lưng, do đời Khoan Văn (1661-1673) đúc và nhắc tới mẫu Hoàng Tống (không có hình). Mẫu Nguyên Phong như đã thấy, tương đối nhiều hơn hết, nhưng các đường nét lại đơn giản hóa đi:

chữ phong đầy đủ thật phức tạp, tiền Việt nhỏ mà cũng ráng viết cho giống, trong khi tiền Nhật rút gọn lại . Có lẽ vì cần có lợi tối đa, người ta tính vốn tối thiểu nên không bày ra nhiều mẫu làm gì và tránh luôn cả những mẫu phức tạp (xem mẫu Nguyên Phong thảo Nhật) (Hình 20).

Giá bình thường tiền đồng của Nhật là bao nhiêu không thấy nói tới. Chứng dẫn của người Hòa Lan năm 1634 ở trên (trung bình 1071 đồng tiền bán với "giá rẻ mạt" là 1 lạng bạc) chắc chỉ nói tới tiền gốc Trung Quốc. Người ta có thể nghĩ là tiền đúc, hoặc bán với giá riêng, hoặc nhập với tiền cũ được các mại bản dùng mua hàng bản xứ cho thuyền chở đi. Nhưng chi tiết về việc thương mại với Đàng Trong do một tác giả khuyết danh báo cáo trong khoảng 1690-1700 cho thấy có sự phân biệt các loại tiền :

"Có lẽ không có nơi nào trên thế giới mà người buôn bán dễ lầm lẫn về tiền tệ như ở đây. Các đồng tiền đúc giống nhau và giá *ghi bằng chữ trên ấy*. Một mặt có 4 chữ Trung Quốc còn mặt kia không có gì hết. Vậy có người tin cậy đi theo mới biết giá trị đồng tiền, nếu không thì có thể bị các con buôn Đàng Trong phỉnh gạt" (43).

Chúng ta thử hình dung nỗi lúng túng của thương gia ngoại quốc lúc bấy giờ. Tiền lớn hay nhỏ thì có thể lấy mắt phân biệt được, nhưng đối giá ra sao? (tiền "ăn" mấy?) nhất là cỡ, tính chi li ra thì cũng là nhiều mà đối giá thì không theo sát cỡ. Đối giá mang tính từ quyền uy, thói tục chứ không biểu hiện tỉ lệ giá trị của chất kim các đồng tiền mang trong mình trong lúc yếu tố này vẫn còn là quan trọng (hãy nhìn - đồng tiền Bảo Đại 1 và Bảo Đại 10 ở hình 1). Các thương gia đó cũng có thể lấy mắt mà phân biệt các đồng Đường, Tống 7-800, cả ngàn năm trước màu đen đỉu, mòn vẹt, teng rỉ với các đồng tiền mới đúc vài mươi năm trước còn bóng loáng, sắc cạnh đường nét. Tiền mới được mua hẳn không có giá như tiền cũ. Thế mà đồng tiền mới có danh hiệu Thái bình của Chúa thì không thể có giá sụt được. Phải làm sao chọn lựa đây? Phương thức tương đối chắc chắn nhất là *đọc được các chữ trên tiền*, để đối chiếu với thông tục địa phương mà định giá. Đó là chưa kể họ gặp phải đối tượng có sự ưa thích, nhận định khác nhau mà các lệnh chỉ cấm đoán ngày xưa cho chúng ta biết. Người ngoại quốc gặp sự tùy tiện của phương Đông, cộng thêm mớ tiền hỗn độn ở Đàng Trong, họ kêu rêu là phải.

b. *Tiền Thái bình.*

Nhưng qua chứng cứ của họ, ta xác định thời điểm xưa nhất được biết của tiền chúa Nguyễn đúc ở Đàng Trong. Tài liệu trên cho biết: "Mấy năm trước đây, thương nhân Ma Cao đã thu được mối lợi lớn về tiền tệ này/ tiền cũ đem bán/ vì thuở ấy chúa Đàng Trong chưa

đúc tiền riêng/ nay/ thì người ngoại quốc không thể buôn tiền được nữa, trừ phi chịu lỗ một nửa" (44)

Trước hết, ta hãy nói đến tiền có danh hiệu Thái bình.

Ở Trung Quốc, người ta tính có đến 11 niên hiệu Thái bình, nhưng tiền Thái bình đầu tiên và còn lại nhiều nhất là của Tống Thái tông (niên hiệu từ 976-981), còn của Hồng Tú Toàn thì thường có đủ 4 chữ "Thái Bình Thiên Quốc". Đồng Thái bình hưng bảo (hay thông bảo) của Đinh Tiên Hoàng (970-988) thì rõ rệt với chữ *Đinh* mặt sau. Nhắc lại, D. L. cho rằng Tương Dực đế (1509-1516) đúc Thái bình để trả lương lính chống Uy mục (đâu có phải như chuyện in bạc giấy bây giờ), nhưng tả đồng số 74 của ông có như tiền Hà Tiên, M. T. (XLVI) thường theo D. L. lại cho Thái bình ở giai đoạn này là của một "An nam bạn phỉ" năm 1507. Ông Đỗ Văn Ninh đặt vào thời Mạc với dấu chấm hỏi (*Niên biểu Việt Nam,* 135).

Phải nên chú ý rằng tên tiền Thái bình của Nguyễn không bao hàm ý nghĩa tiền niên hiệu. Nguyễn chưa có niên hiệu đã đành mà cũng không dùng niên hiệu của ai hết. *Thái bình ở đây chỉ là một "gia ngữ",* một chữ có ý nghĩa cầu chúc tốt đẹp.

Tên tiền Thái bình như đã nói là của Lê Quí Đôn ghi nhận: "Họ Nguyễn lúc đầu (quốc sơ) mỗi chúa lên ngôi... đúc tiền nhỏ (tiểu gián tiền) lấy tên Thái bình". Sử quan Nguyễn thì nhắc đến lần đầu, vào lúc Nguyễn Phúc Trú kế nghiệp (1725): "Quốc sơ thường đúc tiền nhỏ in chữ Thái bình" mà các nhà cổ tiền học (ví dụ tác giả *Đông Á tiền chí* do ĐPB trích dẫn, và ngày nay là Đỗ Văn Ninh -- tuy có làm dấu chấm hỏi sau con số 1558) đều cho rằng tiền đúc vào năm Nguyễn Hoàng đi trấn thủ Thuận Hóa. Họ không chú ý rằng lúc đó Nguyễn Hoàng là một ông quan của triều Lê còn chưa trung hưng và phía nam Thuận Hóa còn một ông trấn thủ khác mà các giáo sĩ Tây phương cho rằng ông phải giết đi mới tranh được quyền.

Chữ "quốc sơ" rất nhiều lần lập lại trong *Đại Nam thực lục tiền biên* thường là để dẫn một sự kiện xẩy ra thuộc đời chúa trước -- hay trước nữa... nghĩa là để nói về một giai đoạn khá mù mờ. Nhưng theo dõi *Thực lục* này, ta thấy trong sự phân chia giai đoạn của các chúa trị vì, các sử quan sau này nhấn mạnh đến thời Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) và thời Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) -- Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765). Nguyễn Phúc Chu xưng Quốc chúa có ý muốn làm vua và Nguyễn Phúc Khoát thì xưng vương. Trong việc tôn xưng các ông tổ, bỏ ra ngoài thời điểm Gia Long, sử quan luôn luôn nhắc đến các tuyên xưng của Nguyễn Phúc Khoát, Nguyễn Phúc Lan là người đầu tiên phong vương cho cha mình (Nguyễn Phúc Nguyên). Ở việc phong vương cho Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng, các chữ "quốc sơ" được

nhắc trong tài liệu rõ ràng ám chỉ thời đại Nguyễn Phúc Lan, việc làm của ông này tạo truyền thống cho các thế hệ sau là: trước khi kế nghiệp, "thế tử cùng quần thần tôn..."xưng vương hiệu cho ông chúa vừa mới mất (45).

Vậy thì ý thức phân ly dứt khoát dễ dẫn tới việc đúc tiền riêng chỉ có thể bắt đầu với Nguyễn Phúc Lan lúc kế nghiệp (1635). Tuy nhiên, ta lại không thấy có bằng cớ nào về việc đúc tiền Thái bình ở thời điểm này cả mà số tiền ùn ùn đưa vào mua bán như đã nói hẳn là đã giải tỏa được phần lớn nhu cầu này trong lãnh địa của ông chúa có tính tình mềm yếu, bạc nhược, không sẵn sàng cho một cải cách.

Tài liệu thương nhân đã nhắc thuộc vào thập kỷ 90 của thế kỷ XVII, giúp ta đoán rằng tiền Thái bình đúc đầu tiên thuộc vào đời 2 ông chúa Nguyễn Phúc Trăn 1687-1691 và Nguyễn Phúc Chu 1691-1725. Nhưng số loại các mẫu còn lại thì nhiều nên gán càng cho Nguyễn Phúc Chu càng không hợp với ý ngay cả của người đương thời: "mỗi chúa lên ngôi đúc..". Vả lại, tuy Nguyễn Phúc Trăn cầm quyền không bao lâu, nhưng kế nghiệp vào lúc đã lớn tuổi, thể chế dòng dõi xây dựng đã bền vững nên thời gian ngắn không là yếu tố gàn trở cải cách huống hồ là có những sự kiện qui tụ dồn dập, thôi thúc đến đời ông khiến ta có thể gán việc đúc tiền đầu tiên là thuộc đời ông chúa này.

Đàng Ngoài có dấu hiệu khan tiền trong các thập kỷ 60, 70 của thế kỷ XVII -- nên mới có việc đúc lậu mạnh mẽ và các sắc chỉ ngăn chặn. Thời điểm tiền Trường Kỳ chấm dứt khoản 1685 vì mất thị trường Đài Loan 1683 trong khi nhu cầu của Đàng Ngoài và Đàng Trong không đủ cho việc bán tiền có lời với tổn phí đúc và chuyên chở đến nơi xa xôi, nên thời điểm đến 1685 đó có lẽ đã tạo một sự khan hiếm bất chợt ở Đàng Trong khiến cho quần thần phải nghĩ tới việc đúc tiền.

Việc đúc tiền lúc này cũng gặp dịp thuận tiện. Đàng Trong mở cục đúc từ 1631, nhưng chiến tranh liên miên khiến họ chỉ phải lo việc đúc súng, rèn gươm giáo trước hết. "Nam Bắc nghi binh" từ 1673 đã giải tỏa nhiệm vụ ấy một phần để thợ chuyên môn có thể chuyển hướng sang việc khác. Dưới thời Nguyễn Phúc Tần, năm 1685 "trong nước không việc, được mùa... bách tính vui hòa". Sử ghi "có người gọi là thời thái bình", chữ thái bình lần đầu tiên nêu ra lúc Nguyễn Phúc Lan kế nghiệp (1635) có tính cách lỡ làng vì sau đó là loạn tranh quyền (46), còn lúc này hẳn là đủ điều kiện để gợi ý cho tiền Thái bình ra đời.

Vậy có thể đoán chừng rằng đồng Thái bình của Đàng Trong đúc sớm nhất là vào năm 1687.

Nhưng mỗi chúa lên ngôi đều đúc tiền Thái bình, vậy loại nào là của ông chúa nào? Thật khó biết. Chúng ta hãy điểm lại các sưu tập tiền Thái bình không khảo cứu được (Hình 13)

A. S. đưa ra 7 mẫu: nhưng chỉ gồm có 2 loại: thông bảo nhỏ (không kể tiền Hà Tiên) và loại thánh bảo. ĐPB đưa ra các loại chi bảo, pháp bảo có trích dẫn ghi chú sơ sài của *Tiền Lược* sách của Ngô Mô (Vu Tồn), theo A. B. Coole, xuất bản năm 1822, tái bản 1879, chỉ đứng sau *Cổ Tuyền Hói* của Lý Tá Hiền. D. L. (số 177) có đồng Thái pháp bình bảo có thể đọc là Thái bình pháp bảo.

Về thông bảo, ĐPB đưa ra 8 hình, trong đó một loại tiền sắt, một loại là của Nhật với chữ "văn" của Khoan Văn, và một loại nữa sau lưng có dấu nhật nguyệt, có lẽ cũng là của Nhật. Có một loại mặt sau, bên phải lỗ vuông có chữ "thọ", bên trái một chữ ngoằn ngoèo không rõ . Một loại đặc biệt với chữ bình 平 có dáng *triện,* phức tạp hơn vì mặt sau có các dấu hiệu (hình 13 hàng thứ 2, 3). Dấu hiệu cuối cùng 宀 thấy ở một đồng Thái bình khác (cũng của ĐPB) và thấy ở lời chú của đồng Thái bình phong bảo. Dấu hiệu này các nhà cổ tiền học không giải thích, chúng tôi đề nghị coi đó là 3 nét đầu của chữ bình. Không thấy ở ĐPB đồng Thái bình thông bảo nhỏ của A. S. trong lúc chúng tôi cũng có đủ ,mẫu như A. S. Đồng Thái bình thánh bảo phần lớn viết với chữ thánh 聖, nhưng chúng tôi có mẫu với chữ thánh 聖 hoàn chỉnh. Tiền lớn hình như có pha sắt nhiều nên có rỉ sét, trong lúc tiền nhỏ chỉ có dấu teng đồng.

Chúng ta ngờ rằng đồng Thái bình có chữ bình hơi ngã thể triện, có nhiều mẫu nói trên là của người đúc đầu tiên Nguyễn Phúc Trăn. Có thể ghép vào đâu mẫu Thái bình vụng về, mặt sau có dấu 𠂤, nặng nhất mà chúng tôi thu nhặt được – vì tính thô vụng của lúc đúc lần đầu, ở một xứ không có đồng như Đàng Trong mà vẫn đúc nặng vì không nắm vững kỹ thuật. Cũng bởi là đúc lần đầu nên mới có ý thức *làm khác* bằng các dấu hiệu chưa ai có. Đúc nhiều làm giá tiền thương mại sụt xuống như tài liệu đã nói, và bây giờ thành còn lại nhiều. Đồng phong bảo nhỏ, các vành méo mó trước sau, chắc cũng là đồng thời.

Mẫu Thái bình có dấu hiệu đặc biệt trên 宀 , nhưng viết theo lối chân có dáng là mẫu tiếp theo, mang tính cách kế tiếp, có thể là của Nguyễn Phúc Chu lúc kế nghiệp (1961), chưa xưng Quốc chúa (1695), chưa có sự đổi thay lớn.

Đồng Thái bình thánh bảo không thể đúc ở Hà Tiên được vì họ Mạc chỉ là phiên thần, không đủ uy thế để mang chữ "thánh" A.S. (493) cho đồng thánh bảo là của Nguyễn Phúc Khoát hợp với vị thế ông chúa đã xưng vương hiệu. Đó cũng chỉ là phỏng đoán, nhưng

muốn đúng ý nghĩa đó thì chỉ có thể gán cho ông đồng có chữ thánh hoàn chỉnh thôi.

Có thể vì ông đã đúc đồng Minh đức riêng biệt (xem sau) mà loại Thái bình thánh bảo này phải ít không biết chừng. Với đồng có chữ thánh nguệch ngoạc thì có thể là của Nguyễn Phúc Chu lúc ông xưng Quốc chúa, hoặc của Nguyễn Phúc Trú vì chúng có dáng như các tiền đúc đồng loạt năm 1725.

Đồng thông bảo nhỏ nhất, có thứ nhỏ hơn cả tiền Hà Tiên, chắc là của Nguyễn Phúc Thuần vì chúng xuất hiện trong cuộc khủng hoảng tiền kẽm, xuất hiện được chỉ vì yêu cầu nghi thức, truyền thống thôi. Lê Quí Đôn khi gộp chung nói về tiền đúc "lúc mỗi chúa lên ngôi" lại chỉ rõ "lấy 3 đồng ăn một" chứng tỏ cỡ nhỏ của nó và của loại thánh bảo.

Các tiền thông bảo lớn khác đều có thể gán cho Đàng Ngoài, chắc có phần đúng là xuất hiện trong thời điểm gần gũi và trước năm 1745. Mẫu rất giống với Thái Bình Tống (như ví dụ đồng Thiệu thánh chữ "chính" đã nói), trong khi đồng Thái bình nặng của Đàng Trong bắt chước thật vụng về.

Ta cũng có thể ghép đồng Thái bình có chữ "thọ" vào tiền Đàng Ngoài. Đây chắc là đồng Ông Nghi Tuyền ám chỉ là loại "cát ngữ (ĐPB, IV, 148 a). Chữ nét, bên trái lỗ vuông nguệch ngoạc mà người ta không đọc ra có thể là chữ thọ thảo (ĐPB, hình, quyển III, 358b) mà cũng có thể là chữ "bảo" Mãn (châu) thường thấy trên tiền Thanh. Những dấu hiệu bắt chước tiền Trung Quốc ở mặt trái không phải chỉ là sao, trăng, vạch... mà cũng có thể thật bất ngờ. Một đồng Cảnh hưng thông bảo, cự bảo mặt sau có chữ "ngũ" triện và nét vẽ hoa, người Trung Quốc đọc là "ngũ hoa", nhưng xem kỹ thì nghi rằng đó là chữ "chu" (Hán) thiếu nét vạch ngang giữa; người thợ đã bắt chước mẫu ngũ thù Trầm lang hoặc ngũ thù đối văn của thời Nam Bắc Triều. Một đồng "... cự bảo" có dấu như là "tô bảo" (Mãn), bắt chước tiền ở Giang Tô bảo Tô cục, đến nỗi cổ tiền gia Trung Quốc phải nói là "hơi giống như tiền Khang Hi" (47). Có lẽ về sau này, hay ở một diện tiếp xúc sát sao hơn mà các chữ Mãn được bắt chước đúng hơn: mặt sau một đồng Tường nguyên thông bảo có chữ "tuyền bảo" (Mãn), mặt sau của một đồng Minh Mệnh có "nguyên bảo" (Mãn) -- các chữ chỉ tiền của bộ Hộ, bộ Công đúc -- (sưu tập cá nhân).

Nhân chuyện tiền Thái bình "gia ngữ" cũng nên nói đến một đồng gia ngữ khác: đồng Minh đức thông bảo mặt sau có chữ thảo "vạn tuế" (Hình 14). Nhiều người lẫn lộn nó với tiền niên hiệu Minh Đức (1527-1529) của Mạc Đăng Dung và lầm lẫn ấy còn rơi rớt đến tận ngày nay (48). Minh Đức thông bảo của Mạc Đăng Dung, chỉ nhìn

trên nét chữ cũng thấy đã giống với đồng Đại Chính (1530-1560) của con ông và đồng Quảng Hòa (1541-1546) của cháu ông, cùng một loạt trước đó từ Hồng Đức (1460-1469) về sau.

Ngay từ cuối thế kỷ XVIII, đầu XIX, các nhà cổ tiền học Trung Quốc đã biết đến một mẫu khác rõ rệt hơn để so sánh: đồng Thái Đức thông bảo của Trung ương Hoàng Đế Nguyễn Nhạc (1778-1792) mặt sau cũng có chữ vạn tuế thảo. Ông Nghi Tuyền (1790-1820) dẫn một tác giả là Hĩ Hải (?) liên hệ với Thái Đức mà bảo là tiền An nam, còn sách *Tạp lục* (49) thì nói rõ hơn "Minh Đức vạn tuế là của Quảng nam đúc nên giống Thái Đức" (ĐPB, IV, 25 a).

Chúng tôi thấy được tiền Minh đức và Thái đức vạn tuế từ trong đất trên vùng quê Tây Sơn, phía tây thành Hoàng đế. Điều này có vẻ như ủng hộ ý kiến của các cổ tiền gia Trung Quốc, Nhật. Nhưng xét kỹ thấy có điều thắc mắc. Tất nhiên đối với nhà sưu tập tiền với mục đích tìm quý phẩm thì hai thứ vạn tuế này xấu hơn cả thứ "an nam chính phẩm" nữa. Còn đối với chúng ta, thì giữa hai đồng vẫn có sự khác biệt: chữ vạn tuế của Minh đức tuy có khiến cho ngay đến người Trung Quốc không nhận ra, nhưng vẫn là một chữ thảo *có tính chất bút pháp*, còn vạn tuế của Thái đức thì như một *nét đờ lại* vụng về. Tại sao thế ?

Nơi thành Hoàng đế (Chà Bàn cũ) hiện nay có thôn Phương Danh (xã Đập Đá – Thạch Yến của *Thực lục)* chuyên về nghề rèn. Có thể đây là nơi đúc vũ khí, đúc tiền cho Nguyễn Nhạc. Quyền uy của một ông Hoàng đế -- dù là một ông Hoàng đế mệt mỏi không muốn ra khỏi địa phương, nhưng vẫn khiến ông đủ sức sử dụng các tay thợ có tay nghề cao nhất trong vùng để làm việc cho mình. Danh hiệu Thái Đức là một niên hiệu, Minh đức là một gia ngữ, tiền Thái đức này (chỉ có một loại) phải đẹp hơn tiền Minh đức, không thể có trường hợp trái lại nếu 2 thứ là của một chủ nhân. Vậy đã có sự chênh lệch không chấp nhận được đó thì chúng phải của 2 người, đúc bởi những tay thợ địa phương khác nhau, thợ đúc tiền Minh đức có tay nghề giỏi hơn. Có lẽ đồng Minh đức phải là của xứ Thuận Hóa nơi đã có quá khứ đúc tiền, ít ra là gần 100 năm. Tiền đúc có chữ mặt sau cũng là điều mới lạ của Đàng Trong, Minh đức vạn tuế xuất hiện vì có cơ hội gợi ý: Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, chủ nhân của đồng tiền này, cần đến một lời ước mong, một lời tung hô như thế cho xứng với lúc xưng vương hiệu -- lần đầu của Nguyễn Phúc Khoát mà cũng là lần đầu của cả dòng họ.

c. Tiền đúc lại từ mẫu của các triều đại.

Xét về mặt tầm cỡ, tiền đúc lại ở Đàng trong có 2 loại: loại lớn tương đương với các tiểu bình tiền và loại nhỏ, thứ Lê Quí Đôn gọi là

tiểu gián tiền. Gọi là tiền đúc lại, tức là dựa trên các mẫu có sẵn lưu hành đương thời, cho nên như ta đã biết, tiền đúc lại phần nhiều có danh hiệu Đường, Tống -- Tống nhiều nhất. Cũng có thể gọi là tiền đúc lại mà không sai chạy mấy, những loại tiền có danh hiệu được coi là "mơ hồ", "sáng tạo" vì như ta bàn trước kia, các danh hiệu đưa ra tuy kì lạ, nhưng cũng là từ cách đọc và hiểu cách khác trên các loại tiền có sẵn mà thôi. Tiền lưu hành có thể là những mẫu Đường, Tống nguyên gốc, những mẫu đã đúc lại từ Nhật, tiền đúc ở Bắc Đại Việt (tiền niên hiệu và tiền cũng đúc lại với các lệch lạc cùng một khuôn khổ tâm lý xã hội), cho nên có thật nhiều hình dạng về danh hiệu và nét chữ, để cho tiền đúc lại Đàng Trong bắt chước và phát triển thêm.

Chắc chắn là không phải người ta đúc lại một vài lần trong suốt gần 100 năm đúc tiền mà có thể tùy nhu cầu, không theo qui lệ, chưa kể tư nhân được phép nhà nước đúc hay đúc trộm đem thêm lộn xộn trong vấn đề phải giải quyết. Tuy nhiên, có thể thấy rõ 2 thời điểm đúc tiền ta đã nói sơ qua. Thời điểm 1725 rõ rệt có ghi trong sử sách, tiền hiếm phải đúc vì dân chúng lấy tiền cũ làm đồ đồng. Ta cũng thấy chuyện năm trước đó (1724), Quốc chúa nghe lời Nguyễn Đăng Dệ cấm lưu hành tiền kẽm, gang, chì làm hao hụt lượng tiền lưu thông (50).

Thực ra, các sử liệu cũng không cho ta biết rõ việc *đúc lại* này, đừng nói chi đến việc tả sơ cho ta biết hình dạng, danh hiệu tiền. Lê Quí Đôn cho ta biết tiền cổ sử dụng đó là hiệu Khang Hi và tiếp theo đó là chuyện Nguyễn Trúc Phú đúc tiền đồng, như vậy có suy đoán thì cũng chỉ nói đến việc đúc tiền Khang Hi mà thôi. Thực ra, không phải như vậy. Chắc Lê Quí Đôn nhắc đến một danh hiệu tiền vừa đủ xưa (niên hiệu Càng Long là của đương thời) đi ra ngoài hợp với lúc Trung Quốc mở cửa lại (1685), để nói chuyện quá khứ mà thôi. Theo các sưu tập và những quan sát trực tiếp thì tiền đúc lại gần như tuyệt đối là của các niên hiệu Bắc Tống.

Trong số tiền Khai nguyên (loại tiền Đường nhiều nhất) nằm tương đối không hiếm ở các lô tiền khai quật, chúng tôi chỉ thấy một đồng đúc lại rõ ràng vì thấy thiếu dấu hiệu lối lệ thư ở chữ "nguyên" như tiền gốc, và vì mỏng, dẹp, tuy vẫn cùng cỡ lớn như tiền gốc. Nhưng không dám chắc đó là tiền đúc lại của Đàng Trong (Hình 4, áp chót).

Tiền trước Bắc Tống có Hán nguyên (của Hậu Hán Cao tổ 947-948) và Chu nguyên (của Hậu Chu Thế Tông 954-959). Những thứ đúc lại của Hán nguyên đều thuộc loại nhỏ, ngoài thứ thông bảo còn có thứ thánh bảo ít hơn. Tiền còn lại ít, có lẽ vì đúc không nhiều.

Lê Quí Đôn có nhắc chuyện dân Bắc Bố Chính dùng đồng Khang

Hi lớn làm đơn vị cho chiều dài, còn cùng một công dụng thì "các xứ khác" dùng tiền Chu nguyên -- không nói rõ là xứ nào, tuy có vẻ Lê Quí Đôn nói chuyện Đàng Trong (51).

Chu nguyên là một đồng tiền được ưa chuộng không phải vì giá trị kim loại mà vì giá trị "siêu ngạch" của tín ngưỡng thêm vào: tiền Chu nguyên đúc từ tượng Phật (vào dịp một trong 3 đại nạn Tam Tông của Phật giáo) nên thường được coi là có giá trị siêu nhiên:

Ngàn vàng dễ kiếm, Chu nguyên khó tìm.

Đến nỗi, người ta đúc Chu nguyên lớn để làm bùa đeo cho trẻ con. Chúng tôi đã tìm được ở Phú Yên một đồng như thế có đường kính 32mm, phía sau có vành trăng ngửa, không biết đúc vào lúc nào (Hình 15). Trong nhóm tiền lưu lạc từ kho tàng của vua Chàm (52) mà chúng tôi thấy thoáng được một ít, trong đó có Chu nguyên bằng đồng đỏ (như loại Cảnh Đức nói sau), gần cỡ tiền gốc, chữ cân đối, khác hẳn Chu nguyên lệch lạc "an nam chú" của ĐPB (II, 256a).

Đồng thời với tiền Bắc Tống, ở Miền Nam, thỉnh thoảng ta cũng gặp đồng Chính Long nguyên bảo của Kim Phế đế (1156-1160) và Đại Định thông bảo của Kim Thế tông (1161-1190). Có lẽ vì thế mà ta có mẫu Đại Định và Chính Long đúc lại. Dáng tiền Đại Định đúc lại chứng tỏ nó không phải của Dương Nhật Lễ (1369-1370). Vô khảo tiền có thêm đồng Nhất định thông bảo, ta thấy rõ ràng đó là đồng Đại định viết thiếu 2 nét của chữ đại. Điều này cũng thêm bằng cớ chứng tỏ loại Đại định đang nói không phải là của một vị nhân chủ -- dù là gốc kép hát: tiền đúc lại, *nhất* hay *đại* miễn đủ nghĩa là xong, sơ sót hay cố ý không là vấn đề quan trọng (53) (Hình 16)

Về tiền đúc lại mẫu Nam Tống, chúng tôi chỉ thấy ở tiền kẽm mà thôi, nhưng ĐPB có ghi mẫu Thuần hi đồng. Tiền đúc lại từ mẫu Bắc Tống có 2 cỡ lớn và nhỏ, ngờ rằng có liên quan đến 2 thời điểm 1687-1725. Căn cứ của suy đoán là: tiền mới đúc lại lần đầu tất phải đồng cỡ dù rằng vì hà tiện mà phải đúc mỏng đi, tiền năm 1725 trải qua kinh nghiệm bị dân lấy đúc đồ đồng phải làm nhỏ lại (luận cứ này cũng phù hợp với lý lẽ gán cho Nguyễn Phúc Trú đồng thái bình thánh bảo nhỏ). Một điểm đáng lưu ý khác: tiền cỡ lớn tuy xấu xí, nhưng rất đúng với niên hiệu, không có suy đoán lệch lạc, chữ rất đúng như vị trí ở tiền gốc. Không những người ta giữ danh hiệu, vị trí như tiền gốc mà còn bắt chước kiểu chữ rất sít sao, tuy không đẹp bằng -- nếu không nói là quá xấu , chữ cạn, nét nhỏ -- kể cả tiền Nhật cũng được bắt chước rất sát (Hình 16, 20). Loại nhỏ hẳn vì đúc sau mà có loại chữ đẹp, kỹ thuật vững vàng. Và cũng ở tiền nhỏ, ta gặp những tên do suy đoán lệch lạc mà có. (Tất nhiên điều này không có nghĩa là các loại năm 1725 không có thứ giống như mẫu gốc và không đẹp).

Loại tiền thường thấy, theo kinh nghiệm riêng cũng như xét trên các sưu tập là: Tường Phù, Hoàng Tống, Trị Bình, Nguyên Phong, Nguyên Hựu, Thánh Tống. Đặc biệt không thấy niên hiệu Hi Ninh thuộc loại phát hành nhiều và trong các lô tiền tìm ra, Hi Ninh vẫn chiếm số lượng lớn. Có thể giải thích là chữ Hi ninh nhiều nét rắc rối (chưa kể viết theo lối triện) nên khó bắt chước trong khi người ta cần sự giản dị, như ở tiền Nhật chữ phong phần nhiều đã được đơn giản đi. Nhưng ở các loại tiền nhỏ thì người ta lại cố tình cầu kỳ viết thật nhiều chữ nguyên triện dù rằng tiền nguyên gốc không có loại ấy. Phải chăng người ta cố bù đắp sự yếu kém về chất, lượng đồng tiền bằng sự màu mè của thư pháp? nếu điểm tâm lý ấy nảy sinh thì cũng dễ hiểu về việc có các đồng có chữ phong cố gắng viết đủ nét trong một diện tích thật nhỏ bé dành cho nó.

ĐPB (II, 252a) có đưa ra một mẫu Trị Bình nguyên bảo với ghi chú "an nam chú", khác với đồng của Tống có chữ nguyên lối lệ. Tuy nhiên loại "an nam đúc"này có mặt hầu hết với số lượng không nhỏ trên các lô tiền chúng tôi quan sát được ở Miền Nam, không thấy lẫn một đồng Trị Bình nào lối lệ nói trên. Tiền đúc sắc sảo, chất đồng không khác với các tiền Tống khác, nên có thể các nhà cổ tiền học Trung Quốc đã lầm chăng ? (Hình 18).

Từ tiền gốc, các tiền đúc lại có danh xưng hơi lệch lạc một chút cũng có thể nhận ra: ngoài các đồng Thái bình là Hán nguyên thánh bảo, Trị bình thánh bảo. Riêng đồng Nguyên Phong và đồng Thiệu phong thì còn có điều phân vân về nguồn gốc.

d. *Tiền đúc lại xa cội nguồn hay lẫn lộn mơ hồ nguồn gốc.*

Ta nói ngay các mẫu có thể là bắt chước của các niên hiệu Đại Việt.

Trung Quốc có các niên hiệu Thái Hòa 太和 nhưng không có mẫu tiền theo lối nguyên, thông bảo. Việt có niên hiệu Thái Hòa trên sử sách (1443-1454) của Lê Nhân tông, nhưng tiền đúc ra có danh xưng là Đại Hòa (Hình 19). Thái hay Đại vẫn có tương đương (Đinh có niên hiệu Thái bình nhưng đúc tiền thường là Đại Bình hưng bảo và thỉnh thoảng cũng có loại chữ thái), có điều Lê Thái tông có tiền Đại Bảo đúng với niên hiệu (1440-1442), thế mà mới đúc xong vài năm không hiểu sao người ta lại không chú ý đến việc phân biệt rạch ròi 2 chữ? hay là người ta đã lựa chọn niên hiệu thực là Đại Hòa? (54) Hiện nay, ta có đồng Đại Hòa nguệch ngoạc như tiền Thánh nguyên và một đồng Thái hòa chững chạc hơn, nhưng nhỏ hơn các loại nhỏ: một mẫu theo tiền thực và một mẫu có ảnh hưởng của sử sách chăng ?

Bắt chước ngay đồng Nguyên Phong của Trần Thái tông (niên hiệu từ 1251-1258) là một kiểu Nguyên Phong (Hình 20/j) thay chữ

nguyên triện của tiền thật bằng nguyên thảo, nhưng lại theo rất giống chữ phong rắc rối, nhất là chữ thông có bộ quai xước ôm vòng ngược lên phía phải không lẫn vào đâu được với tiền nguyên gốc có tên Nguyên Phong đuôi hổ. Trong lúc đó, một đồng Nguyên phong khác (hình 20/d) có chữ nguyên theo họ tiền Đàng Trong đã nói, chữ phong bắt chước tiền Nhật từ Nguyên Phong Tống. Vậy loại Nguyên phong "đuôi hổ" nhỏ là loại bắt chước mẫu Trần rồi trôi dạt vào Nam hay lấy mẫu Trần còn lại tại chỗ mà đúc? (bởi vì chất đồng, dáng vật thật, nhìn bên ngoài không khác tiền Đàng Trong).

Cũng vì có đồng Nguyên Phong Trần đúc lại rõ rệt nên ta phân vân không hiểu 2 đồng Thiệu Phong bình bảo, Thiệu Phong nguyên bảo nhỏ (đọc vòng tất cả) có phải là thứ bắt chước đồng Thiệu Phong (1341-1357) cũng của Trần (Dụ tông) hay không (Hình 21). Xét với mẫu Thiệu Phong Trần, có thể đồng nguyên bảo nhỏ hơn là sao chép từ gốc này, đồng Thiệp Phong bình bảo là biến thể của nó. Nhưng tiền Thiệu Bình (1434-1439) của Lê Thái tông cũng có thể là căn cứ của đồng thứ hai (đọc chéo: Thiệu bình phong bảo) và Thiệu Thánh nguyên bảo Tống là căn cứ của cả hai vì hiện ta còn có các đồng Thiệu thánh bình bảo (vòng), Thiệu nguyên thông bảo (chéo), Thiệu nguyên phù bảo (chéo), Thiệu nguyên tống bảo (chéo) (Hình 21). Ta vấp vào vấn đề nhận diện gốc của các đồng tiền suy diễn danh xưng.

Xét các mẫu tiền không ghép vào niên hiệu nào khác rồi so sánh với các mẫu đã xét trên, ta sẽ có căn cứ để ghép chúng vào loại tiền đúc ở Đàng Trong: Thiên nguyên thông bảo (nhỏ), Thiên nguyên phù bảo, Tường nguyên thông bảo, Tường thánh thông bảo, Thánh nguyên thông bảo (nhỏ), Hi nguyên thông bảo (nhỏ), Chính nguyên pháp bảo...

Do việc xác định thời điểm xuất hiện của các loại tiền này, nên ta không thể lấy một đồng ở trên (Hình 22, cuối) đọc là Thiên Phù nguyên bảo để ghép vào niên hiệu (1120- 1127) của Lý Anh tông. Đồng Càn nguyên phù bảo là từ Càn nguyên trọng bảo của Đường chứ không phải của Lý Thái tông. Cũng như không thể theo Đỗ Văn Ninh (*Niên biểu Việt nam,* 133) mà ghép các đồng Trị bình vào niên hiệu của Lý Cao tông. Tất nhiên phải cần nói rõ: ta không bài bác việc các đời Lý này có đúc tiền riêng, nhưng các mẫu đã xuất hiện lâu nay không thể ghép vào tiền Lý được.

Đồng Tường nguyên vì bộ thị bên trái quá nguệch ngoạc nên có lẽ vì thế mà M. T. (LXI) đọc là Dương nguyên (bộ thủy). Không nên lấy làm lạ ở điều này nếu ta thấy đồng Thánh nguyên (Hình 25) có đến 2 quệt cho nét thứ 3 của chữ nguyên, còn chữ thánh như cái giá dính 2 cuộn chỉ rối! Đồng Thánh nguyên nhỏ chắc dựa vào 2 gốc: một đồng

Thánh nguyên lớn, đĩnh đạc (có người coi là của Hồ Quí Ly) nhưng rất hiếm, và tiền suy diễn từ Thánh tống nguyên bảo của Tống. Như đã nói, chúng tôi không biết mẫu thật của đồng Thánh nguyên "có rất nhiều" trong 70 kg tiền Tống thấy được năm 1980 ở núi Thành, nhưng với số lượng tương đối lớn như thế thì có thể tin là thuộc loại nhỏ. Thành cổ này với tên Thành Ông Ninh liên quan đến tên Ninh quận công Trịnh Toàn của cuộc chiến Nam Bắc 1655-1657, chắc chỉ bị phá hủy lần đầu trong cuộc chiến Trịnh Lê - Tây Sơn vào 1/4 cuối thế kỷ sau: tiền Thánh nguyên nhỏ của Đàng Trong (Hình 23) vẫn có thời gian hợp lý để tụ tập ở đây.

Đồng Hi nguyên nhỏ ở đây, tuy hiếm, nhưng cũng có mẫu khác mẫu trùng tên ở Miền Bắc thuộc loại lớn. D. L. ghép chung tên vào tiền của một tay "nổi loạn" năm 1381 mà không cho biết căn cứ vào đâu. Theo *Toàn thư* năm này không có ai nổi dậy, chỉ có Nguyễn Bổ năm 1379 mà ta cũng không thể liên kết Nguyễn Bổ với Hi nguyên được. Nhưng cũng có thể 2 đồng Hi nguyên xuất hiện độc lập với nhau trong không gian, tuy cùng bị dắt dẫn bởi một lầm lạc, vì trong sưu tập bấy giờ có các đồng Hi nguyên pháp bảo, thiệu bảo, tống bảo, rõ ràng từ tiền Hi Ninh nguyên bảo mà ra (Hình 24).

Ta ngờ rằng các người đúc tiền đưa ra danh hiệu suy diễn từ tiền gốc cũng có ý thức tự chế vì điều kiện thực tế: tiền đúc để tiêu mà tên mới lạ quá cũng có trở ngại. Có lẽ vì thế mà tiền Tường nguyên thánh bảo, Tường thông thánh bảo, Hán nguyên thánh bảo, Hi nguyên thánh bảo -- cả Thái thánh thông bảo, cũng đều có ít. Chỉ đến khi chuyển qua chất liệu khác, được giải toả những danh hiệu quen thuộc kèm theo, tiền kẽm mới có những tên hoàn toàn khác lạ, tha hồ cho các chủ nhân phóng bút...

Tạ Chí Đại Trường

(Xem tiếp số sau: Phần cuối và các phụ đính hình ảnh cổ tiền.

Nguyễn Thị Thanh Bình

Người khách lạ.

Nàng gặp người đàn ông một vài lần ở chỗ này, nhưng mọi khi ông ta vẫn lặng lẽ đứng xếp hàng ở một dãy khác. Nàng bất chợt thấy người đàn ông khi thoáng nghe ông ta hình như đang chỉ trỏ mấy món ăn và nói với người phụ trách "this, that". Vốn liếng Anh ngữ chắc cũng nghèo nàn như nàng những ngày mới đến vùng đất lạ. Nàng cố ngụy biện giùm ông ta hẳn vì ông ta cũng mang thứ màu da giống nàng. Ông ta không phải là người ăn nói cộc lốc, nàng nghĩ thế!

Người đàn ông bây giờ lại hiện ra trước mặt nàng sáng sủa và quần áo có vẻ tươm tất hơn mọi ngày. Ông ta nhìn chằm chặp vào tấm bảng huy hiệu trên ngực áo nàng và hai mắt vụt sáng lên thích thú. Chữ "volunteer" choáng ngợp thật lớn ở hàng trên cùng và tên nàng "Thu Nguyên" nằm bé bỏng hàng dưới. Nàng chưa kịp ra khỏi vùng trí tưởng thắc mắc thì ông ta lại nhìn nàng cười cười rất ngộ nghĩnh. Ô, cái cười! Nàng nhận ra rồi, cái cười xin nhận nhau là người đồng hương.

Người đàn ông nói nhanh khi nàng múc vào dĩa ông ta một vá khoai tây nhuyễn:

— Đi đâu cũng gặp họ Nguyễn cả. Tôi cũng vậy, họ Nguyễn. Nàng ngước lên, hơi ngẩn người vì mắc cở như có người vừa đi guốc trong bụng nàng, trả lời ngu ngơ:

— Vậy... vậy ông cũng là người Việt luôn.

— Dĩ nhiên rồi, đã bảo họ Nguyễn mà. Bộ tưởng tôi người Hoa? Người đàn ông nói như gắt.

Nàng nhướng mày, một nét nào đó ngổ ngáo của người đàn ông chợt làm nàng khó chịu. Nàng trả đũa khi ông ta vừa bước đi:

— Xin lỗi... có phải ông vừa nói thêm câu gì nữa không ạ?

— Ồ không, tôi có nói gì nữa đâu. Tôi đói bụng rồi, phải tìm một chỗ ngồi ăn mau chứ.

— Vậy sao? Vậy mà tôi tưởng ông nói: "thank you"

— Thank you? Tôi chưa quen nói "thank you" như vẹt, cô ạ!. À, mà cho tôi xin lỗi... Hình như tôi quên khuấy cám ơn cô đã múc đồ ăn vào dĩa tôi. Rất lịch sự. Còn nữa chứ, cám ơn đã dạy tôi bài học lịch sự.

— Tại sao ông lại nói vậy? Nàng bỗng hối hận.

— Cô muốn tôi phải dùng chữ "thank you" mới được à? "Thank you" người Mỹ cho tôi bữa ăn "free" này à? Tôi cám ơn cô nãy giờ đủ điều mà chưa đủ sao?

Nàng lắc đầu, người đàn ông có vẻ ngồ ngộ, dễ thương nhưng hình như cũng rất gàn bướng. Nàng nghĩ mọi sự, mọi điều xảy ra chắc phải có lý do. Nhưng điều gì làm ông ta đâm bất mãn, hằn học với cuộc sống như một cái xác không hồn đang vất vưởng trôi lềnh bềnh đến đâu hay đó trong dòng đời, dĩ nhiên làm sao nàng biết được. Có điều nàng biết ông ta đang mặc kệ đời sống. Mặc kệ tha nhân. Và ông ta cũng đang mặc kệ với chính mình, với ngày qua ngày đến đây ngửa tay xin ăn, chiều tối cần một chỗ vùi đầu nằm xuống ngủ đã có những quán trọ dành riêng cho những người "homeless" vô gia đình, vô gia cư như ông ta. Một nơi mỗi người vỏn vẹn chỉ có mỗi chiếc giường được kê san sát, chung chạ giữa đám người nghiện ngập chán đời. Những "shelters" lâu lâu nàng có đi chung với mấy người bạn "social workers" về qua quan sát. Bạn bè nàng vẫn gọi những người thuộc thành phần này là những người đứng bên lề xã hội. Một cách nào đó họ cảm thấy mình bị lạc lõng, không thể hòa đồng vào những nhịp điệu của xã hội. Đa số họ là những cung đàn sai lỡ, những kẻ dở dở ương ương không thể hay không hề muốn tìm cho mình một hướng đi chuyển nhịp. Những chương trình giúp đỡ của bộ xã hội đều chào thua vì họ là những kẻ bất cần không bao giờ có một nơi cư trú nhất định. Người đàn ông trước mặt nàng cũng thế sao? Ông ta vẫn còn đủ trẻ để làm lại cuộc đời, để bắt đầu lại từ bất cứ đổ vỡ tang thương nào. Khuôn mặt với vầng trán phẳng cao thông minh. Nàng tự hỏi lý do nào đã làm người đàn ông phải biến đời mình thành thứ cỏ rác, cặn bã xã hội (? !) Nàng ngẩng mặt ngó mông. Lòng thương tâm vô cớ dấy lên trong lòng. Mọi người đã lấy xong đồ ăn và đang ngồi vào bàn

ngấu nghiến ăn như những người bị bỏ đói lâu ngày. Chỉ riêng người đàn ông vẫn thản nhiên hờ hững với đĩa đồ ăn vẫn còn như đầy ắp. Lâu lâu một vài người cầm đĩa mình vừa ăn hết trống trơn đến bên nàng múc thêm. Nàng mỉm cười với tất cả mọi người ở đây, từ gã đàn ông với tóc tai bờm xờm cho đến những gã râu ria mọc đầy lâu ngày không tắm gội chải chuốt. Nàng thương hại những người đàn bà với vóc dáng nặng nề, mệt mỏi bên lũ con lem luốc nhẫn nhục đứng xếp hàng chờ lãnh những bữa ăn bố thí.

Nàng vẫn thích thú những công việc xã hội như thế này. Mọi điều chứng kiến thường làm nàng cảm thấy mình còn là kẻ may mắn. Cùng lắm nàng chỉ là người đói khát hành khất hụt hơi kiếm tìm từng chút ảo vọng.

Người đàn ông họ Nguyễn lại gần phía nàng, dáng điệu tinh quái và rất đỗi tự nhiên đến kiêu kỳ:

— Thức ăn đã dở, ngồi nhìn cô loay hoay ở đây tôi lại càng không ăn được. Hay là cô múc một đĩa mời cô lại góc kia ngồi ăn chung với tôi cho vui, nhé!

Nàng sững sờ một lúc với câu đề nghị "kỳ cục" của người đàn ông.:

— Tôi ? Tôi tới ngồi ăn chung với ông bộ không sợ người ta cười tôi sao chứ?

— Cô mắc cở và cao ngạo đến thế sao? Phải rồi, ngồi chung bàn với cái thứ đồ bỏ như tôi cô mắc cở cũng phải. Nói thật thứ người cao ngạo như cô đừng nên vào đây nhận lãnh thứ công việc tự nguyện làm gì. Còn nữa, nếu không có cái họ Nguyễn của cô nằm sờ sờ trên ngực áo chắc cô cũng đếch thèm nhận mình là Việt Nam với nhau.

Nàng cắt ngang cau có :

— Này ông, nãy giờ ông buộc tôi không biết bao nhiêu tội rồi đó nghe. Tôi đến đây có phận sự mình và như ông thấy đó, công việc tôi đang làm đã xong xuôi đâu.

Nàng ngừng nói, múc "soup" vào tô cho một người đàn ông da đen nhăn nheo bệnh hoạn. Nàng tiếp:

— Tội nghiệp ông già Mỹ đen này quá. Ở tuổi ông ta bạc bẽo lắm, đáng lẽ cũng nên tìm viện dưỡng lão mà ở. Nói vậy chắc không còn ai lo nên mới phải vào đây.

Người đàn ông ném vào nàng cái nhìn bực tức vô lý:

— Bộ cô nghĩ những người này là kẻ không nhà thật sao, tội nghiệp và đáng thương nhất chắc? Tôi..., chỉ có tôi mới đúng là kẻ không nhà thực sự. Nhà của tôi không phải ở đây. Ở một nơi tôi đã phải rời bỏ. Ở một nơi đã ôm giữ cả phần đời lớn nhất của tôi. Cô nghĩ có phải nơi đó mới thực sự là nhà không?

— Ông... ông sao vậy ? Bộ tôi làm ông bực tức lắm hả?

Người đàn ông chợt dịu giọng :

— À không, có thể tôi vô lý. Cô... cô không nhờ được người bạn bên dãy kia coi giùm cô chút xíu sao. Tôi... tự nhiên tôi thèm được nói chuyện, tâm sự với cô, với bất cứ một người Việt Nam nào đó như cô. Tôi im lâu quá rồi chắc sắp vỡ lồng ngực mất, cô biết không? Sao cô không chịu bảo đại với mấy người đó cô đói bụng cần đi ăn trước, vả lại cứ để ai muốn ăn thêm tự động đến múc tiếp việc gì mấy cô phải đứng đây chầu chực, chờ đợi chứ.

— Người ta làm việc theo lệnh cả, ông ơi. Mọi việc ở đây càng ngày càng được tổ chức đàng hoàng và chu đáo, ông không thấy sao? Đâu thể ngang nhiên phá luật lệ mọi người. Thôi ông đi ăn đi chứ, không thì nguội mất.

Người đàn ông nheo mắt nhìn nàng nghịch ngợm:

— Nghe cô nói tôi cũng cảm thấy no rồi. Lúc nãy thấy cô cứ thỉnh thoảng nhìn về hướng tôi ngồi ăn hoài, chắc cô đang có nhiều câu hỏi áy náy giùm tôi. Tại sao tôi lại đến đây "khất thực" mỗi ngày phải không? Thôi thì nếu cô muốn nghe chuyện tôi thì tối nay cô đãi tôi một chầu bia ở môt quán cốc nào đó đi.

Nàng đỏ mặt:

— Ông lại đề nghị... kỳ cục nữa rồi. Tôi... tôi có lớp học trễ đến 8:30 mới xong lận.

— Cô chọn công việc này tự nguyện, vậy tôi đoán không sai, cô đang ôm ngành xã hội học phải không? Đi với tôi cứ coi như là một điều cứu vớt... một kẻ sắp chết đuối, cô không nghĩ cũng là một công tác xã hội sao? Cô nhận lời đi, tôi giúp cô làm một việc thiện không phải từ lâu cô hằng thích theo đuổi đó sao?

Ngẫm nghĩ một lát, nàng gật nhẹ :

— Thôi được, cứ coi như đề nghị của ông là một công tác xã hội. Có điều tôi nói trước sinh viên như tôi nghèo lắm, chỉ đủ sức bao ông một chầu nho nhỏ thôi.

— Đừng lo, tôi ăn ít lắm. Chỉ thích được uống, uống và say trong một chiếc ly có rượu thật sự đó nhé. Tôi không thích phải say với chiếc ly trống không, không có một giọt rượu nào cả. Say vờ vĩnh, say tưởng tượng chán chết. Cô cho tôi say thực sự đêm nay nghe cô. Tôi sẽ mang sẵn trong mình một chai rượu, tối nay mình đi khám phá tâm hồn của... "Godfather", cô chịu không?

Nàng gật đầu :

— Hôm nay thứ sáu mấy quán "pizza" mở cửa trễ. Lâu, tôi cũng chưa có dịp ăn lại món ăn khá ngon này của Ý. Vào quán có bia, ông uống bia được rồi sao lại phải mang rượu theo chứ?

— Uống bia cũng được nhưng tôi thích rượu hơn. Không có

rượu chắc tôi không lết được tới bây giờ.

— Ông nói gì ngược đời vậy? Uống rượu có hại sức khỏe thấy mồ, ông lại nói...

— Đành rằng vậy. Nhưng không có rượu có lẽ tôi đã chết lâu rồi. Uống rượu, hút thuốc giảm thọ một số năm có nhằm nhò gì. Sống thêm một ngày, chán thêm một ngày. À mà không, cô thì khác... Đời sống cô có vẻ êm đềm quá, chắc chắn sẽ cho cô những nhận thức khác về cuộc đời chứ. Không phải vậy sao?

Nàng chớp mắt, nửa đùa nửa thật :

— Làm sao ông biết được ngày của người khác êm đềm hay dậy sóng? Đời sống có khi êm đềm nhưng tâm hồn vẫn nổi gió nổi mưa, ai cấm được hồn mình "bay" chứ, phải không? Ý, tôi chỉ nói đùa vậy thôi.

— Vâng, tôi biết cô nói đùa rồi. Chỉ có tôi chẳng bao giờ muốn bay, vậy mà cơn bão dữ dằn của định mệnh vẫn cứ cuốn thốc tôi lên... Cứ cho tôi bay mịt mù. Thôi, tôi làm phiền cô nãy giờ đủ rồi. Tối nay tôi gặp cô ở quán "pizza" đầu đường này sau khi cô tan học, cô biết tiệm này chứ?

— Vâng, trường học tôi gần đây thôi nên cũng tiện.

Người đàn ông cười nhẹ, nhìn xoáy vào người nàng trước khi bỏ đi. Môi cười nửa miệng, đầy quyến rũ.

Hình như nàng thấy mình hơi chao chọng, mặc dù cho đến lúc này nàng vẫn không tài nào hiểu rõ điều gì ngoài nỗi tò mò thúc đẩy đã quyến dụ nàng nhận lời đi chơi với ông ta tối nay...

*
* *

Nàng bước vào quán, đảo nhanh mắt một vòng kiếm tìm. Cuối cùng nàng bắt gặp người đàn ông ngồi im lặng trong một góc tối. Hai mắt ông ta thật buồn và cay đỏ như những giọt rượu còn sót lại dưới đáy cốc. Người đàn ông thoáng thấy nàng vội đứng lên kéo nhẹ ghế, lên tiếng ngọt ngào:

— Tôi tưởng Thu không đến...

Nàng nhoẻn miệng cười cố che lấp sự trễ nãi của mình:

— Chắc ông chờ lâu lắm phải không? Xin lỗi ông, tôi... Thu quên là phải tạt qua thư viện trường mượn mấy cuốn sách cuối tuần còn phải làm bài thứ hai nộp.

Người đàn ông nốc thêm một ngụm rượu, đốt thêm điếu thuốc từ mẩu thuốc đang cháy dở. Mùi rượu trộn lẫn với khói thuốc làm nàng hơi chuếnh choáng theo vùng không gian ngập đầy hơi hướm đàn ông:

— Dĩ nhiên tôi chờ Thu lâu lắm rồi. Thời gian tâm lý lại lâu xa

hơn, nhưng cũng thú vị chán. Ít ra mình vẫn nhận biết cảm giác chờ đợi. Thu không biết chứ đã có lần tôi tưởng mọi cảm giác trong tôi đều tê liệt. Không ngờ tôi còn thấy mình biết chờ Thu, lại biết chờ Thu từ giây phút Thu bằng lòng hẹn tôi tới đây cơ.

Người đàn ông thả một vòng thuốc tròn nhỏ đi vào vòng tròn lớn:

— Quái đãn, cứ mỗi phút giây Thu chưa đến là mỗi phút giây tôi nhìn sự xê dịch kim đồng hồ với những dấu hỏi về Thu. Gặp Thu, tôi lại quên không nói được gì hết. Nói vậy chứ tôi cũng không biết có thật mình đang chờ một điều gì nữa không. Khi mà mọi sự hình như đã không có gì đáng chờ nữa cả. Tôi có hẹn với Thu nên cứ tưởng là tôi đang chờ Thu, đơn giản vậy sao?

— Chắc thế. Vậy thì thời gian tâm lý hay vật lý gì ông cũng thấy mình phải chờ lâu cả. Thu tưởng... ông chỉ bắt đầu chờ từ khoảng giờ khắc Thu hẹn ông thôi chứ. Sao ông rắc rối vậy không biết.

Người đàn ông cười thành tiếng :

— Chắc cô nghĩ tôi nên có cái nhìn về đời sống thật đơn giản. Ừ thì tôi cũng đã sống thật đơn giản, quá đơn giản thế này, cô không thấy sao? Như một kẻ mù lòa. Mà đã mù lòa thì còn thấy gì ở cuộc đời mà đòi hỏi cơ chứ. Nhưng Thu quên rằng trước khi tôi là kẻ mù lòa với cuộc đời, tôi đã từng có nhãn quan để nhìn, để cảm xúc. Cuộc đời tự nó cũng quá rắc rối, nhiều khuấy động và quay mình mòng mòng, Thu nghĩ xem, làm sao tôi không rắc rối theo chứ. Mà thôi, Thu thích ăn thứ "pizza" nào để tôi đi sắp hàng nhé. Chắc Thu đói bụng rồi phải không?

Nàng mở ví rút nhanh ít tiền đưa chàng:

— Ông gọi "combination" coi bộ ngon nhất, hoặc thứ gì cũng được, miễn là đừng gọi thứ "cheese" không, ăn ngán lắm. Ông cầm tiền hộ đi, phần Thu... tối nay mà! Nhớ mua cho Thu ly 7-up nha.

Chàng dí dỏm :

— À thì ra Thu khoái "thập cẩm". Chắc trái tim Thu cũng là một khối thập cẩm đủ màu sắc? Đùa thôi, mà Thu đưa bao nhiêu tiền sao đủ với tên khất thực hũ chìm như tôi chứ? Thật ra... có rách như cái mền tôi cũng không để Thu phải bao tôi đâu. Đàn ông Việt Nam có bao giờ mời người đẹp lại chơi kiểu Mỹ "go dutch" mạnh ai nấy trả hay để cô ta phải trả đâu. Nói vậy nếu tôi rách như cái mền thật... cũng sắp rồi, lúc đó chắc phải để Thu vì nghĩa vụ xã hội.

Nàng lắc đầu nhìn chàng ngơ ngợ. Chàng không giống mảy may nào với những tên Adam nàng đã gặp. Chàng cũng không phải là tên khất thực đúng nghĩa. Hình như định mệnh chỉ tìm cách đẩy đưa chàng đến đó một vài lần để phá phách nàng. Nàng thích gì ở chàng,

ngoài những nét rã rời buông thả dấy lên từ những u uẩn ngấm ngầm ẩn giấu trong hai mắt. Trái tim nàng thênh thang, vốn rất vị tha dễ cảm và vẫn còn quá trống trải để chờ được lấp đầy bởi một chân dung, một dáng dấp. Dù sao cũng không phải chỉ đơn thuần điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa. Hình như nàng cũng vừa ướt sũng không lâu với cơn mưa tình mới chợt tạnh. Nàng gặp người con trai đó và tình yêu trong nàng cũng bắt đầu từ khía cạnh lãng mạn vị tha. Nàng để ý chàng không phải vì ngón đàn tuyệt diệu của chàng. Nàng khởi sự xúc động khi thấy chàng tiêu phí đời mình một cách quá đáng, bỏ học dở dang và nghiện ngập cần sa, bạch phiến. Nàng lại gần vì muốn hoán cải chàng. Tình yêu trong nàng bắt nguồn kỳ lạ từ những đổ vỡ, bất ổn của người khác. Khi chàng đã biết sống đàng hoàng, trở lại trường lớp, học xong và có việc đến thành phố khác; cuộc tình của nàng và chàng đột nhiên đổi màu. Vâng, chỉ một chuyến đi, một vài giờ bay mà xa xăm tất cả. Thoạt đầu nàng ngẩn ngơ như bất cứ đoạn kết chuyện tình buồn nào. Nhưng sau đó nàng thanh thản chấp nhận. Chỉ cần nghĩ rằng chàng bây giờ đã hết hư hỏng, đang dung dăng dung dẻ và tràn đầy sức sống (chứ không mệt mỏi hư hao như những ngày nàng mới gặp) dưới một bầu trời nào đó tưởng là quá đủ với tấm lòng bao dung của nàng.

Người đàn ông thả mình thật nhanh xuống ghế làm nàng tỉnh người, ném nhẹ mẩu giấy nhỏ lên bàn vừa càu nhàu trong cuống họng:

— Số mình "order" là số 13. Thu nhớ để ý nghe dùm khi họ gọi. Hôm nay thứ sáu, lấy nhằm số 13 nhưng tôi không nghĩ là ngày xui. Tôi chẳng bao giờ tin ba chuyện dị đoan này và tôi cũng chẳng còn một niềm tin nào. Nói cho cùng là thế.

Nàng nhìn lặng lẽ vào khuôn mặt thảm não của chàng:

— Sao ông lại nói vậy? Sống là phải tự kết cho mình một niềm tin nào đó chứ.

Đột nhiên người đàn ông gọi tên nàng:

— Cô Thu, bộ Thu nghĩ những người đi tìm cái chết đều là những người đã mất hết niềm tin? Cô không nghĩ cũng có một số đi tìm niềm tin ở một kiếp đời nào khác, mới mẻ và lạ lẫm hơn sao?

Giọng nàng chùng xuống :

— Dù sao chỉ có những người hoàn toàn tuyệt vọng mới tự đi tìm cõi chết. Nếu người ta tin vào thuyết luân hồi một cách nào đó như ông nói, Thu nghĩ cái chết sẽ đến với họ thật nhẹ nhàng.

Người đàn ông vừa định nói với nàng điều gì đó, nhưng Thu bắt sang những mẩu chuyện khác. Nhìn bộ mặt thảm sầu của chàng, Thu không muốn gieo thêm những dấu hỏi siêu hình hư vô làm nổ bùng trí

óc chàng.

Sau đó, chàng nói với nàng về một nơi chàng và nàng vốn yêu mến nhưng đành đoạn bỏ đi. Quê nhà, những tên gọi, những mảnh đời thân quen của chàng và gia đình vợ con chàng những ngày thanh thản... Chàng nói say sưa về người tình muôn thuở suốt đời sống chết hy sinh cho con, cho chồng. Nàng là cô học trò nhỏ và chàng lẫm liệt trên chiếc bục gỗ với phấn trắng bảng đen. Chàng bảo những ngày tháng đổi đời sau 75, chàng đi dạy không còn yêu nghề nữa. Lương tháng lãnh ra lại không đủ nuôi gia đình dăm ba bữa, bạn bè chàng đa số đều mắc bệnh lao vì kiệt lực nhưng cũng đành bám theo nghề đến cùng. Vợ chàng ngược xuôi dành dụm. Và chàng kể lại những chuyến đi, những chuyến đi tìm kiếm tự do của chàng và gia đình bé nhỏ.

Kỷ niệm mở bừng đôi mắt của trí nhớ, đưa chàng và Thu mỗi người mỗi nỗi niềm riêng về một nơi xa hơn nửa quả địa cầu. Chuyến đi định mệnh cuối cùng để lại chàng làm người sống sót duy nhất. Vợ con chàng, những nạn nhân cùng chuyến đi. Và bán tay khát máu hải tặc!

Con tàu vỡ và dòng nước cuốn xiết vô tình. Vòng tay của vợ chàng buông khỏi vai rồi tiếng la hét thất thanh của vợ con chàng. Nhưng chàng cũng không cứu vớt được lũ con. Sự hy sinh lần cuối của nàng vô ích. Con cái chàng trôi biến, vợ chàng mất hút. Chàng bất lực trước cái chết vợ con, mặc cho người bạn đồng hành đẩy đưa bồng bềnh theo thùng nước nhẹ hẫng. Giọng chàng càng lúc càng như mắc nghẹn khi kể lại.

Chàng nói với nàng chính vì thế chàng không thể bắt đầu lại dễ dàng ở đời sống này. Chàng đã lập bia chôn phần đời còn lại của chàng nơi đây, ở một nơi thật quá xa lạ. Xa lạ như chàng là kẻ lạ xa với đời sống xứ người. Như chàng còn lại cô lẻ làm người không nhà, người khách cô đơn dừng lại mỏi mệt ở quán trọ bên đường.

Nàng cười khi nghe chàng ví von về đàn ông con trai ở đây. Chàng nói trong những nhờ nhợ say:

— Cô Thu thấy không, thứ đàn ông lếch tha lếch thếch như tôi đúng là đồ bỏ, hết thuốc chữa. Còn tệ và không xài được thua thùng rác Mỹ. Đàn ông con trai qua đây người nào cũng thu lại như ốc sên.

Hình như nàng cười thật to tiếng. Tiếng cười của nàng cơ hồ làm lắc lư thêm cơn say trong chàng. Nhưng buổi tối trên đường chia tay chàng về nhà, tiếng cười ấy bỗng dội thành nỗi xót xa . Nàng khóc mơ màng khi thấy bóng chàng xiêu đổ một mình trong bóng tối. Tội nghiệp chàng, tội nghiệp người đàn ông da vàng cô liêu, hờn tủi. Chàng nói, chàng muốn độc hành một mình đêm nay. Như những đêm qua, đêm kia, mọi đêm khác. Và ước gì trong cơn ngất ngưởng

ảo mộng, chàng cười khan, chàng được một cơn gió độc đến quét chàng đi êm thấm. Rồi chàng bảo, chàng rất thích câu thơ của D.T.L. :"Khi tôi chết hãy mang tôi ra biển". Có điều chàng lại nói tiếp, thật nhỏ vào tai nàng:

— Nhưng điều mà người mình ao ước khi chết, tôi nghĩ giá thân xác được trở về gần gũi, ôm ấp lòng đất mẹ, lòng đất Việt Nam thì ấm áp biết mấy, phải không nhỉ?

*
* *

Thứ hai hôm sau, Thu tiếp tục công việc thiện nguyện của nàng. Điều nàng ngạc nhiên nhất là chàng đã không đến sắp hàng như mọi hôm. Nàng không tin là chàng muốn chạy trốn, né tránh nàng. Chàng cũng không thể chỉnh đốn đời chàng một cách mau lẹ như thế! Dù sao sự vắng mặt của chàng quá đột ngột làm nàng chới với. Tình-yêu-ngỡ-tưởng hay chỉ là một góc cạnh dễ cảm lãng mạn nào đó trong nàng, thì điều vang dội hay sự có mặt dù lạnh lẽo của chàng vẫn còn là thứ dưỡng khí cần thiết. Chàng không đến, nàng có thật nhiều dấu hỏi lo lắng chàng. Người đàn ông chán đời uống rượu say vô gia cư, vô nghề nghiệp ngủ quên ở công viên bị trúng gió trong đêm tối ở xã hội này là chuyện vẫn xảy ra. Định mệnh đã tạo tác thảm kịch vợ con chàng thì cũng có thể kết thúc đời chàng đắng cay như thế.

Chàng đã rời khỏi đời sống thật sao? Có phải đó là điều êm thấm như chàng nói? Rời khỏi để trở về với ước mơ thầm kín của riêng chàng (?!).

Chỉ có nàng là vẫn tiếp tục cuộc hành trình. Cuộc hành trình của người khách lạ đi tìm một nơi chốn, một miền trú ẩn, một chỗ trở về thật ấm áp...

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Ý nghĩa của một lời giới thiệu

Họa sĩ/ Nhà văn Võ Đình nói về Hoàng xuân Sơn và tập thơ VIỄN PHỐ.

George Mason University,
Chủ nhật, 24/7/88

Xin trân trọng kính chào tất cả quí vị đã đến với giới cầm bút chúng tôi hôm nay. Xin chào mừng các nhà văn, nhà thơ đã từ xa lặn lội về với vùng thủ đô Hoa-thịnh-đốn này: bạn Hoàng Xuân Sơn từ phương Bắc, Gia Nã Đại và Vũ Huy Quang từ miền Nam, California. Xin cám ơn ban tổ chức đã để dành cho chúng tôi cái hân hạnh làm người giới thiệu tập thơ mới xuất bản của thi sĩ Hoàng Xuân Sơn. Đó là câu chuyện chính.

Nhưng trước khi bước vào câu chuyện chính, chúng tôi xin được phép thưa đôi lời thật vắn tắt về một vấn đề có liên quan trực tiếp và quan trọng đến những buổi sinh hoạt cộng đồng. Một vấn đề thường gây nên nhiều ngộ nhận mà xưa nay chúng ta chưa có dịp suy xét. Chúng tôi muốn nói về cái ý nghĩa đích thật của những lời giới thiệu trong một buổi ra mắt văn nghệ phẩm như hôm nay.

Người Việt chúng ta thường chuộng lời nói khéo léo ngọt ngào: *Lời nói không mất tiền mua,*

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Đó là một cung cách xử thế khôn ngoan và đẹp đẽ mà ông cha chúng ta để lại. Nhưng cũng có khi lời nói "cho vừa lòng nhau" đó lại được đón nhận một cách hết sức bất ngờ. Đem áp dụng nguyên tắc "cho vừa lòng nhau" này vào sinh hoạt văn học nghệ thuật đôi khi gây nên những ngộ nhận thật quái gở và tai hại. Chúng ta hãy cứ nhìn vào một buổi "trình làng".

Nếu người giới thiệu *không* nói lên những lời ca tụng nhiệt nồng và rực rỡ, thì có kẻ cho như là so đo, hẹp hòi, khắc nghiệt. Lại có khi người giới thiệu nói lên đôi lời khen ngợi thân ái, dù cho chân thành và khách quan cách mấy, dù có đích đáng cách mấy, cũng có người xem như là tâng bốc, tung hô, nịnh hót.

Tình trạng này, thưa Quí Vị, thật đáng tiếc. Đáng tiếc là vì đặt người nghệ sĩ có tác phẩm trình làng vào một cái thế thiệt thòi. Đáng tiếc vì oan uổng cho người giới thiệu nhọc mình uốn ba tấc lưỡi không công. Và đáng tiếc nhất là xúc phạm gián tiếp đến cảm tình của người đồng hương đã chiếu cố đến tham dự vì tấm lòng tha thiết đối với công việc phát huy văn hóa, văn nghệ dân tộc.

Vì vậy, hôm nay, ở đây, chúng tôi xin mạn phép Quí Vị, một cách rất sơ sài, xác định ý nghĩa của những lời giới thiệu trong một buổi ra mắt văn nghệ phẩm.

Trước hết, đó *không phải* là những lời ca tụng, tâng bốc, đánh bóng, hay dùng một lối nói khá thịnh hành hiện nay, là "mặc áo thụng vái nhau". Vì lẽ những lời này vô duyên, vô lý, vô bổ. Uy tín vững chãi và lâu dài của một nghệ sĩ không bao giờ được xây dựng với nhiều lời lẽ thuộc loại này. Giá trị sâu sắc và rộng lớn của một tác phẩm không bao giờ được thẩm định bởi những lời lẽ thuộc loại này.

Những lời giới thiệu cũng *không hẳn* là những phân tích và giải thích. Vì lẽ một buổi lễ ra mắt không phải là một lớp học--chẳng ai cậy nhờngười giới thiệu làm công việc của một ông thầy giáo cả. Và sau hết, những lời giới thiệu cũng *không hẳn* là những lời phê bình đúng nghĩa, *không hẳn* để đánh giá cái hay, cái dở, cái khéo, cái vụng của tác phẩm. Vì lẽ cái quyền phê bình một văn nghệ phẩm đem trình làng phải, trước hết, thuộc về độc giả.

Thưa Quí Vị,

Nếu lời giới thiệu không ca tụng hay tâng bốc, cũng không giải thích hay phê bình, thì nó là cái gì?

Chúng tôi thiển nghĩ nó là một cử chỉ tương tự như đẩy hộ cánh cửa rước khách vào. Chúng ta đẩy nhẹ cánh cửa lớn, để tỏ lòng nhận đón và chào mời. Rồi chúng ta đứng qua một bên để nhường bước cho người mới đến.

Chúng tôi nghĩ rằng bản chất của lời giới thiệu thật ra là một nghi thức *lịch sự* có tính cách chào đón, vừa *trân trọng*, vừa *ưu ái*. Lịch sự chứ không phải kèn trống rình rang, quạt lộng rườm rà. Trân trọng chứ không phải dao to búa lớn, tô hồng điểm lục. Và ưu ái chứ không phải đấm bóp, vuốt ve. Giới thiệu người nghệ sĩ và tác phẩm cũng như giới thiệu một người bạn với một người bạn. Quý nhất là sự lễ độ và lòng chân thành. Có đưa ra dăm ba *nhận xét* chăng thì cũng là những nhận xét thẳng thắn, khách quan, trong khi đó những *cảm nhận* có tính cách chủ quan vẫn giữ được vị trí thích đáng của chúng.

Bây giờ, chúng tôi xin được phép đẩy nhẹ cánh cửa trước, mời Quí vị vào nhà với các nhà văn nhà thơ, từ xa, rất xa, đã về với giữa đại gia đình đồng hương chúng ta hôm nay...

Nhà văn Vũ Huy Quang, tức Thăng Long Văn Sĩ, khi chưa quen anh, chúng tôi đã được đọc những bài trao đổi giữa anh với Văn Lang Thi Sĩ, tức nhà văn Nguyễn Bá Trạc, những lá thư rất tếu, rất thông minh, sắc bén. Cuối năm 85, qua Nam Cali, chúng tôi đã được dùng cơm, ngâm thơ với anh mấy lần, như vậy cũng xem như là...cố tri. Anh đã về đây với chúng ta cùng tuyển tập dịch *Nơi Trại Trừng Giới* nhà Văn nghệ mới ấn hành. Đó là một công trình đáng kể, đem ra cho độc giả Việt những tuyệt tác của Kafka, của Bretch, của Wharton, của Saki... Chúng tôi xin để dành phần giới thiệu anh và Tuyển tập dịch này cho một người có tiếng quen thuộc với văn chương ngoại quốc, anh Bùi Bảo Trúc.

Và nhà thơ Hoàng Xuân Sơn. Về người bạn này, chúng tôi xin dài dòng hơn vì ban tổ chức đã trao cho cái trách nhiệm nói về anh và thơ anh. Hôm nay là một cơ hội tốt đẹp cho phép chúng tôi chia xẻ trực tiếp với quý vị những cảm nhận mà chúng tôi đã ghi chép và nhà xuất bản Việt Chiến đã có thịnh tình dùng thế cho lời bạt để in vào tập thơ *Viễn Phố* của thi sĩ họ Hoàng.

Thưa Quý Vị,

...Mùa Xuân năm nay khác thường. Cuối tháng tư, đầu tháng năm dương lịch mà vẫn có những buổi sáng lạnh đến nỗi giá đêm còn phủ trắng cỏ cây. Rồi luôn ba bốn hôm, gió mưa sấm sét liên miên. Từ xa, thật xa, hai tập thơ đến tay tôi thật đúng lúc.

Thơ Viết Giữa Đường, mới phát hành, của Hà Thúc Sinh, Nam Cali. *Viễn Phố*, đang còn là bản thảo, của Hoàng Xuân Sơn, Gia nã đại. Hai nguồn thơ, mỗi nguồn một vẻ.

Hà có cái hào khí đặc dị. Cao ngạo, sắc bén, và thu hút. Có những điểm gần với Cao Tần, tuy phảng phất đôi nét cổ điển. Hoàng cũng nhớ nước, nhớ người, cũng đau sầu viễn xứ, trong thơ Hoàng cũng có rượu, có say, cũng có những khi vỗ tay mà hát *"ngửa mặt nhìn trời đất*

hề"... Nhưng thơ Hoàng bộc lộ nhiều nhất ở chỗ, nói theo kiểu Huế, "da diết dễ sợ". Thơ Hoàng trĩu nặng u uất, ràn rụa hư hao.

Tôi chỉ mới gặp Hoàng Xuân Sơn có một lần, cách đây đã năm năm, nhờ mấy câu thơ mộc mạc, hiền lành. Mới đọc chỉ thấy vậy, nhâm nhi mãi, "da diết" tận xương tủy:

Huế buồn chi, Huế không vui
Huế O ở lại, Huế tui đoạn đành
O đau sương khói một mình
Tui đi ray rứt nội thành tái tê
(...) (Huế buồn chi)

Sách của Hà Thúc Sinh đã ra đời, là đã thuộc về mọi người, lúc này hãy để dành cho bạn yêu thơ bốn phương. Chỉ xin có ngay đôi lời về những trang rời của Hoàng Xuân Sơn, *sắp* in thành sách.

*
* *

Nhà thơ viết: "...tôi làm thơ như tiếng nói kẻ lười biếng, một cánh cửa phần đời", "... thơ chỉ là tâm sự", "...tôi chỉ là người ghi chép nỗi niềm"... *Huế O ở lại, Huế tui đoạn đành.* Tui đoạn đành với Huế, mà đã hết mô, tui cũng đành đoạn với cả miền đất hình chữ S bên kia Thái bình dương... Như Cao Tần mười năm về trước (mười năm rồi ư?), như Hà Thúc Sinh gần đây hơn, và như một số bạn thơ khác, Hoàng Xuân Sơn tiếp nối những dòng thơ phiêu bạt gập ghềnh.

Đầu xuân lạnh, tôi ngồi đọc thơ Hoàng, từng trang, từng trang, "thấy niềm đau đớn xót xa: niềm đau thương của mình, thấy chán nản mênh mông: của mình... Và trên chừng ấy nét tâm trạng của mình chính là một khí phách hào hùng, dù là cái hào hùng của người lâm vào mạt lộ (*)

Tập *Viễn Phố* mang bốn phần lớn, trải dài định mệnh và hoài vọng.

Phải rồi tôi đang nghe tiếng gào la dậy đường
âm thanh man rợ thời khuyết sử
(...)
Chúng ta như bầy thú dưới chân tường máu
dấu nổi đóng ngay trán hằng ngày
cháy khét mùi chủ nghĩa
đàn bò hàm thiếc đeo gông
lầm lũi đi đêm trường vô định
(Vọng Từ Cõi Âm)

Nhà thơ cắt da xé thịt ra đi--như ngàn ngàn chúng ta, cách này hay cách khác, đã ra đi. Hành trình xa hút tạm chấm dứt, để chỉ thấy

Tôi bỏ quê hương, tôi làm mất nước
Nên vẫn đêm dài mắt trắng buồn lo
(Điều Ghi Nhận Ở Một Nơi Đến)

và

Ngồi đây lạnh buổi phân kỳ
Vẫn hồn thiếp mộng hồi qui bến nào
Nghe buồn vỡ ngọc trầm châu
(...)
(Định Lực)

Xa cách, lẻ loi, thương tiếc, uất giận, không phải là những hoàn cảnh và tâm trạng hiếm có. Cổ kim đông tây, hễ có thơ là có những nỗi niềm ấy. Nhưng nếu tôi phải gán cho thơ Hoàng một chữ thì tôi sẽ nói đó là tiếng thơ cùng cực *cô đơn*. Hoàng không nhớ thương mà ngông nghênh như Cao Tần. Không nuối tiếc mà kiêu kỳ như Hà Thúc Sinh. Hoàng rã rời, tái tê, cô độc:

Tháng tám dầm mưa con đường úng thủy
người hỏi thăm người cây cỏ xác xơ
nơi ấy trui sâu công trường nắng đổ
những đám giây leo mọc kín cơ đồ
Sức người bốc hơi từ bụi bờ sông rạch
từ tháng năm dài bến bãi buồn xo

và

buổi chiều em qua gió đồng than thở
xiêu vẹo cầu ao
đám cỏ rêu nằm ngoi ngớp nhớ
đêm điện tắt xóm não lời kinh
bóng tối đầm đìa thời em tuổi nhỏ
(Nơi Ấy Bây Giờ)

Tôi được cái hân hạnh cùng quê ở Thừa Thiên/ Huế với thi sĩ họ Hoàng. Tôi không thể không mềm lòng khi đọc những câu thơ Hoàng viết trong đó có một xứ Huế mà thuở còn niên thiếu tôi đã tưởng như chỉ có Huy Cận mới vẽ lên được hình ảnh và mầu sắc "Trên thành son nhạt.— Chiều tê cúi đầu"... Huế của Hoàng có thể không "đẹp xưa" như thế, nhưng Huế của Hoàng vẫn đẹp, tàn tạ, não nùng:

Huế chừ cách mấy triệu O
Mưa qua cửa Thượng, chiều co bến Thừa
(Huế buồn chi)

về thăm phố của sông đổi
chiều vô trong Nội khép rồi cửa Ngăn
(Mộng Hương Khuê)

Mùa đông xứ Huế chao ơi nhớ
Những đứa con đau thắt nỗi nhà
Hỡi ôi cố lý là quê cũ
Áo trắng qua cầu em có qua?
(Huế, Từ Phong Vũ)

Ấy vậy mà những câu thơ tương tự, "dễ thương dễ sợ", không vỗ về xóa bỏ đi được cái cảm giác cóng lạnh trong tôi khi tôi đọc thơ Hoàng. Nỗi đau ấy, tôi đã tìm thấy ở mười hai thế kỷ trước, khi Đỗ Phủ nhà cũng không còn để mà ly biệt (Vô Gia Biệt):

người sống biệt tăm/kẻ chết thành bụi thành bùn
còn kẻ hèn này thua trận tìm về chốn cũ
đi lâu thấy ngõ trống
mặt trời gầy guộc/khí trời thê thảm
chỉ thấy chồn cáo xù lông dựng đứng
hú lên tiếng kêu giận dữ (**) (tạm dịch nghĩa)

Thế giới đã mất của Đỗ Phủ tàn khốc và ghê rợn, có tính biểu tượng một cách quái đản. Kẻ hậu sinh "tượng trưng" hơn, lặng lẽ hơn, co rút hơn, "Việt" hơn: *"đám cỏ rêu nằm ngoi ngóp"* như một bầy cá lăn tăn mắc cạn. Thế mới biết có hận thù tàn ác, có tử biệt sinh ly, người làm thơ ngàn năm vẫn đau cái đau chung cùng với cái đau riêng. Nhìn mặt trời lớn lao mà thấy mặt trời gầy guộc (!), thấy cỏ rêu hèn mọn mà tưởng bị chà đạp đến mức không hít nổi khí trời!

Tuy nhiên, một nơi chốn thân thương mà phũ phàng như vậy, yêu dấu mà tuyệt vọng như vậy, chúng ta vẫn nhớ tiếc, vẫn gắn bó, vẫn ấp ủ trong lòng. Hoàng Xuân Sơn nói giùm tôi:

Cũng may ta còn giấc ngủ
Còn mơ được thấy quê nhà
(...)
Cũng may ta còn nặng nợ
Không quên đời gửi quê người
Một chút hoài mong còn đó
Để còn ấp ủ đầy vơi
(Cũng May)

Thôi đời, cái "mất" to lớn bao nhiêu thì cái "còn" trân quí chừng đó:

Ừ thì mộng con mộng cả
Cố nhen bằng được chút tình
Ví như đời hành tơi tả
Vẫn còn nguyên vẹn trái tim
(Trái Tim)

*
* *

Tôi nghĩ mà cười buồn. Dưới tận San Diego nắng ấm bốn mùa, Hà Thúc Sinh than:

Nắng ấm phương Nam cũng chán dần
Biển xanh càng giục nỗi buồn lên
(Tâm Cảnh)

thì tuốt trên Montreal tuyết phủ sáu tháng một năm, Hoàng Xuân Sơn oán:

Cái lạnh thổi từ âm phong trắng
Khô khốc đêm dài cánh cửa tôi
(Phong Thổ)

Tôi ở lưng chừng núi đồi tây-bắc Maryland, bốn mùa ít khi thất thường, ngoại trừ xuân năm nay. Tôi lại không làm thơ-- ngoại trừ lai rai dăm bài thơ thẩn. Tôi chỉ nghiệm thấy trong lòng le lói một niềm vui ngậm ngùi: Tôi biết ơn những người hay làm thơ và làm thơ hay. Ấm cũng làm thơ, lạnh cũng làm thơ. Ngán biển xanh cũng làm thơ, mà ghê tuyết trắng cũng làm thơ. Nghĩa là bất cứ ở đâu, làm gì, quay quắt thế nào, loay hoay làm sao, họ vẫn cứ làm thơ. Nghĩa là họ vẫn cứ hoài hoài cười, hoài hoài khóc, cho mình, cho người, cho đồng bào, cho đất nước. Bởi vì họ là những người Việt nam, những người thơ Việt nam. Những đứa con **Thơ** của quê hương.

VÕ ĐÌNH

Bị Chú:

(*) Võ Phiến, *Giới Thiệu,* Thơ Cao Tần, Văn Nghệ, 1987

(**) Đỗ Phủ (...)

Tồn giả vô tiêu-tức,
Tử giả vi trần nê.
Tiên tử nhân trận bại,
Quy lai tầm cựu hề.
Cửu hành kiến không hạng,
Nhật sấu khí thảm thê.
Đãn đối hồ dữ li,
Thụ mao nộ ngã đề.
(...)
(Vô Gia Biệt)

Thụy Khuê

Đọc Bèo Giạt của Nguyễn Mộng Giác

*H*è 1987, người đọc còn đang bàng hoàng trước những mồ chôn tập thể tại Huế, những cái xác thối rữa được quật lên, kết quả khốc liệt của các vụ xử lý sau Tết Mậu Thân, trước nỗi kinh hoàng của gia đình Ngữ, trước cảnh Nam mê sảng, điên loạn ôm cái xác bầy nhầy rữa nát trên băng ca của người cha thân yêu — kết thúc tập ba — phải chờ đợi hơn một năm sau mới được đọc tiếp Mùa Biển Động tập 4 : Bèo Giạt. Có người bảo: đọc cuốn mới quên hết ba cuốn cũ rồi. Không sao! Nếu cần phải đọc lại ba cuốn đầu để nhớ cốt truyện thì cũng...nên lắm.

Hè 1988, Bèo Giạt ra đời. Đầm hơn các tập trước. Kém sôi nổi chăng? Thoạt đọc có vẻ thế. Sau những biến cố, những thảm kịch trong cuốn III dường như dòng sông qua khúc thác ghềnh, đổ về đồng bằng, người đọc được yên tĩnh nghiền ngẫm, hờ hững xuôi dòng mà không sợ đắm chìm trong nước lũ.

Tôi có tật dễ có định kiến, dễ bị ảnh hưởng. Hồi trước đọc Vũ Ngọc Phan thấy ông chê thi sĩ Vũ Hoàng Chương hay gọt dũa lời thơ, khi còn là thanh niên (những năm 40) mà giọng đã già cóc cách, đọc thơ ông người ta ít cảm động...Từ đó, mỗi khi đọc tới những câu thơ của Vũ Hoàng Chương có chữ "hề", thay vì thấy sảng khoái, hùng tráng như nhiều người, tôi lại thấy có vẻ...tuồng. Đến như hai câu

"Lui đôi vai, tiến đôi chân

Riết đôi tay, ngả đôi thân"

trong bài *"Say đi em"* được rất nhiều người ca tụng, tôi lại lẩn thẩn nghĩ: uống rượu, nhấy đầm, say sưa ôm người đẹp, mà chỉ...đến thế, thì cụ Vũ hơi "gò" đấy, mất hết cả hứng.

Đối với nhà văn Nguyễn Mộng Giác, tuy chưa từng gặp, tôi đã liệt ông vào loại: "nhà nho", nghiêm túc, ít thích cười. Càng đọc ông, tôi càng thấy tôi lầm. Hình như ông có vẻ như cái tòa soạn Bách Khoa, nghĩa là: *"coi dzậy mà không phải dzậy! (Mấy) "Cụ" ấy gớm lắm! Mục nào cũng "tới", dám qua mặt cả những tay sõi, nhưng (mấy) "cụ" ấy kín, tầm ngầm tầm ngầm làm như chỉ chăm lo đạo lý thánh hiền và tương lai nhân loại thế kỷ thứ hai mươi mốt" (Bèo Giạt trang 883)*

Cái phần *chăm lo đạo lý thánh hiền và tương lai nhân loại thế kỷ thứ hai mươi mốt*, tôi không rõ lắm, riêng chuyện *tầm ngầm tầm ngầm mà mục nào cũng "tới"* thì tôi dám chắc đến chín phần mười.

Để trí tưởng tượng chạy rông, tôi nghĩ đến một ngày, "văn hữu" ở xa nào đó hay chính bản thân tôi có dịp, rụt rè đến gõ cửa tòa soạn Văn Học, thì chắc thấy ông phụ trách quản lý trị sự hay ông phụ trách bài vở điều hành chung (tôi đồng ý với ông Võ Đình nên gọi phăng là chủ nhiệm và chủ bút cho rồi) sẽ *"không có "ở", "ừa" ra vẻ kinh ngạc ồn ào, nhưng ánh mắt ông sáng lên ánh vui."* (B.G.trang 884).

Dường như trong Mùa Biển Động IV, Nguyễn Mộng Giác đã hé mở một khung cửa cho người đọc đi vào con người và cung cách làm việc của ông: kín đáo, nghiêm chỉnh, ấy thế mà chuyện gì cũng rành: từ những chuyện "lèm bèm" về đời tư Vũ Trọng Phụng, Xuân Diệu...đến những "xen" tả chân khó khăn nhất của cuộc ái ân lồ lộ bên bờ sông Hương giữa người con gái sắp lấy chồng và người yêu ngày mai vĩnh quyết (trang 799, 800), ngòi bút ông không chút "ngần ngại", mục nào cũng "tới", cũng hiện thực, sống động, không "sơ hở".

Nguyễn Mộng Giác, *viết và sống hết mình* như Kiệt Tấn? Hẳn là không. Nếu bút pháp Kiệt Tấn có vẻ đẹp man dại của một khu vườn hoang, ý, tứ mặc sức tung hoành, đôi lúc đi vòng vo tam quốc, thì Nguyễn Mộng Giác là một vườn trồng hoa, có đường lối, có họa đồ từ trước, tư tưởng mạch lạc, không tìm thấy cỏ dại cây hoang.

Ở Bèo Giạt, xã hội miền Nam sau tết Mậu Thân được phanh phui cặn kẽ, tác giả đi sâu hơn nữa vào thời cuộc nhưng đây không phải là thứ thời cuộc sôi nổi của chiến tranh, của những bất ngờ rùng rợn trong trận chiến, mà là sự quan sát lọc lõi để tìm hiểu cỗi rễ những sụp đổ say này của miền Nam, trình bầy cái phi lý của cuộc chiến 20 năm không lối thoát, cùng những bất lực của một thiểu số muốn "giải quyết vấn đề", qua những mẫu người đã sống, đã là "nạn nhân" hay đã "can dự" vào thời cuộc. Mỗi người giải thích hoặc kết tội chiến

tranh theo "nồng độ" của mình, nhưng dường như ai cũng muốn "đáp" mà không tìm ra lời "giải". Một bà vợ sĩ quan Mỹ đi thăm chồng, trên chuyến bay về Mỹ, tuyên bố:

"Trong khi chồng tôi phải qua Việt Nam làm bia cho bọn Vi-xi một năm dài, bỏ mẹ con tôi nheo nhóc, thì đàn ông Việt Nam ăn diện đủ đởn la cà tràn ngập các phố Saigon. Thú thật với hai ông, qua Saigon tôi không tin là đang ở tại một nước chiến tranh. Tôi cứ tưởng Saigon cũng giống như các thành phố Âu châu trong chiến tranh thứ hai, có những hàng dài chờ nhận khẩu phần bánh mì, phố xá vắng vẻ, có trẻ con đói, có phụ nữ con nhà lành bán thân để đổi một mẩu chocolate hay gói thuốc lá của lính Mỹ. Tôi lầm. Dân Saigon ăn chơi còn hơn cả dân San Francisco nữa." (B.G. trang 929).

Một phần sự thật nhìn qua mắt của người vợ lính Mỹ, giải thích phần nào mầm mống xuống đường chống chiến tranh của nhân dân Mỹ những năm 70. Tiếc rằng *"Họ chống hay bênh vực chiến tranh đó theo quyền lợi trước mắt của mình, hoặc theo một số định kiến khô cằn cũ kỹ có từ thời sau thế chiến thứ hai"* (trang 950).

Cái lầm thứ hai của người Mỹ, cũng tương tự như cái mù quáng của trung uý Calley:

"khi cầm súng bắn chừng ấy người dân làng Mỹ Lai này, chắc chắn trung úy Calley không hề thấy bà cụ này giống mẹ anh ta, em bé kia giống em hay con anh ta. Trước họng súng của Calley, không còn những con người. Lằm lẫn lớn của các ông nằm ở chỗ đó. Chúng tôi, những người Việt, dù nghèo dù nhỏ bé, vẫn là những con người." (trang 975)

Saigon "thất thân" với đô la Mỹ, sống vội, sống bừa, sống bê tha, bệ rạc, bụi đời, với những cô gái điếm trơ trẽn *cởi phắt quần áo, cầm cái khăn ướt lau hạ bộ trước mặt khách hàng*; những ông già Thanh Tuyến, qua cơn bạo bệnh, chợt tỉnh mộng hồi xuân, đêm đêm lẻn vợ sang "trại phòng" nghe nhạc pop và xem báo cởi truồng; trong khi đó những chiến sĩ TQLC phiêu bồng bạt mạng như Lẵng, *"đánh nhau quen như đi dạo mát. Còn sống thì về đây đi lăng quăng, chết thì thôi. Người sống khóc, khổ, mình nằm một đống, khỏe re!* (trang 857); với những ông nhà thơ, *mà mỗi chữ là mỗi viên đạn, mỗi câu là một trận xung phong, mỗi bài là một cuộc hành quân cấp sư đoàn, thơ nổ lốp bốp tiếng đạn M16, nhịp thơ là những trận pháo kinh thiên động địa, thì ngoài đời, tác giả những vần thơ nổ ấy chỉ là một anh học trò mặt tái, tóc dài phủ ót, đi đứng yểu điệu, nói năng nhỏ nhẻ"* (trang 880)

Giữa những cái nhìn bi quan, khinh bạc đến thế, Nguyễn Mộng Giác xen vào vài ánh mắt dịu hiền, chút tâm hồn thuần khiết thanh cao của những bà mẹ nhất, những dì phước, nghiêng mình xuống

những hình hài dị dạng, những khuôn mặt thiếu mũi, thiếu môi của những bệnh nhân cùi, xuống lũ trẻ mồ côi bụng ỏng, mắt lồi, da đen, da trắng hay nhờ nhờ...không ai biết nữa, chúng "ngồi chơi" trên bô cả giờ đồng hồ, cho tiêu hết quãng thời gian thừa thãi của những mảnh đời không ai muốn có. Đúng hơn, chúng là những hạt bụi đời, mà người ta cầm chổi phất trần xua từ chỗ nầy qua chỗ khác, từ nước này qua nước khác.

Những kẻ "có lòng", muốn trung thành với nghiệp vụ của mình không thiếu, họ là những sĩ quan trẻ tuổi và có lý tưởng như trung tá Thanh, như thiếu tá quận trưởng ở Quảng Ngãi, như đại úy Thường... Một số sĩ quan cấp cao cũng thấy rõ được rằng: *"Việt Cộng chúng nó không nghỉ giải lao, không giấu súng đi nhậu ngoài giờ hành chánh, không đi uống cà phê trước khi phục kích ám sát. Hãy nhớ cho rõ.* (trang 1032). Cho dù họ có đào tạo nên những người lính can trường, xả thân vì nghĩa vụ chăng nữa, nhưng khi trở về hậu tuyến, chính những chiến sĩ này lại *"cảm thấy bao nhiêu nguy hiểm mình trải qua đã trở thành vô nghĩa. Anh chiến đấu để bảo vệ cho những cậu ấm cô chiêu này ăn nhậu ngồn miệng, nhẩy nhót tưng bừng hay sao? Anh liều chết cho các ngài ngậm ống vố nhàn nhã đấu hót ở Givral, La Pagode hay sao? Anh lội suối băng rừng, đạp lên gai, lội qua sình để các bà mệnh phụ yến tiệc thâu đêm hay sao? Để các thư sinh mặt trắng tóc dài được hoãn dịch vì lý do học vấn nay biểu tình, mai hội thảo hay sao? Để các ông nghị bà nghị cãi nhau như mổ bò về chuyện đái đường, buôn lịch khỏa thân hay sao? Ngữ chia sẻ những phẫn nộ ấy. Nhưng chàng không chia sẻ những gì các "chiến hữu văn nghệ" của chàng đã làm để giải tỏa sự phẫn nộ. Đập phá, chửi bới, mượn rượu văng tục trong bàn nhậu và trên văn chương, đó là cách lựa chọn thường thấy. Một số khác thì vị hóa đời lính, làm như những kẻ không biết bấm cò toàn là dân chết nhát, vô dụng."* (trang 831, 832)

Nhưng cách "giải quyết chiến tranh" thần sầu quỷ khốc như lối "đốt rụi" của những chiến hữu Đại Hàn cũng không mang lại hiệu quả thiết thực:

"Sau trận càn quét đó, có bao nhiêu thân nhân các người tử nạn ấy trở thành du kích, có bao nhiêu người con, người chồng từ du kích xã trở thành bộ đội chính quy? Trong bao nhiêu đồng bào được ta giải thoát đưa về trại tị nạn Phú Tài, có bao nhiêu người là cán bộ, du kích địch trá hàng cho ta phí gạo nuôi nấng, mượn trại tị nạn làm nơi dưỡng quân." (trang 1074)

Hình như, muốn "giải quyết chiến tranh", trước hết phải giải quyết nghịch lý: "kẻ thù" không phải là "kẻ thù".

"Thằng bé con bụng ỏng mũi chảy thò lò có thể là địch thủ đặt mìn

làm nổ xe các ông ngồi. Các ông đem đại bác 155 ly giã nát thằng bé à?" (trang 975)

Vậy kẻ thù là ai?

"Kẻ thù ở trong đầu từng người, nhiều lúc ở ngay trong đầu của trung tá hay của tôi. Một người Việt Nam bình thường nào cũng vừa là bạn vừa là thù, bạn ta ban ngày, thù ta ban đêm, bạn ta trong cuộc rượu và thù ta trong cuộc chiến. (.....). Cuộc chiến đó, làm sao giải quyết được bằng B52, xe tăng M48, trọng pháo 155 ly?" (trang 1074)

Tới những ngõ cụt như thế, tiếng la của Hùng như một tia hy vọng cuối cùng:

— *"Đù má hết đánh nhau rồi, đã quá, đã quá!* (trang 1194)

"Lãng thấy một lính Bắc Việt cũng rời chỗ núp chạy ra ôm chầm lấy Hùng, rồi đám bộ đội bu quanh chỗ Hùng đứng. Hoàn toàn yên tâm là Bắc quân tôn trọng lệnh ngưng bắn, trung úy Huy ra lệnh cho anh em thủy quân lục chiến rời chỗ núp. Mọi người đều hớn hở, cười nói huyên thuyên, người này ôm chầm lấy người kia, miệng reo hò "Hòa bình rồi! Hòa bình rồi! Đã quá! Đã quá!" (trang 1195)

Nhưng những giây phút "thiêng liêng" ấy cũng chỉ là những ảo ảnh của một vài giờ hưu chiến. Hòa Bình — nói theo lối Lãng — cái tên nghe yểu xìu. "Giấc mộng hòa bình" chỉ đến trong thời gian ngắn ngủi: Bắc Nam vừa kịp trao đổi cho nhau điếu thuốc , ăn chung nhau bữa cơm "hòa hợp dân tộc" rồi cũng chóng tan như hơi thuốc lá, tiêu dần như mấy hạt cơm, không để lại dấu vết nào. Xác Hùng trơ ra đó như một thực tại phũ phàng, một dòng sông ngăn chia hai miền, một bức tường phân cách mộng với thực. Giấc mộng hòa bình không thoát khỏi số phận của những mảng Bèo, Giạt về đâu, không ai thèm biết tới, khi *con người còn chưa muốn nhìn đồng hương của họ như những con người.*

Khi đọc Nguyễn Mộng Giác, độc giả đã chọn một tác giả phức tạp , đọc để "suy nghĩ", nghiền ngẫm, đọc để "lưu lại một cái gì" trong đầu. Biết được như thế, nhưng đôi khi vẫn cảm thấy tiếc. Nếu ông vắn tắt hơn trong những đoạn biện luận về thời cuộc, có lẽ cuốn tiểu thuyết bớt "nặng" hơn, người đọc dễ "thông" hơn. Những trang hay nhất trong Bèo Giạt vẫn là những trang tình cảm, ông viết với lối nhẹ nhàng, tế nhị, sâu sắc, thân quen của Nguyễn Mộng Giác.

Ông đứng giữa khuynh hướng luận đề và khuynh hướng tả thực, ít tả cảnh (hầu như không có), chắc là một sự lựa chọn từ trước, nhưng đối với độc giả, đôi lúc cũng cảm thấy "khô khan". Người đọc chờ đợi những lời pha trò của Lãng. Dù ít xuất hiện, nhưng lần nào Lãng pha trò cũng tự nhiên, duyên dáng và dí dỏm.

Những bức thư của Quỳnh Như dường như không cần thiết lắm,

lại kém vẻ mặn mà và đôi lúc hơi giả tạo. Diễm vẫn ỡm ờ, chịu chơi, quyến rũ và phức tạp. Con người Ngữ biến đổi nhiều nhất, từ một anh chàng "hiền lành", "thật thà", "nhút nhát" trong tình yêu, Ngữ trở thành chủ động , say đắm trong những cuộc ái ân với người yêu, với vợ, cuồng nộ với gái giang hồ, biết nịnh đầm, nói dối và đôi khi có những ngôn ngữ cử chỉ thật láu:

"Ngữ nhìn quanh, bấy giờ mới nhận ra tất cả những chuẩn bị nên thơ và âu yếm của vợ. Ngữ ôm chặt Quỳnh Trang, áp má lên mái tóc thơm nồng mùi keo xịt tóc, cố nhịn để khỏi phải hắt xì vào một lúc không hợp cảnh, thì thào nói:

— Em dễ thương dễ sợ! Em là người vợ gương mẫu nhất!" (trang 1127)

"Người ta thường ít viết về những gì mình đang có. Chỉ có mấy tên thất tình mới viết về tình yêu thôi. Anh có đủ, viết làm gì nữa và viết sao cho đủ!" (trang 1151)

*
* *

Với Mùa Biển Động, Nguyễn Mộng Giác thực hiện "tác phẩm lớn" của đời ông và của thời ông sống? Hãy còn quá sớm để xác quyết. (Tôi ngần ngại khi dùng mấy chữ "tác phẩm lớn" mà Doãn Quốc Sỹ cho có vẻ khôi hài, và chắc nhà văn Nguyễn Mộng Giác cũng không thích lắm). Nhưng giữa lúc nhiều người cầm bút ở cả hai bên hãy còn ngả theo con đường "nhiệt tín" của mình, *biết rõ trước khi viết, nhân vật mình sắp dựng thuộc phe nào, viết làm gì và viết cho ai*, muốn vạch sẵn lằn ranh của tư tưởng, thì nhà văn Nguyễn Mộng Giác cho rằng :

"Những người "nhiệt tín" thường không chịu chấp nhận cái tương đối, cái chưa hoàn hảo, nói đúng hơn là cái không đúng với ý mình." (trang 1080).

Ông không "nhiệt tín", không "giúp độc giả yêu ghét đúng chỗ", không "chỉ đạo" như những "chiến hữu cầm bút có trách nhiệm". "Khuyết điểm" và nghệ thuật của ông chính ở chỗ đó và có lẽ chúng ta cần đọc ông cũng ở chỗ đó; cái "khuyết điểm" mà dường như "văn học hải ngoại" cần có để thở, để khác biệt với cái không khí "toàn thiện, toàn mỹ" của văn học rập khuôn hiện hành tại nước nhà.

(tháng 8. 88)
THỤY KHUÊ

Nguyễn Tấn Hưng

Còn đâu thi vị !

Làm người ai cũng thích đi du lịch. Tôi làm người. Vậy tôi phải thích đi du lịch. Tam đoạn luận của ông Aristotle chứng minh rõ ràng như vậy thì làm sao mà trật được. Tôi phải thích đi du lịch. Nhưng, thích đi du lịch là một chuyện mà đi du lịch được hay không là chuyện khác.

Trước hết phải có tiền. Tiền bỏ ống, tiền mượn bạn bè, tiền vay *credit union*, tiền bán nhà, tiền cướp nhà *bank* ..., tiền gì mặc kệ, phải đào cho ra. Cho đầy đủ. Nếu dư giả thì càng hay. Vì đi du lịch khác với đi ăn mày, không thể hà tiện được. Mà một năm đi du lịch mấy lần? Một lần! Trời, vậy thì tiếc tiền làm chi. Tiền mặt và *traveler check* sẵn sàng như dám mua hết cái thế giới này, vậy mà cái *credit card* vẫn kè kè mang theo

mình như là lá bùa hộ mạng. Rồi, có lá bùa hộ mạng thì phần tiền coi như được giải quyết tạm gọi là ổn thỏa.

Kế đến là phải có thì giờ. Vấn tắt là phải có những ngày nghỉ, phải có *vacation*. Điểm này thì đám con cháu nhà mình bảo đảm thua đứt mấy ông bà cụ nhà ta. Cũng nên làm một bảng thống kê về nghỉ hè, để xem có bao nhiêu người nghỉ cùng một lúc, và có thể, có bao nhiêu gia đình đi chung một chuyến? Bây giờ, với lứa tuổi muộn màng của tôi, chuyện đi du lịch theo kiểu đi làm người hùng cô độc coi bộ hơi lỗi thời và thêm phần tội lỗi.

Nhưng thuở xưa, thuở làm trai trong thời chinh chiến, thường thường ai cũng có một thời làm người hùng cô độc. Thời làm lính độc thân, thời anh tiền tuyến em hậu phương. Riêng tôi, ngoài hai chữ độc thân còn phải phụ đề thêm nhiều thứ lính kỉnh khác nữa. Thêm chữ tàu, thành lính tàu độc thân. Vì vậy trời càng thường xuyên bắt tôi đi du lịch. Thêm chữ thủy vào chữ tàu, lính tàu thủy độc thân, thành thử những thương cảng, hải cảng, doi vịnh, đảo hòn ở miền biển được dịp ... *ủi bãi* dài dài. Tối thiểu cũng phải đi qua, biết qua Thành nội, sông Hương của Huế, chợ Hàn chợ Cồn của Đà Nẵng, trường Sư Phạm của Qui Nhơn, sông Đà Rằng của Tuy Hòa, xóm Bóng, hòn Chồng, cầu Đá của Nha Trang, làng của Cam Ranh, Thanh Hải của Phan Rang, rồi gì gì nữa của ... Phan Rí, Phan Thiết, Vũng Tàu, Cà Mau, Năm Căn, Côn Sơn, Rạch Giá, Phú Quốc và hòn Thổ Châu Poulo Panjang? Mặc dù không sang trọng bằng những thiên đường nổi *Carnival Cruise, Scandinavian Cruise*, nhưng được một điểm là khỏi tốn tiền tàu.

Trở về đất liền, du lịch miền Trung tôi đi gần hết quốc lộ 1, du lịch miền Nam tôi đi gần hết quốc lộ 4.

Cũng dư giả. Du lịch miền núi tôi theo trục tiến quân đánh vào vùng Tam Biên từ Qui Nhơn lên Pleiku, Komtum, Dakto và trục rút quân thất thủ Vùng 2 từ Ban Mê Thuộc chạy xuống Ninh Hòa, Nha Trang. Cũng thừa thãi. Tóm lại, tôi được đi du lịch nhiều chỗ. Nhiều chỗ mà ông bà, cha mẹ của tôi chưa hề đặt chân tới. Nhiều chỗ mà ngay cả mấy ông triệu phú cũng không đủ phương tiện để mà đi tới, biết tới. Những chuyến đi đó đối với tôi đã trở thành vô giá, vì vậy tôi vẫn hay làm cao với vợ tôi:

— Em phải biết anh có được cái may mắn đã hân hạnh đặt chân lên khắp cõi bờ đất nước quê hương.

Gớm! Nhưng cũng chẳng sai lệch gì cho lắm, theo tôi nghĩ, vậy mà vợ tôi hoàn toàn không đồng ý. Trật một ly đi một dặm, vợ tôi lần nào cũng phán rằng:

— Nhưng anh chưa có đi Đà Lạt kia mà!

Câu nói đó cứ làm tôi nghẹn họng. Phải, ở Việt Nam mà không du lịch Đà Lạt thì cuộc đời du lịch của mình kể như không đi đến đâu hết. Vợ tôi không thích những chỗ có dấu chân lãng bạc giang hồ của tôi, cứ nhằm vào thác Gougah, thác Prenn, thác Cam Ly, hồ Than Thở, hồ Xuân Hương, đỉnh Lâm Viên, cà phê Tùng ... vv mà đi. Dò dẫm trong trí nhớ, không quên một điểm nào, không lạc một đường nào. Tôi, chẳng qua nhà giàu mà thiếu mẻ rang, vừa quê vừa giận. May là lúc vợ tôi "tham quan", chỉ có chị Hồng và anh Tạ Ký, huấn luyện viên trường Võ Bị, hộ tống nếu phải một anh chàng bá vơ nào khác thì bệnh tức của tôi sẽ còn trầm trọng nhiều hơn. Chỉ thiếu mỗi cái ly lớn bằng một dặm đó mà suýt chút nữa tôi đã trở thành con Thạch Sùng! Còn ai mà dám hô hào bước chân mình đã trang trải trên khắp miền đất nước quê hương? Từ ải Nam Quan cho

tới mũi Cà Mau?

Bây giờ qua xứ người, tôi vẫn làm người, nên tôi vẫn phải thích đi du lịch. Nhưng để tránh mục đường anh anh đi đường em em bước, thường thường tôi dẫn vợ con tôi theo. Các hãng tư của Mỹ vốn vẫn xài sang hơn Hải Quân Việt Nam, sẵn sàng đài thọ cho cả gia đình đi tản *free*, chẳng khác nào du lịch *free*, thì tội gì không bồng bế nhau đi cho biết đó biết đây với người ta. Phần tôi, nếu nhập chung mấy bận đi phỏng vấn tìm việc, nhận việc, bỏ việc, đổi việc tôi dám nói: tôi đã hai lần đi gần hết chiều ngang nước Mỹ. I-90 ở mạn Bắc và I-40 ở mạn Nam. Cũng đủ chán. Nhưng tôi không dám tuyên bố ầm ĩ với vợ tôi nữa đâu, vì tôi biết câu trả lời sẽ là:

— Mà anh cũng chưa đi tới thành phố New York!

Mặc dù New York của Mỹ không thể so sánh với Đà Lạt của Việt Nam, nhưng tôi vẫn thua kém vợ tôi ở điểm này. Cũng tại mấy hãng hàng không Mỹ chịu chơi, đánh đấm lẫn nhau, dám bán vé khứ hồi cho bà con đến New York *shopping* với giá 49 đồng 99 xu. Mà thử hỏi ai là người có thì giờ rỗi rãnh để đi *shopping*?

Hải Quân Việt Nam đã theo đức Trần Hưng Đạo đi vào dĩ vãng, thời mới ra trường, *college* lẫn *university*, cũng từ từ rơi vào quá khứ. Những chuyến đi du lịch không tốn tiền đã lẳng lặng đi sâu vào quên lãng. Lâu lắm rồi tụi tôi không có dịp đi du lịch. Không phải không có thì giờ mà thật ra chỉ vì một lý do hết sức giản dị: móc tiền túi của mình. Đi du lịch khác với đi ăn mày, đâu có hà tiện được. Chính vì câu nói đó, ý nghĩ đó mà phải chần chờ. Rồi phải theo chủ nghĩa xét lại, thêm vào đó một dấu hỏi. Kết cuộc, hà tiện thì không phải hà tiện, nhưng tính kỹ, xài kỹ.

Ở Việt Nam, nơi ăn chốn ở cho người đi du lịch

thông thường đã có bà con hay bạn bè lo sẵn. Bên này đâu có dễ dàng như vậy. Thâm tình lắm mới có chuyện ăn nhờ ở đậu. Rồi chỉ riêng có mình mình rỗi rãnh rong chơi, trong lúc bạn bè vẫn phải bận bịu công ăn việc làm, khơi khơi đến quấy rầy hạnh phúc của người ta ai lại không ngại. Vã lại, đâu phải chỗ nào mình muốn thăm viếng là có bạn thâm tình ở đó. Như vậy, tự lo lấy thân vẫn là điều tốt hơn hết.

Chi phí nặng nhất của những chuyến du lịch đúng ra không phải là tiền ăn mà là tiền ở. *Ăn thì nhiều chỗ ở bao nhiêu*, câu nói này trật đường rầy nhiều chỗ. *Hotel, motel* hạng trung bình, giá một đêm cũng tròm trèm nửa tuần lương *minimum wage*. Đó là trường hợp hai vợ chồng son, một phòng đơn, một giường chiếc là đủ thấy ấm cúng, không còn biết cô độc, lẻ loi. Đằng này con cái bề bộn như tụi tôi, muốn đóng đô ở đâu cũng đòi hỏi nhiều phòng đôi, giường đôi. Trở ngại đó chớ ... À há, tại sao mình không đi du lịch theo kiểu ... đi cấm trại? Những đêm lửa trại của thuở học trò bao giờ cũng vẫn là những đêm đẹp đẻ nhất, êm đềm nhất trong đời. Vậy thì phải tạo cho con cháu mình có cái cơ hội này. Vừa đỡ tốn, vừa vui.

Tôi bắt đầu nghiên cứu, xúc tiến. Cấm trại cũng có nhiều hình thức. Bình dân thì vác theo cái lều vải, trung lưu thì kéo theo chiếc *pop-up camper*, sang giàu thì mua luôn xe để dành đi du hí, *camper* có máy, *recreation vehicle*. Tôi xếp tôi vào hạng trung lưu nên tôi tìm mua *pop-up camper*. Vớt được một chiếc đời 75, hiệu Jayco, mua cũ về tu bổ lại. Loại trung, 6 *feet* 12 *feet*, có sáu chỗ ngủ, gồm bốn chỗ ở hai tấm ván lót nệm hai đầu và hai chỗ do bàn ăn sập xuống ở khoảng giữa. Có bồn rửa mặt, tủ lạnh, bếp gaz và mối nối điện nước. Chỉ cần gắn

cái *trailer hitch* vô cái cản sau của chiếc xe Van là xong. Ăn chắc mặc bền, năm này qua năm khác sẵn sàng kéo đi khắp xứ. Đám con tôi lại không chịu làm kẻ trung lưu, tự xếp mình vào thành phần bình dân, có chỗ ngủ dành sẵn trong xe mà cứ đòi mua cho được mấy cái lều cá nhân.

Phần ở đã xong, bây giờ đến phần ăn. *Ở thì nhiều chỗ ăn bao nhiêu.* Phải hôn đó? Cũng trúng phần nào mặc dù mới nghe có vẻ ngược đời. Nhưng trúng chắc một điều là mình khác với Mỹ, thay vì phải ăn tiệm, *eat out*, mỗi khi đi du lịch, tụi tôi dự trù mỗi ngày mỗi đi chợ, đi tới đâu nấu ăn tới đó. Nói đúng ra, các món ăn ở nhà hàng thứ thiệt của Mỹ thì quá mắc không hợp với chính sách thắc lưng buộc bụng. Còn *fast foods, hamburger, hot dog* thì tốt hơn *ta về ta ăn cá ao ta.*

Chỗ ăn ở đã xong, xe cộ xăng nhớt dầu mỡ cũng đã đâu vào đó, bây giờ chỉ còn một câu hỏi:

— Em định đi đâu?

— Đi Washington D.C.. Em nghe nói trên đó có nhiều cửa hàng Việt Nam bán áo quần, nữ trang rẻ lắm. Tiệm ăn nữa, đủ món Trung Nam Bắc muốn ăn món gì cũng có. Rồi đền đài, danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử ... thiếu gì chỗ đáng xem. Còn anh, anh định đi đâu?

— Đi biển. Lâu rồi không ra biển, anh thấy nhớ biển muốn nhìn lại biển. Chỗ nào cũng được, miễn có biển. Biển, biển, biển ... em biết hôn?

— Như vậy em đề nghị mình đi Washington D.C. trước, xong bận về minh vòng ra biển. Hợp ý em cũng vừa lòng anh. Đi luôn một lần, *vacation* không đi thì thôi, đi một lần cho đáng. Mấy đứa nhỏ cũng đòi đi thiệt lâu, xả hơi cho đã trước khi đi học trở lại.

Vacation đi một lần phải cho đáng? Xả hơi phải

cho đã trước khi đi học? Làm như là đi Âu Châu, Úc Châu, Ai Cập, Trung Quốc không bằng. Chỉ vòng vòng mấy tiểu bang miền Đông dọc theo bờ biển Đại Tây Dương này thì đã thấm vào đâu. Do kinh nghiệm của những người Mỹ thích đi cấm trại truyền lại, tôi dở cuốn *campbook* của hội AAA ra nghiên cứu. Những khu cấm trại của AAA, KOA, của những hãng địa phương, và những State Park mọc lênh khênh trên bản đồ. Mặc tình lựa chọn. Có ghi rõ lộ trình, số trại, tiện nghi công cộng: hồ tắm, nhà tắm, nhà cầu, chỗ giặt quần áo, chỗ thả tàu cho những người có tàu, chỗ câu cá cho những người thích đi câu ... vv. Chi tiết về giá cả, thời gian cần thiết trước khi dành chỗ, cách thức đóng *deposit*, cũng như thời khóa biểu mở cửa hàng năm của trại cũng được ghi đầy đủ trong đó. Có dấu AAA hoặc KOA thì mắc một chút nhưng bảo đảm sẽ sạch sẽ, khang trang hơn. Trật tự và an ninh nữa, ban đêm có người đi tuần?

Mấy tọa độ dọc bờ biển Atlantic đã được chấm và một ngày đẹp trời cuối tháng tám đã đến. Hai vợ chồng, bốn nhóc, một thằng cháu và một thằng Mỹ con biết ăn nước mắm, tất cả hân hoan chuẩn bị lên đường. Tôi lo máy móc, xe cộ, *camper*, phụ tùng, bản đồ. Bọn nhỏ lo gom góp dụng cụ du hí: cần câu, vợt *tennis*, vợt vũ cầu, banh tròn, banh bầu dục, phao tắm, lều cá nhân, đèn pin, vv. Vợ tôi lo áo quần *sport*, khăn khiếu, giày dép và lương thực ăn dọc đường trên xe: chả giò, thịt gà quay, *sandwiches*. Nước ngọt, bia chất đầy thùng đá. Không quên mang theo cây đàn và mấy cuốn băng nhạc Việt Nam. Gửi bịt *dog foods* cho người láng giềng nhờ chăm sóc hai con Lucky và Bingo là việc làm sau cùng trước khi dứt khoát ra đi.

— Hê, tất cả nghe đây. Còn ai quên món gì, điều gì

nữa không?

— Ba có lấy máy chụp hình và phim của ba con để trên đầu tủ?

— Má mầy lo cái vụ đó mà ... à, em có đốt nhang trên bàn thờ?

— Rồi, em làm xong tất cả rồi. Chỉ có anh là không nhớ cái gì hết mà thôi.

Cứ theo I-40 về hướng Đông, rẽ qua I-85 tại Durham, tiếp qua I-95 tại Petersburg là thẳng một đường về D.C.. Xe mới ra khỏi *home town* một đỗi thì mấy đứa nhỏ bắt đầu ngủ gà ngủ gật, không còn nghe láp dáp bàn chuyện. Chỉ còn vợ tôi chịu khó nhướng mắt nhìn đường với tôi cho có bạn, thỉnh thoảng tiếp tế lương thực, một đùi gà, một lon nước ngọt. Chạy thẳng một lèo như tàu suốt không ngừng lại chỗ nào hết, khoảng sáu tiếng thì đến nơi. Pohick Bay Regional Park là chỗ tụi tôi sẽ cắm trại cũng dễ tìm. Mặc dù hơi xa thành phố nhưng tôi biết mình chọn đúng chỗ, cái gì trông cũng mới, cũng sạch sẽ.

Trời về chiều. Vài giọt nắng còn sót lại trong ngày lấp lánh trong tàn cây, bóng mát. Cuộc sống gần gủi, hòa hợp với thiên nhiên bao giờ cũng thanh bình, êm ả. Một con sóc chạy lăn quăn trên cành cây, vài tiếng chim hót đâu đó. Cảnh nào cảnh chẳng hữu tình? Sau khi lấy thăng bằng cho chiếc *camper* theo bọt nước gắn sẵn bên thành xe, đám nhỏ xung phong dựng lều. Bốn trụ sắt bốn góc làm sườn, được nâng lên bằng một tay quay. Hai tấm ván lót nệm ở hai đầu kéo ra làm giường. Hạ cánh cửa xuống, gắn mấy đường biên của trần vải vào kẽ nhôm là có ngay một căn phòng kín ruồi muỗi, kín gió sương. Bàn ăn được dựng lên, bếp gaz được lôi ra. Nối ống nước, mạch điện dẫn vào xe không khác gì tàu về

bến, cặp cầu, xài điện bờ, nước bờ. Xong, mấy đứa nhỏ đi vô rừng tìm củi khô để dành, dê/^/? nấu bếp và đốt lửa trại. Chất đầy xung quanh lò mà vẫn thích đi kiếm thêm. Để chạy, giỡn, la hét. Vợ tôi sợ mấy người láng giềng phiền hà, rầy:

— Nè, không được làm ồn ào quá như vậy. Nhỏ nhỏ thôi, không phải chỉ có mỗi mình mình ở đây nghe.

Tôi phân bua:

— Kệ nó mà, biết đâu tụi Mỹ lại vui lây với sấp nhỏ ...

Đợi tất cả tắm rửa xong xuôi trở về lều tôi mới bắt đầu nhúm lửa. Đóm lửa gia đình. Mặc dù thiếu những bài hát dân tộc và những bàn tay cùng lứa nối nhau thành vòng, nhưng cái hình ảnh bập bùng của đóm lửa cũng đang sưởi ấm lòng tôi. Bằng một phương thức khác cho một niềm vui khác. Không mấy chốc, đóm lửa thành bếp than hồng. Vợ chồng tôi tay trong tay nhìn đám nhỏ say sưa chăm sóc mấy miếng thịt sườn ướp ngũ vị hương. Mùi thơm bay theo khói, nồng nàn cả một vùng trời. Sau bữa cơm chiều đám nhỏ biến mất trong mấy phòng chơi *video game.* Tôi lấy đàn dạo cho vợ tôi nghe những bài bản quen thuộc. Không tưởng tượng ra mình đang ở xứ người. Nơi đây có cái gì của một vùng quê miền Nam với trùng trùng điệp điệp những vườn cây ăn trái.

Ngày đầu tiên chúng tôi dành nhiều thì giờ cho các thắng cảnh, đền đài. Khổ nhất là tìm chỗ đậu xe, vòng đi vòng lại đôi ba lần mới tìm được chỗ trống. Bắt đầu từ mạn Nam của sông Potomac với công viên Lady Byrd Jonhson. Qua cầu Memorial Bridge đến thăm đài kỷ niệm Thomas Jefferson với hàng anh đào cành lá xum xê trồng quanh hồ, những cây anh đào nghe nói mang về từ

bên Nhật. Vòng lên đài kỷ niệm Lincoln. Đến đài kỷ niệm Việt Nam, nhìn tượng mấy người lính Mỹ đăm chiêu, ngơ ngáo bên cạnh bức tường bằng đá đen khắc tên những người đã hy sinh cho cuộc chiến bại. Đi dọc theo bờ hồ không được gọi là hồ mà là *reflecting pool*, đến thăm cây viết chì dựng đứng, đài kỷ niệm George Washington. Thiên hạ dập dìu như chợ tết Việt Nam, đủ mọi quốc tịch, màu da, sắc tộc. Chụp hình lia lịa mà vẫn thấy chưa đủ, phải nhờ người khác chụp thêm.

Mãi xem những tác phẩm điêu khắc, kiến trúc có thật vẫn thường thấy trong báo, trên TV, trong phim của thủ phủ D.C. mà quên đi mình đang đói. Đến xế trưa, vợ tôi mới nhắc chừng đến chợ Việt Nam. Vòng một mạch xuống Wilson Boulevard, một khu phố ở chợ cũ của Sài Gòn có khác, với những bảng hiệu tiếng Việt có phụ đề Anh ngữ. Tất cả ăn hủ tiếu Mỹ Tho dằn bụng, rồi qua tiệm khác ăn cơm. Như vậy mới đủ sức đi vòng vòng *shopping*. Tôi và mấy thằng nhóc cảm thấy thất thế, chỉ có vợ tôi và đứa con gái là tâm đồng ý hợp. Để thay đổi bầu không khí, tôi ghé vô tiệm sách còn mấy đứa trai nhào vô quán ăn có chứa bàn bi da. Một thời gian thật lâu, tất cả quay về điểm hẹn. Vợ tôi vẫn còn tiếp tục lựa quần áo, vải thêu, vòng ngọc ... vv. Tôi hối:

— Chiều rồi, phải về trại. Mình còn ghé tiệm thực phẩm mua đồ ăn đặng làm cơm nữa!

— Anh khỏi lo, em mua hết rồi, chất đầy xe để phía sau tiệm kia kìa. Đợi em kêu bà chủ tính tiền mấy thứ này rồi đi về là vừa.

Tôi thở phào nhẹ nhỏm, may là có tiệm thực phẩm nằm trong tiệm vải ... Đêm hôm đó tụi tôi nấu nướng ăn trong xe, nhưng đám nhỏ vẫn không quên phần đốt lửa trại.

Tòa Bạch Ốc và tòa Quốc Hội nằm trong chương trình thăm viếng của ngày thứ hai. Vì hồi đi không có coi ngày cho nên bây giờ tụi tôi được toán cảnh sát cỡi ngựa làm dàn chào ngay trước cổng tòa Bạch Ốc. Nghe nói đám biểu tình đông lắm, đang chuẩn bị xuống đường làm dữ, chẳng biết đòi bảo vệ những bào thai chưa đẻ hay bảo vệ mấy bà chửa hoang. Không muốn rước họa vào thân, tụi tôi lấy tòa Smithsonian thế vào. Rồi chỉ vòng vòng hai tòa nhà này mà mất hết nửa ngày. Kể ra cũng có nhiều vết tích lịch sử và những công trình sáng tác lạ mắt để thưởng thức, chiêm ngưỡng. Trưa này, mặc dù mấy đứa nhỏ đòi ăn *pizza*, vợ tôi cũng lôi cổ tụi nó trở về khu Việt Nam, ăn cơm Việt Nam. Ngoài việc đi long rong coi hàng, vợ tôi còn tìm được một tiệm bán thuốc bắc có thầy bắt mạch cho toa tại chỗ. Biết là mình không có bệnh hoạn chi hết mà vợ tôi cũng ngồi vô coi mạch hốt thuốc, sửa huyết, điều kinh. Thêm một lô dầu trắng, dầu xanh, dầu nhị thiên đường mang về rất là đủ bộ.

Ngày thứ ba đi thăm sở thú. Mục đích chính là đi xem con gấu trắng, mắt đen đốm đen, *panda bear*, của Trung Quốc tặng cho Mỹ. National Zoo của Mỹ cũng không lớn hơn Thảo cầm viên ở Sài Gòn bao nhiêu. Nhưng, có nhiều thú lạ và tổ chức ngăn nắp hơn. Trên sơ đồ chỉ dẫn lối đi còn có thêm màu mè, xanh trắng đỏ. Theo lối đi màu xanh sẽ thấy những con này, theo lối đi màu đỏ sẽ thấy những con kia, cũng dễ chọn lựa. Với tôi, chỉ là hình ảnh của một thuở nào xa xưa. Nhưng với đám nhỏ, đây là hiện tại, là ngạc nhiên, là thích thú. Rồi làm gì làm, coi gì coi, xế trưa cũng phải trở về khu Việt Nam như một thông lệ. Lần này khác hai lần trước, chán cảnh đi vòng vòng xem mớ quần áo đàn bà, tôi không

theo vợ con tôi vô tiệm mà đi thăm chợ trời nằm phía sau. Không ngờ ở cái chợ chồm hổm này người ta bày bán đủ thứ cải đậu, rau thơm, và ngay cả thịt heo tươi cắt theo kiểu bên nhà. Cũng còn cái không khí Việt Nam với những tiếng trả giá, tiếng khen chê món hàng giữa kẻ bán người mua. Trong cảnh quang thúng ngổn ngang đó có người gọi giật tôi lại:

— Đại ca, đại ca, ông đi đâu đây? Có nhìn ra thằng em không? Bây giờ ông ở đâu?

Tôi quay lại trong mừng rỡ, ngỡ ngàng bắt tay thằng đàn em:

— Trời, Khương, anh ở đây hả? Từ hồi rời trại Thái Lan là tôi mất liên lạc với mấy anh luôn. Bảy tám năm rồi. Tôi mới dọn về tiểu bang Noth Carolina được hơn năm. Sao, đám độc thân của mình hồi đó đi chung một nhóm hay đi riêng từng người?

— Đi chung đại ca ơi, mà mấy thằng em mình qua đây không đứa nào dạy dỗ được, tụi nó bê bối hết trơn, chẳng đứa nào chịu học hành, lo làm ăn gì cả. Rồi lần lần chính tui cũng vậy. Bây giờ đại ca về nhà tui chơi chớ? Tui đang ở Rockville, khoảng nửa tiếng lái, chung với thằng *sponsor* già của tui từ hồi qua đây đến giờ.

— Tôi có kéo theo cái *pop-up camper*, cả gia đình đang cắm trại ở dưới Pohick Bay State Park. Bà xã và mấy đứa nhỏ đang ở trong tiệm đằng kia.

— Phải đại ca đi một mình, ở lại vài ngày, tui dẫn đại ca đi chơi. Phòng trà ca vũ nhạc, đại nhạc hội, ... à há, tui dẫn đại ca đi xuống đường 14 trả thù dân tộc ...

— Bậy nà. Vợ con anh thì sao? Có bảo trợ qua được không? Anh còn sống độc thân hay đã vướng vít cô nào?

— Độc thân thì không hẳn độc thân, mà vướng vít

thì cũng không hẳn vướng vít, nó làm sao ấy ông ơi. Giấy tờ bảo trợ tôi lo đầy đủ hết rồi mà bên nhà chưa được kêu làm giấy xuất cảnh ... Để tôi ghi số điện thoại, cho đại ca, đại ca có cần gì thì gọi. Ông tới chơi bất cứ lúc nào, nhà đủ chỗ chứa hết đám con ông, ông đừng có lo. Sao, qua đây có thêm đứa nào nữa hôn?

— Cũng bốn đứa đẻ bên nhà thôi, cất đốt cột rồi ... Tình cờ gặp lại anh tôi cũng mừng, không đến chơi coi cũng không được. Nhưng thiệt tình, sáng mai tôi tính phải về sớm. Hay là anh xuống lều chơi với tụi tôi, đường đi nước bước ở đây anh rành, nó dễ hơn.

— Nói như vậy thì thôi tôi ghi luôn cho ông cái địa chỉ cho rồi, để tiện bề liên lạc. Có dịp thầy trò mình sẽ còn gặp lại sau, ông từ North Carolina lên đây cũng gần mà.

— Qua đây làm nghề gì Khương?

— Tui làm thợ sửa máy hình ông ơi. Canon, Chinon, Minolta, Yashica khỉ khô gì của tụi Nhật là tui sửa ráo trọi, mỗi ngày cả hai ba chục cái. Còn đại ca?

— Tôi được đi học lại. Ra trường làm thợ điện cho Western Electric. Khương này, có muốn đi gặp bà xã và mấy thằng nhóc không?

— Tui ghé đằng này có chút việc, một lác tôi tạt qua.

— Nhớ nghe. Bà xã rất mong gặp lại Khương và mấy thằng em của mình đ/ó!

Khương bỏ tấm giấy ghi địa chỉ của tôi vô túi rồi vội vã đi lại chỗ đậu xe. Tôi vào tiệm Mekong bằng cửa sau. Thiên hạ đông như kiến cỏ. Tôi tìm vợ con tôi còn khó, huống hồ Khương. Vã lại, tại sao nó không nghĩ rằng lúc nó trở lại thì tụi tôi sẽ không còn ở tiệm này? Tại sao nó không đi cùng với tôi? Chắc nó định vọt

luôn! Ngày xưa Khương là sĩ quan trực trung tâm hành quân, trong khi tôi làm trung tâm trưởng. Trung tâm trưởng với sĩ quan đi phiên cũng chẳng gắn bó, sống chết gì với nhau cho lắm. Tình lính văn phòng nó khác xa với tình lính tác chiến. Lúc chạy chạy cùng một ghe, coi như cùng chung một số phận. Ra khỏi Việt Nam, từ chỗ cùng chung một số phận đi tới chỗ cùng chung một cấp, ngang hàng ngồi với nhau cũng rất gần. Không còn kẻ trên người dưới, ai cũng như ai phải làm lại từ đầu. Khương còn nghĩ tình thầy trò, chào hỏi tôi như vậy cũng là đẹp lắm rồi, tôi nghĩ.

Sáng ngày sau theo dự trù là phải đi sớm, vậy mà lúc khởi hành mặt trời đã lên cao, sương đọng trên lều chừng như đã khô. Phần viếng thăm thủ đô nước Mỹ của vợ tôi đã xong, bây giờ đến phần tôi, đi biển. Tôi đi ngược lên đường US 50, xuyên qua tiểu bang Delaware, vòng ra biển. Trạm ngừng đầu tiên là thành phố Annapolis có trường hải quân. Annapolis, École Navale de Brest, trường hải quân Nha Trang là những trung tâm đào tạo sĩ quan hải quân của Mỹ, Pháp và Việt Nam. Tôi thấy chiến hạm, chiến đỉnh trong vịnh rõ ràng hơn khi chạy ngang qua cầu Chesapeake Bay Bridge. Hồi tưởng lại ngày nào ở Nha Trang với những lần hải hành thực tập đầu đời. Thấy nhớ tàu, nhớ sóng biển, nhớ những lần đi phiên, nhớ những bữa ăn trong carré sĩ quan, ... nhớ đủ thứ.

Con đường US 13 tiếp nối, dẫn chúng tôi xuống Chesapeake Bay Bridge-Tunnel. Khoảng ba chục cây số đường cầu, như từ Sài Gòn lên Biên Hòa, với hai đoạn đường hầm ngầm dưới đáy biển mỗi đoạn khoảng ba cây số. Không hiểu Mỹ bắc cây cầu này với dụng ý gì? Làm cảnh hay để phô trương kỹ thuật? Cây cầu không

có một vị trí chiến thuật chiến lược nào hết, và cũng không giúp ích gì cho hệ thống vận tải đường bộ của nước Mỹ. Mặc kệ. Tôi chỉ thấy gió biển làm lòng tôi hân hoan, khoan khoái. Một vài con hải âu lạc đàn bay rà rà theo xe. *Nghe vẽ nghe ve, nghe về nói ngược, xe chạy dưới nước, tàu chạy trên bờ* ... Xe chạy dưới nước? Không, xe chạy trên biển, vì hai bên đều là biển, và cây cầu nhìn trước nhìn sau đều chun xuống biển. Gần đến bờ Norfolk, Virginia, tôi lại gặp thêm một cảnh ngược đời nữa: tàu đầu, hàng không mẫu hạm chạy trên đầu xe hơi. Ai dám nói như vậy? Nên nhớ rằng, hồi xưa ông Nguyễn Trường Tộ chỉ vì nói thật mấy chuyện ngược đời mắt thấy tai nghe mà đã bị chém đầu.

Đầu đường hầm, cuối đường hầm là hai hải đảo nhân tạo có hình hạt đậu. Hai đoạn đường hầm vị chi bốn đảo, bốn chỗ duy nhất có thể đậu xe nghỉ xả hơi, hóng gió biển. Và nhìn lại đoạn cầu đã chạy qua. Chạy một mạch không được ngừng và không được chậm hơn vận tốc ấn định tại vì mỗi chiều chỉ có một *lane*. Trong bốn đảo có một cái được làm lớn hơn, có tiệm bán quà kỷ niệm, có quán ăn, có cầu câu cá bắc ra ngoài xa. Thiên hạ tụ tập ở đây chật nghẹt, du khách cũng có mà người đi câu cũng có. Chụp hình, lại chụp hình.

Xuyên qua thành phố Norfolk, theo đường 17, đường 158 tụi tôi đi xuống vùng Outer Bank của North Carolina. Một dãy đảo hẹp bề ngang dài chiều dài, như những củ mì, nối tiếp nhau thành hình chữ S giống giống như nước Việt Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào. Là một cái Vạn Lý Trường Thành thiên nhiên chống lại sóng gió Đại Tây Dương? Cũng hợp lý, vì đây là vùng biển được coi là nguy hiểm nhất của nước Mỹ, mệnh danh là "nghĩa địa Đại Tây Dương". Tàu chìm từ thời Kha Luân Bố cho

đến thế hệ hiện đại, nguyên tử này vẫn còn nằm lềnh khênh ngoài khơi. Thống kê cho biết hơn sáu trăm chiếc trong vòng bốn trăm năm. Lý do là tại hai dòng nước ngược chiều chảy xiết bên nhau, từ Bắc vô Nam và từ Nam ra Bắc. Rồi những cồn cát ngầm coi vậy mà cũng lanh lẹ, biết ăn theo thuở ở theo thời, uyển chuyển di hành theo kẻ mạnh, sóng ngã chiều nào tràn sang chiều đó.

Đến mạn bắc Outer Bank thì trời cũng nhá nhem tối. Tôi chạy thẳng đến vùng Vịt, Duck, để tìm chỗ cắm trại cho gần. De xe vào chỗ đậu xong xuôi, tôi chia phần với vợ tôi:

— Bây giờ như vầy, một mình anh ở lại đây dựng lều, còn em làm ơn dẫn mấy đứa nhỏ đi tắm. Nóng nực cả ngày trên xe, đứa nào đứa nấy chua lè.

Vợ tôi lại thắc mắc chuyện khác:

— Rồi tính sao chuyện cơm nước? Vòng vòng đây, em không thấy quán tiệm nào hết.

— Em đừng lo, để đó cho anh.

Dựng lều và sắp xếp đồ đạc chưa xong thì tôi đã thấy vợ tôi và đám nhóc chạy trở về như bị ai rượt. Tôi ngạc nhiên hỏi:

— Tắm gì lẹ vậy.

Vợ tôi than:

— Cái địa danh Vịt mới nghe đã vô duyên, đã vậy khu cắm trại lại còn vô duyên hơn nữa, không có nước nóng, nước lạnh lạnh run hà.

— Thiệt hả? Tụi này *rip* mình *off*!

Lỡ rồi. Chỉ tại tôi làm biếng không chịu chạy thêm một đoạn đường nữa, xuống State Park. Thầm nghĩ cứ để dành đó, ngày mai sẽ xuôi Nam luôn một lèo ...

Tiếp nối Duck là vùng Kitty Hawk, Kill Devil Hill,

Nags Head, Whalebone. Không nổi tiếng như Kitty Hawk, không được lấy làm tên cho một hàng không mẫu hạm, nhưng Kill Devil Hill lại là nơi đã viết lại lịch sử rất quan trọng của nền văn minh nhân loại. Chỗ mà hai anh em Wright Brothers đã bay thí nghiệm chiếc máy bay đầu tiên. Nhìn chung, vùng này đâu đâu cũng có những đụn cát cao như núi, vàng như trấu, rất thuận tiện cho người xưa tập bay, cũng như rất thuận tiện cho người nay tập *hang glider*.

Rồi đến một National Park mà không được gọi là National Park: National Seashore, bờ biển quốc gia. Tên nghe xôm trò như vậy nhưng thật ra đây chỉ là một đảo hoang. *Wild life* được *protected*. Có nghĩa là chim trời, cá nước được bảo vệ? Có nghĩa là rừng mắm mọc dầy và cỏ lau mọc cao trên cát mặn cũng được bảo vệ nốt? Ai mà biết được! Biết chăng chỉ là sư tắt ngấm từ lâu của những ngọn hải đăng, nay đã thành những di tích lịch sử. Ngọn hải đăng sơn sọc đen trắng theo kiểu *candy can* ở Cap Hatteras vẫn còn đứng vững sau nhiều lần tu bổ đã trở thành ngọn hải đăng cao nhất của miền Bắc Mỹ. Ngọn hải đăng đã một thời làm con mắt thần của biển, có thể nhìn thấy tàu bè xa hàng mười bảy hải lý, khoảng ba mươi hai cây số.

Từ mũi Hatteras qua đảo Oracoke phải đi bắc. Khoảng nửa giờ giống như qua bắc Mỹ Thuận, nhưng khác một điểm là được đi *free*, khỏi phải mua vé. Tại bến bắc này, tôi rất đỗi ngạc nhiên vì đàn hải âu. Dạn không thể tưởng, dám mò tới ăn luôn miếng bánh mì tôi đang cầm trên tay. Đâu cần *wild life protected* mà từ đâu không biết tụ tập đông đảo như đám bồ câu ở tòa thánh Vatican. Chí choé điếc tai. Mấy đứa con tôi thì thích xem hải âu đớp bánh mì trên không trung. Xẹt qua xẹt

đến thế hệ hiện đại, nguyên tử này vẫn còn nằm lềnh khênh ngoài khơi. Thống kê cho biết hơn sáu trăm chiếc trong vòng bốn trăm năm. Lý do là tại hai dòng nước ngược chiều chảy xiết bên nhau, từ Bắc vô Nam và từ Nam ra Bắc. Rồi những cồn cát ngầm coi vậy mà cũng lanh lẹ, biết ăn theo thuở ở theo thời, uyển chuyển di hành theo kẻ mạnh, sóng ngã chiều nào tràn sang chiều đó.

Đến mạn bắc Outer Bank thì trời cũng nhá nhem tối. Tôi chạy thẳng đến vùng Vịt, Duck, để tìm chỗ cắm trại cho gần. De xe vào chỗ đậu xong xuôi, tôi chia phần với vợ tôi:

— Bây giờ như vầy, một mình anh ở lại đây dựng lều, còn em làm ơn dẫn mấy đứa nhỏ đi tắm. Nóng nực cả ngày trên xe, đứa nào đứa nấy chua lè.

Vợ tôi lại thắc mắc chuyện khác:

— Rồi tính sao chuyện cơm nước? Vòng vòng đây, em không thấy quán tiệm nào hết.

— Em đừng lo, để đó cho anh.

Dựng lều và sắp xếp đồ đạc chưa xong thì tôi đã thấy vợ tôi và đám nhóc chạy trở về như bị ai rượt. Tôi ngạc nhiên hỏi:

— Tắm gì lẹ vậy.

Vợ tôi than:

— Cái địa danh Vịt mới nghe đã vô duyên, đã vậy khu cắm trại lại còn vô duyên hơn nữa, không có nước nóng, nước lạnh lạnh run hà.

— Thiệt hả? Tụi này *rip* mình *off*!

Lỡ rồi. Chỉ tại tôi làm biếng không chịu chạy thêm một đoạn đường nữa, xuống State Park. Thầm nghĩ cứ để dành đó, ngày mai sẽ xuôi Nam luôn một lèo ...

Tiếp nối Duck là vùng Kitty Hawk, Kill Devil Hill,

Nags Head, Whalebone. Không nổi tiếng như Kitty Hawk, không được lấy làm tên cho một hàng không mẫu hạm, nhưng Kill Devil Hill lại là nơi đã viết lại lịch sử rất quan trọng của nền văn minh nhân loại. Chỗ mà hai anh em Wright Brothers đã bay thí nghiệm chiếc máy bay đầu tiên. Nhìn chung, vùng này đâu đâu cũng có những đụn cát cao như núi, vàng như trấu, rất thuận tiện cho người xưa tập bay, cũng như rất thuận tiện cho người nay tập *hang glider*.

Rồi đến một National Park mà không được gọi là National Park: National Seashore, bờ biển quốc gia. Tên nghe xôm trò như vậy nhưng thật ra đây chỉ là một đảo hoang. *Wild life* được *protected*. Có nghĩa là chim trời, cá nước được bảo vệ? Có nghĩa là rừng mắm mọc dầy và cỏ lau mọc cao trên cát mặn cũng được bảo vệ nốt? Ai mà biết được! Biết chăng chỉ là sư tắt ngấm từ lâu của những ngọn hải đăng, nay đã thành những di tích lịch sử. Ngọn hải đăng sơn sọc đen trắng theo kiểu *candy can* ở Cap Hatteras vẫn còn đứng vững sau nhiều lần tu bổ đã trở thành ngọn hải đăng cao nhất của miền Bắc Mỹ. Ngọn hải đăng đã một thời làm con mắt thần của biển, có thể nhìn thấy tàu bè xa hàng mười bảy hải lý, khoảng ba mươi hai cây số.

Từ mũi Hatteras qua đảo Oracoke phải đi bắc. Khoảng nửa giờ giống như qua bắc Mỹ Thuận, nhưng khác một điểm là được đi *free*, khỏi phải mua vé. Tại bến bắc này, tôi rất đỗi ngạc nhiên vì đàn hải âu. Dạn không thể tưởng, dám mò tới ăn luôn miếng bánh mì tôi đang cầm trên tay. Đâu cần *wild life protected* mà từ đâu không biết tụ tập đông đảo như đám bồ câu ở tòa thánh Vatican. Chí choé điếc tai. Mấy đứa con tôi thì thích xem hải âu đớp bánh mì trên không trung. Xẹt qua xẹt

lại như *star wars* mà không đụng nhau mới là lạ.

Còn một chuyến bắc nữa từ đảo Oracoke vào đất liền, Morehead City. Dài hạn hơn, những ba tiếng đường biển. Và phải tốn tiền *toll*, mười đồng một xe không chạy khỏi đằng trời. Tôi chưa từng đi một chuyến bắc nào lâu như vậy. Thời khóa biểu rời bến cặp bến hàng ngày đã được ấn định sẵn. Phải gọi điện thoại giữ chỗ trước nếu không muốn bỏ ra ba giờ ngồi không chờ chuyến kế. Cũng là loại bắc hai từng như bắc ở Việt Nam, nhưng lớn hơn một chút. Lại một ngạc nhiên khác với đàn hải âu, cứ vần vũ bay theo chiếc bắc ra giữa biển khơi. Chi chít và đen nghẹt như đám bồ hong đang bay trên đầu người khổng lồ lúc trời chạng vạng tối. Những mẫu bánh mì của tất cả mọi người cứ tiếp tục xịt lên không trung như những ngòi pháo.

— Không phải chỉ những người làm lính thủy mới biết thương mến con hải âu, phải không?

Tôi hỏi đám con tôi như vậy.

Trước khi đến Salter Path, một *triple A campground* ở vùng Atlantic Beach, chúng tôi ghé thăm North Carolina Aquarium. Tưởng là một trung tâm nghiên cứu về hải sinh tương tự như Hải học viện Nha Trang, với hàng ngàn chai hũ ngâm rượu các xác chết của đủ loại sinh vật sống trong biển mặn, ai dè chỉ vài chục lồng kiếng nuôi cá biết lội. Cá ngựa, cá mú, cá đuối, cá mập. Cầu gai, sao biển, ốc tai tượng, đồi mồi. Đặc biệt có loại cá *bowlfin*, giống như con cá bống trứng lớn bằng cườm tay của mình, đã xuất hiện trên qủa địa cầu này khoảng một triệu ba trăm ngàn năm. Mấy dòng chữ giới thiệu nói như vậy. Nhìn chung thứ nào cũng ăn khách. Nhưng, thực khách chiều hôm đó phải là gia đình tôi, một bữa thịnh soạn đủ bộ tôm cua sò hến ăn với bánh tráng rau sống mua

từ D.C. Xong, đi ngủ sớm để lấy sức cho ngày mai vì chương trình có phần hơi nặng: sáng tắm biển, trưa cào sò, bắt ốc trong Pamlico *sound*, vùng nước giữa đảo và đất liền.

Chương trình buổi sáng không có gì thay đổi. Tắm biển. Toàn là dân trắng chỉ có bọn tôi là dân vàng và tuyệt nhiên không thấy dân đen. Bãi biển không lài như bãi Trước lội cả cây số nước chỉ tới ngực, mà giống như bãi Nha Trang, bãi Sau. Những lượn sóng thật lớn phủ vào bờ trắng xóa. Mấy đứa con tôi mới được tắm biển ở Mỹ lần thứ nhất. Mới đầu sợ, dần dần quen, khoái, tắm hoài không chịu lên. Tôi còn sợ hơn đám con tôi nhiều vì sực nhớ ra chưa đứa nào đã biết bơi rành rẽ.

Chương trình buổi trưa thay đổi thấy rõ vì mục cào sò không hấp dẫn mấy. Cả tiếng mà chỉ được một *dozen*. Tôi và vợ tôi chuyển sang nghề bắt chem chép, con *muscle*, mọc đầy trong mấy bãi lát. Đám nhỏ đi vãi chài, tay chài năm thước đường kính mới mua trong tiệm bán cần câu. Tụi Mỹ chỉ chài vòng vòng trong mé mục đích bắt *meno*, cá con, để làm mồi. Nhưng đám con tôi chịu khó lội ra xa nên bắt đủ thứ: cá đối, cá rô, cá đuôi đỏ, tôm lóng, tôm thẻ, ghẹ ...vv. Tay làm hàm nhai, chiều ngày đó gia đình tôi cũng có bữa ăn toàn đồ biển.

Đêm đến, mấy đứa nhỏ đi chơi *game*, chỉ còn lại hai vợ chồng nên tôi đề nghị đi ra biển hóng gió. Bãi biển về đêm trở nên vắng lặng. Một vài cặp có lẽ là nhân tình song bước trong âm thầm, đồng lõa. Chỉ còn tiếng sóng vỗ bờ ì ầm nghe rõ mồn một. Như một bãi biển nào ở Việt Nam? Ngoài khơi cũng vậy, vài ánh đèn leo lét của tàu đánh cá, tàu buôn. Cũng như một bãi biển nào ở Việt Nam? Tôi bỗng nhớ Nha Trang, *anh nhớ Nha Trang*, tôi nói nhỏ với vợ tôi như

vậy. Tôi bỗng thấy con đường Duy Tân, thấy dãy villa trông ra biển, thấy bãi cát mịn màng hiện ra trước mặt. Và bên tai tôi, tôi còn nghe toàn tiếng nói của ngôn ngữ duy nhất tôi yêu từ khi mới ra đời ...

— Anh đi đâu vậy?

— ...

Tôi lội xuống nước mà tôi không hay. Hình như tôi muốn sờ mặt nước xem có thật đây là biển của Nha Trang? Tiếc thay, nước biển này không phải là nước biển Thái Bình Dương. Thất vọng, buồn vô tả. Những ngày cấm trại, những di tích lịch sử, những hình ảnh ghi lại trong tôi đột nhiên trở thành vô nghĩa. Tôi cảm thấy mọi thứ chỉ thật sự có nghĩa nếu nơi này là quê hương, là Việt Nam.

Nhớ biển ta đi biển
Biển nào cho giống biển Nha Trang
Chốn này, biển gì đây?
Sao ngó quanh toàn cao ốc
Ra vào chẳng dễ dàng!
Vậy rồi ta tìm đâu
Bar số 5 xuống Chutt
Dấu chân thèm lang thang?
Bỗng nhiên chìm xuống
Bao nỗi rộn ràng
Biển này làm gì giống biển Nha Trang!
Tìm đâu ra đám dã tràng
Dưới chân ta toàn sand fleas
Bảo sao ta không vừa ý
Biển còn đâu thi vị
Còn đâu thi vị ...

Qua ngày sau, mấy đứa con tôi chẳng hiểu hay chỉ hiểu lờ mờ cái lý do tại sao tụi nó phải dọn trại sớm hơn chương trình dự trù một ngày. Riêng tôi, suốt đường về lòng tôi cứ ngân lên tiếng vọng: còn đâu thi vị .../.

Bùi Ngọc Đường

Nhật Tiến : Một khuynh hướng sáng tác mới trong Văn học Việt Nam hải ngoại.

(Tiếp theo phần 1 đăng trên Văn Học số 32)

Ý thức dân tộc rõ ràng đã điều hướng cái nhìn và sự nhận thức mới của nhà văn Nhật Tiến mà qua đó, ý thức chống Cộng đã thể hiện một nội dung toàn vẹn, sáng tỏ hơn bao giờ hết :

- **Về Ý Nghĩa,** cuộc chiến chống Cộng phải là một cuộc chiến của dân tộc chống lại ngoại xâm như tất cả những cuộc chiến chống ngoại xâm khác trong lịch sử dân tộc suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Trong ý nghĩa này, tập đoàn Cộng sản Việt nam, dù núp sau chiêu bài và danh nghĩa nào, cũng chỉ và phải được hiểu là công cụ của chủ nghĩa Cộng sản Quốc Tế mà hai trung tâm quyền lực của họ là Liên Xô và Trung Cộng. Trong ý nghĩa này, bản chất xâm lược, đế quốc của chủ nghĩa Cộng sản quốc tế đã được thể hiện ở sự mâu thuẩn triệt để giữa những giá trị nhân bản truyền thống trong nền văn hóa, luân lý, đạo đức của dân tộc Việt nam và nội dung phi nhân bản, phi dân tộc của chủ nghĩa Cộng sản. Với 20 năm ở miền Bắc và tiếp theo 13 năm ở miền Nam, sự thực đã được chứng minh là quyền lợi tinh thần cũng như vật chất của dân tộc Việt nam đã và đang bị tiêu diệt vì quyền lợi của chủ nghĩa Cộng sản ngoại lai mà điển hình là những giá trị truyền thống của văn hóa, đạo đức và xã hội Việt nam đang bị xóa bỏ để thay thế những giá trị mới phát xuất từ chủ thuyết của Mác-Lênin.

Cũng trong ý nghĩa này, đất nước và dân tộc luôn luôn phải được hiểu trong ý nghĩa toàn vẹn bao gồm cả hai miền Nam Bắc. Sự kiện một phần của đất nước (như miền Bắc trước đây) hay toàn thể đất nước (như Việt nam bây giờ) bị Cộng sản thống trị phải được hiểu **chỉ là một sự tạm chiếm của giặc,** ngay cả sự kiện đó được công pháp quốc tế thừa nhận. Sự tạm chiếm đó, dù kéo dài một ngàn năm như Tàu trước đây hay gần một trăm năm như Pháp sau này vẫn chỉ là tạm chiếm và chắc chắn sẽ có lúc bị dân tộc phá vỡ để giành lại quyền tự chủ và độc lập của mình.

- **Về Mục Đích,** cuộc chiến chống Cộng nhằm giải phóng tổ quốc và dân tộc cả hai miền Nam Bắc ra khỏi sự thống trị của chủ nghĩa Cộng sản và xóa bỏ chế độ xã hội tàn bạo, phi nhân của nó để tạo dựng một đất nước Việt nam độc lập, tự do, thanh bình, thịnh vượng và nhân bản. Cũng trong mục đích này, cuộc chiến chống Cộng không phải nhằm khôi phục chế độ xã hội trước đây tại miền Nam, một xã hội cũng đầy những bất công, thối nát được lãnh đạo bởi những kẻ mang đầu óc quan liêu, vọng ngoại, sản phẩm rơi rớt lại của thời phong kiến và thực dân trước đó.

- **Về Lực Lượng Dân Tộc.** Cuộc chiến chống Cộng được đặt trên căn bản **dân tộc chống ngoại xâm,** từ đó sức mạnh chính yếu trong cuộc chiến đấu này là lực lượng dân tộc. Nhưng dân tộc là ai ? Có lẽ chưa một lần nào trong suốt thế kỷ qua, câu hỏi này được trả lời một cách công khai, rõ ràng và dứt khoát. Và có lẽ, cũng chưa một lần nào từ những ngày đầu chống Pháp ở thế kỷ trước, lực lượng dân tộc được vận dụng một cách đầy đủ và được chính danh cũng như được vinh danh một cách trọn vẹn và xứng đáng.

- Sự hiện diện bạc nhược, yếu hèn nhưng chính thống và hợp pháp của triều đình Nguyễn đã không những chỉ làm bình phong cho sự đô hộ của thực dân Pháp mà tệ hại hơn, đã một thời làm suy yếu và ngăn cản sự tập hợp và vận dụng lực lượng dân tộc trong công cuộc kháng chiến chống Pháp;

- Mối quan hệ chặt chẻ của quân chủ phong kiến, thực dân

xâm lược và thể chế Quốc gia, Cộng Hòa sau này tại miền Nam mà Bảo Đại và Ngô Đình Diệm là hai gạch nối quan trọng đã làm miền Nam mất chính nghĩa và không thể tập hợp rộng lớn được lực lượng dân tộc trong công cuộc chống Cộng.

- Sự gian xảo, quỷ quyệt và nham hiểm của Hồ Chí Minh và tập đoàn Cộng sản của ông trong sách lược núp sau chiêu bài giải phóng dân tộc khiến cho một số không nhỏ tiềm lực dân tộc, vì nhiệt tình yêu nước chống Pháp, đã chiến đấu bên cạnh hoặc bên trong hàng ngũ Cộng sản để cuối cùng, tự đồng hóa hoặc bị đồng hóa như là những người Cộng sản.

Nói chung, với gần 100 năm đô hộ của thực dân Pháp và trên 70 năm hiện diện của Đảng Cộng sản tại Việt Nam, bên cạnh những đổ vỡ đau thương do hai thế lực đó gây ra, đã tạo nên một hoàn cảnh ngang trái, nghiệt ngã cho lực lượng dân tộc mà trong đó, không phải ai cũng có thể dễ dàng chọn lựa một con đường đi thuần túy dân tộc để không ngã về phía này hoặc phía kia mà cả hai phía đều là những thế lực phi dân tộc.

Với một hoàn cảnh lịch sử phức tạp như thế trong quá khứ, với nhu cầu cấp thiết giải phóng đất nước và dân tộc ra khỏi gông cùm Cộng sản trước mắt, lực lượng dân tộc, không có con đường nào khác hơn là, một sự tập hợp rộng lớn tất cả mọi người ở hai miền Nam Bắc, không phân biệt quá khứ của họ ở phía nào, đã ý thức rõ được bản chất xâm lăng, tàn bạo, phi nhân bản, phi dân tộc của chủ nghĩa và chế độ Cộng sản để chiến đấu xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự do, thanh bình, thịnh vượng và nhân bản.

Với ý thức dân tộc và những nhận thức về cuộc kháng chiến chống Cộng hiện nay của toàn dân như trên, nội dung những sáng tác của Nhật Tiến chính là để thể hiện những nhận thức đó mà theo ông, cũng là sứ mệnh của văn hoá :

"Văn hoá... không thể vùi dập con người dưới những làn roi của sự cực đoan, một chiều mà trái lại nâng cao giá trị của con người, vạch rõ thực trạng đớn đau, tủi nhục để trang bị cho con người một nhận thức mới, ở đó con người nhìn ra thân phận bị trị

của mình, biết phẫn nộ trước sự phi lý về nông nổi con người đã bị khai thác triền miên trong bao nhiêu năm ròng bởi một thiểu số đầy tham vọng và quyền lực mà không biết đứng dậy làm một cuộc cách mạng mới giải phóng chính mình."

CŨ VÀ MỚI:

Sau tác phẩm **MỘT THỜI ĐANG QUA** xuất bản tháng 10 năm 1985, những truyện ngắn của Nhật Tiến phản ảnh một cái nhìn mới, biểu lộ một nhận thức mới trong chiều hướng sáng tác của ông. Một cách khái quát, cái nhìn cũ và sự nhận thức cũ của Nhật Tiến đã dừng lại ở sự sụp đổ, tan nát, tủi nhục của con người và xã hội miền Nam sau cuộc đổi đời tháng tư bảy mươi lăm mà qua đó, ông muốn lột trần để tố giác những gian trá, tàn bạo, phi nhân của chủ nghĩa Cộng sản. Trong khi đó, cái nhìn mới và sự nhận thức mới của Nhật Tiến đã hướng đến xã hội miền Bắc, *cái xã hội lam lũ, nghèo nàn mà trong đó, con người đang được vắt cho đến sức cùng lực kiệt* và đặc biệt là đã hướng đến những ước vọng, những phản kháng, những chuyển biến trong tâm tư, tình cảm và đời sống của con người miền Bắc sau hơn một phần tư thế kỷ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, kể cả một số cán bộ và bộ đội.

Sự chuyển hướng đó đã và sẽ đóng góp làm một bước ngoặc trong văn học Việt nam nói chung và sinh hoạt văn học Việt Nam hải ngoại nói riêng, nếu chúng ta đặt nó trong bối cảnh chính trị, xã hội, văn học của miền Nam trước đây cũng như ngay cả trong tâm lý của chúng ta ở hải ngoại bây giờ.

Do ảnh hưởng của những sự kiện: đất nước bị chia cắt lâu dài, sự tuyên truyền thâm độc của hai chế độ xã hội thù nghịch và đặc biệt, cuộc chiến tranh thảm khốc ba mươi năm mà trên mặt tâm lý chung, người miền Bắc đã không còn có được một chỗ đứng "ruột thịt" trong tâm khảm của người miền Nam nếu không muốn nói rằng họ đã trở thành xa lạ, bị quên lãng và nhiều lúc, trong sự châm biếm mỉa mai, họ đã bị xem như là một giống người khác, một dân tộc khác. Tâm lý này, sau tháng tư bảy mươi

lăm, đã bộc lộ rõ trong cuộc trùng phùng sau hơn hai mươi năm trời chia cách của người dân hai miền. Cái không khí mới lạ, hân hoan, rầm rộ mà cả guồng máy đảng và chính quyền Cộng sản cố gắng phát động để chào mừng cuộc chiến thắng của họ thực ra đã chỉ đào sâu thêm tâm lý xa lạ, cách biệt ấy và lúc bấy giờ được gia tăng với những mặc cảm thắng bại, nghèo giàu của Bắc và Nam.

Nhưng nếu phải đợi đến hơn hai mươi năm khi người dân hai miền có cơ hội giao tiếp, người ta mới phát giác tâm lý xa lạ, dè chừng, nghi kỵ của đôi bên trong cách đối xử thì trong suốt hai mươi năm văn học miền Nam (1954 - 1975), tâm lý này đã bàng bạc và đã tạo ảnh hưởng gây ra sự vắng mặt của một nửa đất nước, một nửa dân tộc trong các tác phẩm văn chương miền Nam. Tôi không nói đến phong trào văn nghệ chống Cộng, dĩ nhiên là có, và đã có khá mạnh trong buổi đầu mà theo nhà văn Võ Phiến, đã "*quét sạch ảnh hưởng của loại văn thơ vọng bưng biền mơ chiến khu vẫn hoành hành trong thành chín mười năm trước 1954*" . Tôi muốn nói đến đời sống tinh thần, tình cảm, những ước mơ, những phản kháng, những tủi nhục lầm than, những cam nín chịu đựng... của đồng bào chúng ta ở bên kia vĩ tuyến 17 dường như bị quên lãng hoặc chưa đủ để được gọi là có trong toàn bộ nền văn học miền Nam từ 1954 - 1975. Đây là một sự kiện khá kỳ lạ. Không kể đến mối liên hệ huyết thống dân tộc, tình nghĩa đồng bào của hai miền Bắc Nam mà nhiều lúc nó dường như xa vời vợi. Hãy chỉ nói đến cái yếu tố gần một triệu đồng bào miền Bắc di cư vào Nam sau hiệp định Genève 1954. Gần một triệu người này đã để lại phía bên kia bờ sông Bến Hải ít ra là một nửa phần đời sống tình cảm của họ: nào cha mẹ anh em, nào vợ chồng con cái, nào họ hàng thân hữu, nào kỷ niệm vui buồn... Và trong số gần một triệu người này có rất nhiều người cầm bút tên tuổi đã từng chi phối, ảnh hưởng và có lúc chủ động nền văn học miền Nam từ sau 1954 trở đi. Bảo rằng những người cầm bút này quên lãng, đoạn tuyệt, không xót xa, không tưởng nhớ đến những liên hệ ân tình còn kẹt lại phía bên kia là điều vô lý, nghịch lý, tuyệt đối không đúng. Nhưng muốn tìm xem bóng

dáng của những cha mẹ anh em, những vợ chồng con cái, những họ hàng thân hữu, những kỷ niệm vui buồn... từ sau năm 1954 dưới chế độ Cộng sản như thế nào trong các tác phẩm văn chương của họ thì quả thật ít ỏi. Nói chung, cả cái xã hội địa ngục dưới chế độ Cộng sản ở miền Bắc với tất cả những nỗi nhục nhằn, cay đắng, nghèo đói, chịu đựng, phản kháng, ước mơ... của đồng bào miền Bắc, của những người thân yêu ruột thịt còn kẹt lại ở miền Bắc, đã vắng bóng trong giòng văn học miền Nam từ sau 1954 đến 1975. Chúng ta có thể giải thích rằng vì "bức màn sắt" dày quá, kín mít quá để không có một tin tức hay dữ kiện nào của xã hội miền Bắc lọt ra thế giới bên ngoài nên những người cầm bút trong Nam thiếu chất liệu để sáng tạo. Điều này đúng, nhưng chỉ một phần. Trên thực tế, những cuộc đấu tố địa chủ, những cuộc cải cách ruộng đất, những cuộc cải tạo công thương nghiệp, vụ nổi dậy của Quỳnh Lưu, vụ nổi dậy của Nhân Văn, Giai Phẩm ... đã được nghe biết ở trong Nam nhưng chỉ đủ để có cuốn phim *Chúng tôi muốn sống*, cuốn sách *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*...và phong trào văn nghệ chống Cộng. Như vậy, không phải thiếu dữ kiện chất liệu để sáng tác mà chính ra thiếu sự rung động, xúc động để có thể sáng tác. Nói cách khác, chúng ta trong miền Nam lúc bấy giờ chỉ mới khai thác (biết đâu không với tâm lý lạc quan, vui mừng?!) những tin tức dữ kiện đó vì nhu cầu chính trị mà thiếu sự rung động, xúc động để thấy rằng đằng sau những vụ nổi dậy và bị đàn áp đó là bóng tối kinh hoàng, là tù đày chết chóc. Nhưng không phải những người cầm bút trong Nam không có sự xúc động. Chính cái tâm lý chung của xã hội miền Nam thời đại đó đã điều hướng tâm lý và ngòi bút của họ. Và thủ phạm đã tạo ra cái tâm lý chung đó không ai khác hơn là các chính quyền miền Nam từ Bảo Đại qua Ngô Đình Diệm đến Nguyễn Văn Thiệu sau này. Ngay đến một số nhà văn hoặc mới di cư từ Bắc vào Nam, hoặc mới thoát được chế độ Cộng sản năm 1954, lòng đầy ấp nhiệt huyết, mang nhiều hoài bảo, lý tưởng, chủ động phong trào văn nghệ chống Cộng như Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng, Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ, Vũ

Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn... vậy mà chỉ sau ba bốn năm cọ xát với xã hội và chính trị miền Nam đã đâm ra thất vọng, não nề. Các chính quyền miền Nam với bản chất phi dân tộc, độc tài, bất công, tham nhủng, thối nát không những dã nuôi lớn phong trào Cộng sản trong miền Nam như khởi thủy chính sách thực dân và thuộc địa của Tây phương đã là mảnh đất tốt cho những vi khuẩn Cộng sản sinh sôi nẩy nở và phát triển, không những đã là nguồn gốc của sự sụp đổ, băng hoại dẫn đến mất miền Nam vào tay Cộng sản, mà trên hết và trước hết, đã làm mất chính nghĩa dân tộc, tình tự quê hương. Chống Cộng không phải vì miền Nam là tiền đồn của thế giới tự do vì như thế chỉ là một hình thức đánh thuê; Chống Cộng cũng không phải vì để bảo vệ một chế độ Cộng Hòa, Duy Linh như chế độ Ngô Đình Diệm vì như thế cũng chẳng khác nào chống một thứ Cộng sản này để bảo vệ một thứ Cộng sản khác cũng độc tài, độc tôn, giáo điều và sẵn sàng triệt hạ bất cứ ai khác mình; Chống Cộng chính là vì muốn duy trì và bảo vệ độc lập tổ quốc, tự do dân tộc, hạnh phúc đồng bào nhưng những thứ đó đã mất trước khi Cộng sản cướp. Vậy thì còn gì để bảo vệ mà phải hăng say chống Cộng! Đây là nguồn gốc dẫn đến tâm lý chán chường, phó mặc, trốn tránh thực tế dưới nhiều hình thức và từ đó bao nhiêu hoài bảo, lý tưởng, tâm huyết lúc đầu bị thui chột, rã rời. Những người khá hơn, có nghị lực hơn, còn quyết tâm làm một cái gì, còn tha thiết muốn xây dựng lại cơ đồ thì một cách cay đắng, những nghị lực, những quyết tâm, những tha thiết đó thay vì được vận dụng để chống kẻ thù chung Cộng sản, lại được tập trung chống lại chính quyền mà họ nghĩ một cách hợp lý rằng đó là loại chính quyền sẽ *làm mất nước vào tay Cộng sản* như Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã viết trong di chúc lịch sử của ông. Nhà văn Võ Phiến, khi nhận định những đặc điểm của nền văn học miền Nam, đã dẫn nhiều trường hợp trong đó có trường hợp của nhà văn Doãn Quốc Sỹ, một người đã từng ôm ấp nhiều hoài bảo, đã từng sôi nổi hoạt động góp phần dựng lên phong trào văn nghệ chống Cộng khi mới vào Nam:

"Chừng bốn năm sau cuộc di cư đã bắt đầu có những bất mãn chống đối chính quyền, chống đối lãnh tụ trong Nam. Trong pho trường thiên tiểu thuyết **Khu rừng lau** *của Doãn Quốc Sỹ nhiều nhân vật rời bỏ Cộng sản từ Bắc vào lại tham gia mạnh vào phong trào chống chính phủ Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ. Ông Doãn cay đắng. Cuối cuốn* **Những ngã sông trên dòng đời,** *Hiển không dằn lòng được trước thái độ xấc láo của một cán binh Cộng sản cuồng tín, giơ tay thẳng cánh tát trái nó một cái, định bảo cho nó hiểu về Cộng sản, sáng mắt về Cộng sản, nhưng rồi* **khuôn mặt ruỗng nát của miền quốc gia** *hiện ra, những cái xấu xa xú uế của* **bãi rác thủ đô** *ùa tới, và:* **"chàng quay đi đôi mắt thật khô nhưng thật ra chàng đương khóc não nề, chàng lắc lắc mạnh cái đầu: - Ta không muốn nói làm gì! Ta không muốn nói làm gì !"**

Chính nghĩa dân tộc trong công cuộc chống Cộng sản xâm lăng đã mất vì thế. Và tình tự quê hương cũng nhạt nhòa, tan tác theo đó. Miền Nam, "miền đất hứa" cuối cùng của những người Việt Nam từ chối chế độ Cộng sản muốn xây dựng một cuộc sống tự do, công bằng mà còn bị buông xuôi, chán nản nói chi đến miền Bắc. Hơn nữa, ngay từ trong tâm thức, dường như những người lãnh đạo miền Nam chưa bao giờ ôm ấp một giấc mơ giải phóng miền Bắc. Nếu có khi nào họ nói đến *oanh tạc miền Bắc* hay *Bắc phạt* và ngay cả *Bắc tiến* thì cũng chỉ như nói đến một biện pháp trả đũa quân sự mà thôi chứ không phải bị thôi thúc vì sự tha thiết muốn giải phóng đồng bào miền Bắc ra khỏi gông cùm Cộng sản.

Do đó, nói đúng ra, nền văn học miền Nam không phải đã quên lãng miền Bắc mà chỉ là phản ảnh trung thực tâm thức của xã hội lúc bấy giờ vốn đã khởi đi từ tâm thức của giai tầng lãnh đạo các chính quyền của miền Nam, một thứ tâm thức mà trong đó tình nghĩa đồng bào, lòng yêu tổ quốc bao gồm cả miền Bắc và miền Nam đã bị "đông lạnh" để chỉ còn lại những phản ứng, những tâm lý do thói quen và chỗ đứng trong xã hội tạo thành.

Nhìn lại một số thực trạng chính trị, xã hội, tâm lý như là bối

cảnh của nền văn học miền Nam 1954 - 1975 như thế, chúng ta sẽ thấy rằng chiều hướng sáng tác mới của nhà văn Nhật Tiến khi hướng cái nhìn và ngòi bút của ông đến cuộc sống và những chuyển biến trong tâm tư, tình cảm của con người miền Bắc trước đây và ở miền Nam sau này bao gồm cả một số cán bộ và bộ đội, không phải đơn thuần chỉ là thay đổi đề tài hay nội dung sáng tác mà chính là thay đổi nhận thức.

Trước tiên, đó là **ý thức về sứ mệnh và vai trò của văn hóa, văn nghệ nói chung cũng như của những người cầm bút nói riêng:**

- *"Văn hóa... không thể chỉ là cái khuôn để chỉ những người cùng một phe chui lọt, mà phải là tấm gương trong sáng của dân tộc ở đó ai cũng soi thấy vị trí của mình, hoàn cảnh của mình, và con đường sinh lộ duy nhất mà mình phải đi để đem quê hương ra khỏi khung cảnh lầm than, cơ cực."*

- *"Văn hóa... không thể vùi dập con người dưới những lằn roi của sự cực đoan, một chiều mà trái lại nâng cao giá trị của con người, vạch rõ thực trạng đớn đau, tủi nhục để trang bị cho con người một nhận thức mới, ở đó con người nhìn ra thân phận bị trị của mình, biết phẫn nộ trước sự phi lý về nông nổi con người đã bị khai thác triền miên trong bao nhiêu năm ròng bởi một thiểu số đầy tham vọng và quyền lực mà không biết đứng dậy làm một cuộc cách mạng mới giải phóng chính mình."*

- "Vì không thể mắt mù mặt cúi và vì không thể làm tiếng chó sủa hay đồ đùa cho giai cấp độc quyền, nên tất cả anh chị em văn nghệ sĩ ở miền Nam cũ đều đã quăng bút, khẳng khái chấp nhận kéo dài một đời ảm đạm nơi quê nhà, sinh sống bằng đủ loại ngành nghề nhưng không phải là cầm bút ca ngợi chế độ. Một số đông anh chị em khác đã bỏ nước ra đi. Nhưng sự ra đi ấy chỉ có nghĩa khi người làm văn nghệ không tự biến thành mõ chợ hay nhởn nhơ quay về tiếc nuối một quá khứ tưởng là vàng son nhưng thực chất chỉ là một xã hội tràn đầy tham nhũng, thối nát và đầy rẫy những bất công, phi lý trong đời sống của tuyệt đại đa số quần chúng trong xã hội."

- "Người làm công tác văn hóa phải có một cái nhìn mới, biết rõ mình đang ở đâu và cần thiết phải làm gì. Để thực hiện được điều đó, người làm văn hóa ít ra là phải có một sự can đảm. Sự can đảm trước hết là phải biết khước từ những sinh hoạt dễ dãi, biết chọn lựa để từ chối những đề tài sáng tạo chỉ có tác dụng ru ngủ chính mình trong một cái nôi vị kỷ, chật hẹp, và sự can đảm sẵn sàng nhận lãnh những búa rìu có thể sẽ đến từ nhiều phía khi khởi sự đụng vào bức tường kiên cố của những cực đoan chính trị hay những cơn nung nấu của lòng hận thù "

- "Hơn bao giờ hết, những người làm công tác văn hóa phải góp phần trí tuệ của mình để khai mở một con đường đi tới cho dân tộc, ở đó những nhận thức mới được xây dựng, những xiềng xích, thành kiến cực đoan, một chiều được gỡ bỏ, những hàng rào phân chia, ngăn cách, chận lối, cản đường được khai thông..."

Thứ đến, đó là **ý thức dân tộc trong sứ mệnh chống Cộng.** Không phải cứ chống Cộng là được và cách chống Cộng nào cũng tốt.Trong quá khứ, thực dân Pháp đã chống Cộng tại Việt nam. Tiếp theo đó, những người Mỹ, Đại Hàn, Tân Tây Lan, Úc v..v..cũng đã chống Cộng tại Việt nam. Và các chính quyền miền Nam trước đây cũng đã từng chống Cộng. Tất cả những lực lượng chống Cộng đó đã thất bại. Hơn nữa, chính họ đã gián tiếp nuôi dưỡng và làm lớn mạnh phong trào Cộng sản Việt nam.

Với cái nhìn mới, những truyện ngắn của Nhật Tiến chứa đựng nhiều nội dung bất ngờ, mới lạ và xúc động.

Chẳng hạn, trong truyện ngắn *Những Chuyện Bên Lề* , Ông Tư, một giáo viên Sử trường phổ thông cấp 3 ở Hà Nội, vượt biên tới Hồng Kông và được định cư ở Mỹ theo diện nhân đạo. Ông dường như đã trở thành *"kẻ tỵ nạn của những người tỵ nạn", "kẻ sống bên lề của cộng đồng",* muốn dấu biệt gốc gác, không đi học Anh ngữ, không tập lái xe, sống không có điện thoại... vì hai lý do:

"một đàng thì quả đồng hương có nhiều, nhưng họ thuộc về một cộng đồng khác, cộng đồng của những người bên kia, những người vì đã thua cuộc nên có quyền ngẩng cao đầu tự hào về dĩ

vãng chính trị của mình, còn tôi thì đâu có một chỗ đứng để chen chân vào. Nói khác đi, dù tôi đã chối bỏ chủ nghĩa Cộng sản để qua vùng đất mới thì cái dĩ vãng của tôi, cộng với nề nếp tôi suy nghĩ, thói quen của những từ ngữ tôi dùng, cũng đủ để cho tôi cảm thấy lạc lõng giữa đám đông và nhẹ nhàng lắm thì cũng bị coi như một kẻ đứng bên lề. Và chính điều này đã đưa đến cái lý do thứ hai nữa, là con gái của tôi rất sợ tôi tự ý mon men tìm đến những sinh hoạt cộng đồng. Nó muốn dấu biệt gốc gác miền Bắc của nó. Nó có linh cảm rất nhạy bén là tôi cứ hiện diện ở đâu là gây rắc rối ở đó. Nó nói: "Bố muốn yên thân thì hãy ở nhà.. Chứ ra đám đông, bố chỉ mở miệng là sẽ gặp rắc rối rồi." Tôi biết rằng nó đã có lý, bởi năm đầu tiên tới đây, tôi còn có lúc buột mồm nói ra những từ ngữ như "thằng Mỹ, thằng Diệm" chỉ còn thiếu điều con gái tôi muốn đem tống vô mồm của tôi một đống giẻ rách. Nó cấm tôi ra ngoài vì lý do đó. Chỉ buồn một điều là cái ý muốn ấy của nó lâu ngày nó coi như một sự đương nhiên, một điều không bao giờ cần xét lại. Và tôi nghiễm nhiên trở thành một kẻ bị lưu đày trong vòng kiểm soát hết sức chặt chẽ của nó. Mà không có nó, hỏi tôi làm sao sống sót được ở cái xứ sở xa lạ này."

Với một tâm lý và hoàn cảnh như thế, Ông Tư cũng không hiểu rõ được ông có phải là một người may mắn hay chưa khi trốn thoát được địa ngục Cộng sản miền Bắc. *"Nói rằng chưa thì phụ lòng những người Mỹ đã giúp đỡ tôi sống còn ở cái xứ người xa lạ này và có vẻ mỉa mai đối với những người hiện đang ước ao đi ra khỏi nước bằng bất cứ giá nào. Nhưng nếu nói là có thì mỉa mai cho chính tôi, bởi tôi có được cái gì ngoài hai bữa cơm đầy đủ và chôn chân ở một căn phòng không có ai bầu bạn để có thể nói ra những tâm sự của mình."*

Tâm sự của ông Tư cũng khá phức tạp. Vợ Ông bị máy bay Mỹ dội bom chết ở Khâm Thiên năm 1972. Ông đã bới dưới đống gạch vụn và moi ra thi thể của vợ không còn hình thù gì. Dĩ nhiên ông rất căm thù. Chẳng cần ai động viên, ông cũng tình nguyện đứng lên trong buổi mít tinh tố cáo tội ác của "Đế quốc Mỹ". Rồi sau tháng 4 năm 1975, ông vào Nam thăm họ hàng con

cháu. Trong số này, có những gia đình cũng đã từng bới xác của thân nhân dưới những đống gạch vụn, nạn nhân của những vụ Việt cộng pháo kích. Lúc trở ra lại miền Bắc, ông hoang mang. Ông cảm thấy *"cái niềm hãnh diện của một kẻ tham gia hàng ngũ đi giải phóng nó tan xèo như một que diêm"*. Nhưng không phải vì vậy mà cảm nghĩ của ông, quan niệm của ông xuôi giòng với cảm nghĩ và quan niệm của người miền Nam. Nó vẫn có cái gì khác, khác đến không thay đổi được, giống như màu da của những người da đen, da vàng vẫn không thay đổi được dù đã được sinh ra ở những xứ của người da trắng. Ông tâm sự và nhắn gởi: *"Chín năm kháng chiến chống Pháp, dứt khoát tôi không hề cảm thấy mặc cảm phạm tội với tổ quốc. Hơn 20 năm ngụp lặn lầm than trong xã hội miền Bắc, chúng tôi là những bánh xe trong một guồng máy chứ không phải là những kỹ sư đã họa kiểu nên guồng máy đó. Nếu năm 1954, ông không có cái may mắn là xuống tàu đi Nam thì ông cũng như tôi vậy. Nghĩa là ông cũng chả có cái cơ hội được là kẻ phán xét, chế riễu, mỉa mai sự nghèo đói, ngu dốt, sự tham lam, sự nhỏ mọn trong đời sống..."*

Giữa cái xã hội vật chất, bận rộn đến không có những phút giây để nghĩ về chính mình, với cái tâm lý xa cách, lạnh nhạt, nếu không nói là ghét bỏ kéo dài từ thời Pháp đô hộ chia Việt Nam thành ba miền như ba quốc gia khác nhau và tiếp theo gần một phần tư thế kỷ chia cắt, hận thù giữa hai miền Nam Bắc, phần đông chúng ta có lẽ không để ý để biết rằng còn có những người như ông Tư trong cộng đồng tỵ nạn của mình. Nếu tình cờ có gặp và nhận ra thì cũng vội vã ném cho một cái nhìn khinh rẽ và nhanh chóng quên đi như quên chiếc lá bị gió cuốn trên đường. Làm thế nào mà tác giả Nhật Tiến lại có thể hướng con mắt nhìn và để tâm tư rung động với một cảnh đời như thế với tất cả nổi bùi ngùi ?

Cũng với sự rung động đầy tình người như thế, trong một truyện ngắn khác, Nhật Tiến hướng về *Những Vết Chân Trâu*, để nhìn thấy trong đó những bóng dáng khốn cùng, cơ cực của kiếp người và của cả kiếp vật tại một Hợp Tác Xã Nông Nghiệp

ở miền Bắc.

Vật ở đây là một con trâu già. Nó bị khai thác sức lao động quá mức: Cầy, bừa, kéo gỗ, thồ hàng, chở gạch và đến cả việc lôi cần máy cán, máy ép bên lò nung nữa. Dù là sức trâu, cũng vẫn có giới hạn, nên chuyện phải đến đã đến: *"Nó đổ mồ hôi đầm đìa. Cổ vươn lên. Mặt nó ngửa ra. Nó thốt lên một tiếng kêu như một tiếng rống nhỏ rồi cả thân mình còm cõi của nó quỵ xuống." Và không bao giờ đứng dậy nữa. Dưới một chế độ như chế độ Cộng sản Việt nam, không phải chỉ có con người mà ngay cả loài vật cũng bị khai thác đến tận cùng, cũng là "nạn nhân" của chế độ!*

Người ở đây là hai vợ chồng lão Thược vốn chen lẫn trong cái đám *ông già, bà cả dù thân hình yếu đuối, hom hem vẫn phải oằn lưng xuống khuân gạch, đẩy xe, gánh đất."* Tuy cuộc sống lam lũ, khốn cùng nhưng chưa đến nỗi đen tối, thê thảm như khi đứa con trai của hai vợ chồng lão đào ngũ khỏi quân đội có lẽ để khỏi bị gởi sang chiến trường Kampuchia. Số là trước đây, trong các buổi họp chung, lão Thược đã phát biểu rằng đừng khai thác quá mức sức lao động của con trâu. Lời phát biểu của lão hoàn toàn chân thành, chỉ nghĩ đến nếu con trâu có bề gì thì hợp tác xã sẽ bị kẹt cứng. Lão không hề ngụ ý ám chỉ đến những thân già còm cõi như lão cũng đang bị khai thác, bị vắt cho đến sức cùng lực kiệt. Nhưng gã bí thư Chi Bộ đã hiểu như thế và đánh giá lời phát biểu của lão Thược là xuất phát từ một tư tưởng cực kỳ phản động. Gã găm gút lắm, muốn trừng trị lắm. Tuy vậy, hai vợ chồng lão Thược cũng không bị làm khó dễ gì vì nhờ đứa con trai đã đăng ký nghĩa vụ quân sự, như là một thứ trụ cột đã chống đỡ cho hai vợ chồng lão về mặt lập trường chính trị. Bây giờ, với hành động đào ngũ của thằng con, cái trụ cột chống đỡ xem như không còn, cho nên bỗng chốc mọi quan hệ giữa hai vợ chồng lão và xã hội xung quanh thay đổi: mọi người tránh né, hộ khẩu bị cúp, chế độ tem phiếu bị cúp. *"Còn tem phiếu thì còn được phân phối nhu yếu phẩm theo giá chính thức. Không còn tem phiếu thì kể như đã bị gạt ra khỏi mâm cơm chung của xã hội, dù chỉ là mâm cơm được bày biện những khoai cùng sắn."*

Lão Thược phải vất vả hết ngày này sang tháng khác đi xin việc làm ở các xã lân cận. Mụ Thược phải đi bắt ốc mò cua để kiếm thêm bất cứ chút gì có thể ăn được. Gần một năm trời sống bên lề xã hội với sự tránh né, ghét bỏ của mọi người. Nhất là mụ Thược, mụ mơ ước *được sờ lại tờ tem phiếu, mẩu này là gạo, mẩu kia là khoai, là dầu, là sợi chỉ, là cây kim, lâu lâu còn có kí đường, vuông vải...* Sau gần một năm trời như thế, hai vợ chồng lão Thược cảm thấy kinh hoàng đến nhu không thể nào chịu đựng được nữa, thì may quá Trời Phật ngó lại: nhân dịp con trâu chết, lão Thược được thế chỗ của con trâu để cày, bừa, kéo gỗ, thồ hàng, chở gạch và cả việc lôi cần máy cán, máy ép bên lò nung nữa.

Chúng ta, người đọc, có thể cảm thấy bất nhẫn, xót xa, phẫn nộ cho kiếp người gặp phải cảnh khốn cùng như vậy. Nhưng đối với vợ chồng lão Thược, được như thế, là cả một cuộc đổi đời rực rỡ. Hãy nhìn lại bối cảnh của sự việc xãy ra thì biết: Trong văn phòng làm việc của ông chủ nhiệm hợp tác xã, có cả sự hiện diện của gã bí thư Chi Bộ, lão Thược đứng khúm núm, khẩn khoản nói:

-"Trình với hai đồng chí, tôi tuy già nhưng sức lực còn dư kéo một cái cày. Vã chăng, lại còn có nhà tôi nó phụ. Mụ tiếng thế mà dai như đỉa ấy"

Vừa nói lão vừa ngước mắt ra ngoài. Qua cánh cửa sổ mở rộng, cả đồng chí Bí thư lẫn ông chủ nhiệm hợp tác xã đều cùng nhìn thấy mụ Thược đang ngồi bó gối thu lu ở một gốc cây trong sân trụ sở. Bên cạnh mụ còn có một cái giỏ cua. Mụ ngồi so ro như một con mèo ốm... Mụ ngồi đấy chờ chồng với tất cả sự băn khoăn, hồi hộp của kẻ tội đồ chờ đợi phiên tòa sắp tuyên ra một bản án. Cho đến lúc có bóng của lão Thược xuất hiện ở ngoài khung cửa chỗ văn phòng của ông chủ nhiệm hợp tác xã thì mụ vội vã đứng bật dậy. Mụ thấy lão Thược nhe hàm răng móm mém ra cười. Thôi thế là trời phật đã chứng giám cho lời cầu nguyện tâm thành của mụ rồi. Quả nhiên lão Thược đi xốc tới, hai bàn tay của lão múa lên, lão cất giọng đượm đầy vẻ vui mừng:

-Các ông ấy chấp thuận cho rồi. Mình sẽ được thế chỗ của con trâu!

Nhưng nêu lên sự kiện này để thấy rằng trong khi các lãnh tụ miền Nam không có giấc mơ giải phóng miền Bắc, không thấy có sự thôi thúc phải giải thoát đồng bào miền Bắc ra khỏi gông cùm Cộng sản thì ngược lại, Hồ Chí Minh luôn luôn biểu lộ sự tha thiết: *"miền Nam trong trái tim tôi"*, dẫu rằng đó chỉ là sự tha thiết của một thứ cáo già, một thứ gian hùng như Tào Tháo ngày xưa. Mười ba năm đã trôi qua kể từ khi miền Nam bị lọt vào trái tim của Hồ Chí Minh, một thứ địa ngục trần gian, dân miền Nam đã thấm thía với ý nghĩa của câu nói đó. Nhưng cũng từ đó, hai bài học được rút ra: MỘT, không có quyết tâm giải phóng và bảo vệ đất nước, không có tha thiết đến sự thống khổ của đồng bào, không có chính nghĩa dân tộc thì sẽ không có chiến thắng. HAI, tàn bạo, sắt máu như Hồ Chí Minh, người đã từng tuyên bố: *"Tôi sẽ đốt cháy Việt Nam thành tro bụi, với tất cả đàn ông, đàn bà và trẻ thơ trong đó, nếu cần, để ngăn chận người Pháp tái chiếm Việt Nam"* (1945) hay là: *"Tất cả những ai đi sai con đường tôi đã vạch ra, đều phải bị tiêu diệt"*(1946), vậy mà họ Hồ cũng nhận thức được rằng nhân nghĩa mới chính là yếu tố quyết định. Và ông đã được ngụy trang để thành một ông già nhân nghĩa đạo đức, hành động tàn phá xâm chiếm miền Nam được ngụy trang thành nghĩa vụ giải phóng dân tộc. Do đó, bài học này là: bạo lực là thứ yếu, nhân nghĩa mới là chính yếu. Nhân nghĩa chính là thứ vũ khí tinh thần, truyền thống mà tiền nhân chúng ta đã xử dụng thành công trong việc chống ngoại xâm, giữ gìn bờ cõi: *"Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, đem chí nhân thay cường bạo"* (Nguyễn Trãi: *Bình Ngô Đại Cáo*)

Hai bài học đã được trả bằng cái giá mất nước đang được học và đã được phản ảnh trong giòng văn học Việt Nam lưu vong hải ngoại. Khác với nền văn học miền Nam trước đây đã bỏ quên đời sống và tâm tình của đồng bào miền Bắc, đa số sáng tác của các nhà văn lưu vong hiện nay đều lấy bối cảnh trong nước, lấy tâm tình và đời sống của đồng bào trong nước làm chất liệu sáng tác.

Sự kiện này ít ra, cũng nói lên được cái ý nghĩa là trong cuộc sống tự do và tương đối thoải mái ở xứ người, những người cầm bút có ý thức và trách nhiệm vẫn hướng về và xúc động với những thống khổ, tù đày của đồng bào ở quê nhà.

BÙI NGỌC ĐƯỜNG

PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động hay tin

Cụ Bà

NGUYỄN ĐỨC BỔN

nhũ danh

NGUYỄN THỊ KHÁNH

Thân mẫu của nhà thơ Hoàng Khởi Phong, giám đốc tạp chí Văn Học, vừa thất lộc tại Sài gòn ngày 15 tháng 9 năm 1988, hưởng thọ 80 tuổi.

Chúng tôi, các văn hữu chủ biên và cộng tác viên tạp chí Văn Học xin thành thật chia buồn cùng bạn Hoàng Khởi Phong, và cầu nguyện cho hương hồn Cụ Bà sớm siêu thoát nơi Miền Cực Lạc.

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Bùi Vĩnh Phúc
Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân, Nguyễn văn Sâm, Nhật Tiến
Tưởng Năng Tiến, Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết
cùng tất cả các văn hữu xa gần.

SÁCH MỚI NHẬN ĐƯỢC

TÌNH THƠ THẬP GIÁ

Thi tập của Nguyễn Tầm Thường, Nguyệt san Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp xuất bản tại Cali 1988, bìa Nguyễn Trọng Tước, phụ bản Nguyễn thị Hợp, gồm 41 bài thơ đạo. Dày 100 trang, in trên giấy quí. Giá mỗi tập $ 6.50 MK. Địa chỉ liên lạc : Nguyễn Trọng Tước 2535 Le Conte Ave, Berkeley CA. 94709

TO BE MADE OVER

Tales of Socialist Reeducation in Vietnam

Tuyển tập truyện ngắn và tản văn của Chu Quân, Hà Thúc Sinh, Hoàng Ngọc Thanh Dung, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Ngọc Thuận, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến, Võ Hoàng, Võ Kỳ Điền, do Huỳnh Sanh Thông dịch sang Anh ngữ và viết lời dẫn nhập, Southeast Asia Studies Đại Học Yale xuất bản. Giá mỗi cuốn 12 MK.

Địa chỉ liên lạc : Yale Southeast Asia Studies
Box 13A Yale Station, New Haven , CT 06520 USA

PHAN BỘI CHÂU AND THE ĐÔNG DU MOUVEMENT

Tuyển tập những bài khảo cứu mới nhất về Phan Bội Châu và Phong trào Đông du, do Vĩnh Sính chủ biên, Southeast Asia Studies Đại học Yale xuất bản. Sách dày 220 trang, giá 10 MK. Địa chỉ liên lạc như trên.

HỒI KÝ TẬP 3

của Nguyễn Hiến Lê, gồm những lời phê phán ngay thẳng và gay gắt của nhà văn quá cố nhắm tới chế độ cộng sản VN, sau 5 năm chứng kiến trực tiếp những thất bại của chính quyền Hà Nội trên mọi phương diện. Sách do Nhà Văn Nghệ xuất bản tháng 8.1988, dày 208 trang. Giá 9 MK. Ngoài HK thêm 1 MK bưu phí.

Địa chỉ liên lạc : Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O.BOx 2301 Westminster CA. 92683 USA
Phone : (714) 832.8445

TỰ TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT

của Nguyễn Hiến Lê, cuốn cẩm nang cần thiết cho những bạn trẻ muốn trau giồi tiếng Việt và tập viết tiếng Việt một cách chính xác, không lai căn. Sách do nhà Văn Nghệ xuất bản tháng 9.1988, dày 156 trang, giá 7 MK. Ngoài HK thêm 1 MK bưu phí.

TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975

Tuyển tập thơ văn của 23 cây bút tiêu biểu ở hải ngoại, do Nguyễn Mạnh Trinh viết Lời Vào Tập, bìa Nguyên Khai, phụ bản Ngọc Dũng và Võ Đình, nhà Văn Nghệ xuất bản và phát hành tháng 9.1988. Sách dày 300 trang, giá 12 MK Ngoài HK thêm 1 MK bưu phí.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 MAGNOLIA STE: 101-102-103 WESTMINSTER, CALIFORNIA 92683

(714) 893-1915

- **BẮT ĐẦU PHỤC VỤ QUÍ VỊ**
- **TRANG BỊ ĐẦY ĐỦ MÁY MÓC MỚI VÀ TỐI TÂN**

VỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ PHÙNG G. THANH

American Board of Radiology (Chuyên môn về Computerized Tomography & Ultrasound)

VÀ NHIỀU BÁC SĨ QUANG TUYẾN KHÁC CỘNG TÁC

MODEL 1988

CAT SCAN: Một phát minh tuyệt diệu do sự phối hợp của Quang tuyến và Computer sẽ giúp Quí Vị Bác sĩ định bệnh nội ngoại thương và Thần kinh một cách chính xác hơn

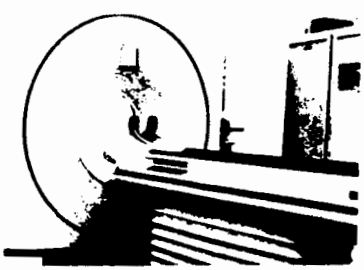

MODEL 1988

MÁY ĐẶC BIỆT DÀNH RIÊNG CHO CHỤP VÚ

* Tối tân, tự động, ít phóng xạ
* Do nữ chuyên viên Quang tuyến tốt nghiệp tại Hoa Kỳ phụ trách
* Không cần hẹn trước và Không cần Bác sĩ giới thiệu.

- **GIỜ MỞ CỬA:**
  — Thứ Hai-Thứ Sáu: 10AM—6PM
  — Thứ Bảy: 10AM—4PM và theo hẹn

CÔNG TY CỬA SẮT

MARSHALL

IRON WORKS & BLOCK WALLS
SECURITY PRODUCTS

3721 W. McFADDEN AVE., SUITE #G
SANTA ANA, CALIFORNIA 92704

(714) 775-3469

OPEN MON- SAT 8.00 AM- 8.00 PM

FREE ESTIMATES

CHUYÊN MÔN CÁC LOẠI:

— Cổng sắt cánh đẩy và 2 cánh mở
— Cửa sắt an toàn có lưới
— Cửa sổ sắt an toàn
— Hành lang và lan can
— Xây tường và hàng rào sắt

STAIR WAY

WINDOW GUARD

DẶC BIỆT:

— Xây cất thêm phòng, ngăn phòng, làm phòng tắm, làm patio.
— Thiết kế và trang trí cho các cơ sở thương mại.
— Tráng xi măng và drive-way.

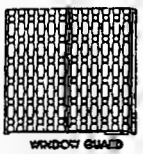
WINDOW GUARD

CHO CÁC CƠ SỞ THƯƠNG MẠI VÀ TƯ GIA VÙNG ORANGE COUNTY VÀ L.A.

IRON FENCE AND BLOCK WALL

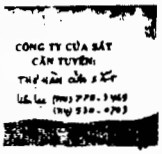

SECURITY GATE

GIÁ RẺ - NHANH CHÓNG THÀNH TÍN - TẬN TÂM

MAGNOLIA MEDICAL CLINIC

* Personal Injuries (Tai nạn xe cộ và nghề nghiệp)
* Industrial Medicine
* Physical Occupational Therapy

TRUNG THANH NGÔ MD

PAIN RELIEF CENTER

Với sự cộng tác của các Bác sĩ chuyên môn điều trị đau nhức tại Đại học UCLA. PAIN MANAGEMENT CENTER

* **CỐN PHẠM GIA M.D.**
* **GEORGE E. KHOURY M.D.**
* **OANH TRẦN CA (Certified Acupuncturist).**

14571 Magnolia Ave. Suite # 110
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 895-1133

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA BLVD., RESEDA,CA 91335
Tel. (818) 708-7227

B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)
B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM
Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM

NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ

BÁC SĨ
VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL MEDICINE
AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ : BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

* *Bệnh nội khoa ; Tiểu đường, Máu cao..v.v..*
Bệnh phổi : Ho, Suyễn, Đau ngực, Lao, Khó thở...

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường : 9-12 AM và 1-6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM

2720 S. Bristol St. Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

Tel : ***(714) 641. 0263***

PHƯỢNG 's

GENERAL MERCHANDISE

TRUNG TÂM MUA BÁN:
QUÀ TẶNG, MỸ PHẨM
QUẦN ÁO TRẺ EM. XÁCH TAY.

ĐẶC BIỆT : Bán sỉ và lẻ tranh sơn mài, giá hạ.
Nhận VISA- MASTER CARD.
LAYAWAY-U.P.S.
9681 Bolsa Ave. # 11 & 12
Westminster, CA. 92683

(714) 839. 1066

(Trong khu Crystal Palace trước chợ Man Wah)

Mở cửa 7 ngày từ 10:00 AM - 8:00 PM
* *Cần đại lý ở các tiểu bang* ***Kính mời***

REX
INSURANCE AGENCY

VĂN PHÒNG BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP

TRẦN CÔNG TIẾN, Ph.D.

SANTA ANA OFFICE
2709 8. 17 th St. Suite C
Santa Ana, CA. 92703
(714) 554. 4742

WESTMINSTER OFFICE
10451 Bolsa Ave. Suite 207
Westminster, CA. 92683
(714) 531. 1341

BẢO HIỂM XE

Giá hạ cho quí vị mới có bằng lái, quí vị có quá trình lái xe không tốt , các em sinh viên học sinh.

NHÂN THỌ, SỨC KHOẺ, NHÀ, BONDS, THƯƠNG MẠI

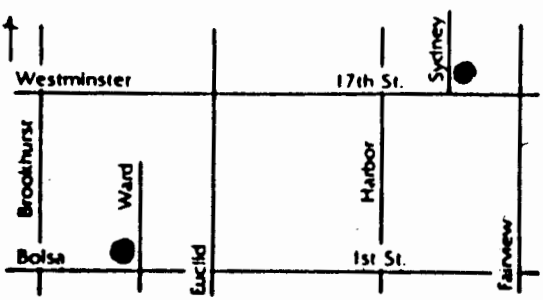

Văn phòng Santa Ana rất tiện lợi cho quí vị ở Orange, Tustin, Santa Ana, Garden Grove. Shopping Center chỉ có tầng trệt và chỗ đậu xe rộng rãi.

Kính chúc quí thân chủ một năm Mậu Thìn như ý.

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN
M.D., F.A.C.S.

• Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát (American Board of Surgery).
• Tốt nghiệp Siêu chuyên khoa Giải phẫu đường ruột và hậu môn.(American Board Qualified of Colon and Rectal Surgery).
• Hội viên Hội Bác sĩ Giải phẫu Hoa Kỳ (Fellow, American College of Surgeons).
• Hội viên Hiệp hội Bác sĩ Giải phẫu đường ruột và hậu môn (American Society of Colon and Rectal Surgeons).

CHUYÊN TRỊ VÀ GIẢI PHẪU

• *Các bệnh trĩ và mạch lươn bằng tia laser ít đau, mau bình phục*
• *Bệnh đường ruột, ung thư ruột, táo bón kinh niên, ruột dư, sa ruột*
• *Sạn túi mật, vàng da, đau bụng*
• *Tầm ung thư ở vú và ngực*
• *Các loại bướu ở đầu và cổ*
• *Giải phẫu sửa cơ vòng âm đạo suy yếu do sinh đẻ hoặc tuổi tác*
• *Tiểu giải phẫu : Cắt qui đầu, cắt bướu ở da, các loại nốt ruồi,*
• *Suy tầm ung thư ruột và bộ tiêu hoá*
• *Soi đường ruột.*

MAGNOLIA CLINIC

14571 Magnolia St, Suite 207, Westminster CA 92683
By Appointment Only : (714) 898.1177

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 8 AM đến 5 PM
Chủ nhật từ 8 AM đến 12 giờ trưa.

. NHỮNG NỖI NIỀM của THỜI ĐẠI qua THƠ VĂN.

. NHỮNG Ý TÌNH BÙNG VỠ của THỜI KỲ NHIỀU BIẾN CỐ.

. NHỮNG GÓP MẶT TÌNH CỜ NHƯNG ĐỘC ĐÁO của NHỮNG CÂY BÚT MỚI XUẤT HIỆN.

. NHỮNG SÁNG TÁC MỚI NHẤT, TIÊU BIỂU NHẤT của NHỮNG TÁC GIẢ ĐÃ TRỞ THÀNH QUEN THUỘC VỚI VĂN HỌC VIỆT NAM HẢI NGOẠI:

BẮC PHONG CAO XUÂN HUY CUNG VŨ HỒ ĐÌNH NGHIÊM LÊ TÂM NGÔ NGUYỆN DŨNG NGU YÊN NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC NGUYỄN THỊ THANH BÌNH NGUYỄN ĐỨC LẬP NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG NGUYỄN NGỌC NGẠN NGUYỄN Ý THUẦN NGUYỄN BÁ TRẠC NGUYỄN MẠNH TRINH PHAN NI TẤN PHAN TẤN HẢI PHAN THỊ TRỌNG TUYỂN THẾ GIANG TRẦN DIỆU HẰNG TRỊNH Y THƯ TƯỜNG NĂNG TIẾN VŨ HUY QUANG

TUYỂN TẬP
23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975

do VĂN NGHỆ xuất bản
Lời Vào Tập: *Nguyễn Mạnh Trinh*
Tranh Bìa: *Nguyên Khai*
Phụ Bản: *Ngọc Dũng & Võ Đình*

Hỏi mua tại các tiệm sách hoặc liên lạc về:
Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Luật sư cho cộng đồng người Việt tại
California và Florida
Với sự phụ tá pháp lý của Bà
THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

*** Văn phòng tại Orange County**
9191 Bolsa Avenue, Suite 228 Westminster CA 92683
Phone: (714) 897-7878

Văn phòng Los Angeles
767 North Hill Street, Suite 203 Los Angeles CA 90012
Phone: (213) 621-7622

Văn phòng San Jose
586 North First Street,Suite 101 San Jose, CA 95112
Phone: (408) 292-7993

CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN XE CỘ

Quí vị ở xa xin gọi TOLL FREE:
1 (800) 445-2930

Ngoài tai nạn xe cộ, văn phòng còn phụ trách :
* Tai nạn lao động, máy bay, trượt té.
* Ly dị
* Say rượu lái xe, trộm cắp, đánh lộn, đả thương.
* Di trú và Nhập tịch.
* Công việc chúng tôi là bảo vệ quyền lợi của quí vị.
* Xin gọi cho tôi, tôi sẽ giải quyết vấn đề của Quí vị một cách :

NHANH CHÓNG-THÀNH TÂM-CHÍNH XÁC
* Tham khảo miễn phí

* Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường.

VĂN PHÒNG MỞ CỬA CẢ NGÀY THỨ BẢY

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....**đến**..... .....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)
Sáu tháng..... **15 MK**
Một năm..... **30 MK**

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)
Sáu tháng..... **21 MK**
Một năm ..... **42 MK**

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu
Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... **21 MK**
Một năm, gửi tàu thủy ..... **42 Mk**
Sáu tháng, gửi máy bay ..... **33 Mk**
Một năm, gửi máy bay ..... **66 MK**

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu
Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... **21 Mk**
Một năm gửi tàu thủy ..... **42 MK**
Sáu tháng, gửi máy bay ..... **40 MK**
Một năm, gửi máy bay ..... **80 MK**

Đính kèm số tiền .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : • Sáu tháng báo Văn Học .....
• Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... **Mỹ kim**

XIN TÌM MUA NGAY NHỮNG TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN MỘNG GIÁC

NGỰA NẢN CHÂN BON

Tập truyện ngắn vừa do Nhà Xuất bản Văn Nghệ tái bản lần thứ 3. Giá tại Hoa Kỳ 9 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí

XUÔI DÒNG

Tập truyện ngắn do Nhà Xuất bản Văn Nghệ in và phát hành. Giá tại Hoa Kỳ 7 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM

Tức Tập 1 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 2. Giá tại Hoa Kỳ 8 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

BÃO NỔI

Tức Tập 2 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 2. Giá tại Hoa Kỳ 9 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

MÙA BIỂN ĐỘNG

Tập 3 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 1. Giá tại Hoa Kỳ 12 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

BÈO GIẠT

Nguyên là tập hạ cuốn 3 Mùa Biển Động, nhưng vì dày tới 450 trang nên tách thành tập 4 của bộ trường thiên, do Nhà xuất bản Văn Nghệ xuất bản lần đầu vào cuối tháng 7.1988. Giá tại Hoa Kỳ 15 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK bưu phí.

THA HƯƠNG

Tập cuối của bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, có phụ đính bản gia phổ tất cả nhân vật trong truyện, bản tóm lược nội dung các chương, và ý kiến phê bình. Sách sẽ do Nhà Xuất bản Văn Nghệ in và phát hành Mùa Hè năm 1989, hoàn tất bộ trường thiên dày 1500 trang.

ĐƯỜNG MỘT CHIỀU

Truyện dài của Nguyễn Mộng Giác được giải PEN Club Việt Nam năm 1974. Nam Giao xuất bản lần đầu năm 1974. Văn Nghệ tái bản lần thứ nhất năm 1988.

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X
in tại NVPRINTING (714) 897-3628

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết.

□ *SÁCH IN NĂM 1988:*

– HOA BƯƠM BƯỚM Tiểu thuyết Võ Hồng	**9MK**
– MUÔN KIẾP CÔ LIÊU Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc	**14MK**
– TIỂU THUYẾT II Võ Phiến	**15MK**
– TÙ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY Thơ Nguyễn Ngọc Thuận	**6MK**
– NƠI TRẠI TRÙNG GIỚI Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang	**10MK**
– KIẾP NGƯỜI Tiểu thuyết W.S. Maugham Nguyễn Hiến Lê dịch	**13MK**
– BÈO GIẠT (MBĐ IV) Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác	**15MK**
– NHƯ CÁNH CHIM BAY Tiểu thuyết Võ Hồng	**13MK**
– HỒI KÍ (Tập III) của Nguyễn Hiến Lê	**9MK**
– TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT của Nguyễn Hiến Lê	**7MK**
– LONG LANH HẠT BỤI Tập truyện Nguyễn thị Hoàng Bắc	**10MK**
– TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975	**12MK**

□ *SÁCH ĐANG IN:*

– CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC LÃNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY
của Lê Tuyên

– TIẾNG KÈN
Tập truyện của Nhật Tiến

Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản

Giá 3 Mỹ kim